HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 85/NQ-HĐND	*Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc thông qua Đề án công nhận xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
KHÓA XVIII KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Quốc hội về quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

Căn cứ Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được sửa đổi tại Quyết định số 1832/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Bộ Xây dựng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Thông báo số 738-TB/TU ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III;

Xét Tờ trình số 339/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua các Đề án công nhận 25 xã là đô thị loại III, bao gồm: Triệu Việt Vương, Châu Ninh, Phụ Dực, Quỳnh Phụ, Đông Hưng, Hoàng Hoa Thám, Lương Bằng, Hưng Phú, Mễ Sở, Việt Yên, Kiến Xương, Vũ Quý, Long Hưng, Hưng Hà, Khoái Châu, Vũ Thư, Ân Thi, Nguyễn Trãi, Tiên Tiến, Lạc Đạo, Văn Giang, Hoàn Long, Xuân Trúc, Tiên Lữ, Quang Hưng; Báo

cáo thẩm tra số 613/BC-BPC ngày 27 tháng 9 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận và kết quả biểu quyết của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Đề án công nhận xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III *(có Đề án kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; rà soát, hoàn thiện hồ sơ, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực của thông tin, số liệu và các nội dung trình Hội đồng nhân dân tỉnh; quyết định và tổ chức công bố Quyết định công nhận xã Nguyễn Trãi là đô thị loại III theo thẩm quyền.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên khóa XVIII Kỳ họp thứ Tư nhất trí thông qua ngày 28 tháng 9 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ủy ban Công tác đại biểu của Quốc hội;
- Các Bộ: Xây dựng; Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các vị đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực XI;
- Kho bạc Nhà nước khu vực IV;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Cổng TTĐT Đại biểu Nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Báo và PTTH tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Ký bởi: Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên
Cơ quan: Tỉnh Hưng Yên
Thời gian ký: 01/10/2026 18:33:00

Trần Quốc Văn

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ NGUYỄN TRÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03 /ĐA-UBND	*Xã Nguyễn Trãi, ngày 26 tháng 9 năm 2026*

ĐỀ ÁN

CÔNG NHẬN XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN LÀ ĐÔ THỊ LOẠI III

******

I. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết công nhận xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III

Xã Nguyễn Trãi được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã Đặng Lễ, Nguyễn Trãi, Cẩm Ninh, Đa Lộc của huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên cũ. Xã Nguyễn Trãi nằm ở khu vực phát triển phía Bắc của tỉnh, xã đóng vai trò là cửa ngõ giao thương quan trọng nhờ hệ thống hạ tầng giao thông huyết mạch đồng bộ như: đường cao tốc Hà Nội-HP, đường Quốc lộ QL.38, đường tỉnh TL.376...đồng thời hội tụ các thế mạnh về nông nghiệp, làng nghề và dịch vụ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã, hiện nay là các xã mới sau sáp nhập của khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên.

Xã Nguyễn Trãi được định hướng phát triển đô thị theo Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2026-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Việc lập Đề án đề nghị đánh giá, công nhận xã Nguyễn Trãi là đô thị loại III là phù hợp, có vai trò quyết định đối với tương lai phát triển của địa phương, xuất phát từ các lý do cấp thiết sau:

- Xã Nguyễn Trãi nằm trong đô thị Ân Thi là đô thị loại III trong giai đoạn 2026-2030. Định hướng sau năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, xã Nguyễn Trãi hợp nhất với đô thị Mỹ Hào và đô thị Văn Lâm thành đô thị mới là đô thị Mỹ Hào với tính chất là: Là đô thị loại II, đô thị thuộc vùng phía Bắc, thuộc hành lang đô thị công nghiệp của Tỉnh phát triển công nghiệp, dịch vụ thương mại và nhà ở, là đô thị trung tâm vùng đô thị hóa - công nghiệp hóa phía Bắc của tỉnh Hưng Yên. Đồng thời là khu vực đầu mối giao thông quan trọng phía Đông Bắc của Tỉnh, nằm trong khu vực phía Bắc thuộc cấu trúc mạng lưới đô thị kết nối với sân bay Gia Bình.

- Việc nâng cấp khu vực xã Nguyễn Trãi sẽ tạo động lực cho hệ thống đô thị của tỉnh và vùng phụ cận phát triển nhanh và toàn diện hơn. Tạo đà tiếp tục đầu tư mạnh mẽ hơn nữa, phát huy những yếu tố tiềm năng, phát triển kinh tế - xã

hội của xã trong kế hoạch chiến lược trung hạn và dài hạn, từng bước tương xứng với vị trí quan trọng của một đô thị tiểu vùng trung tâm của tỉnh Hưng Yên.

- Thực tiễn cho thấy việc nâng loại các đô thị tương xứng với vị trí và tiềm năng, đều trở thành tiền đề và động lực cho giai đoạn sau phát triển mạnh mẽ hơn giai đoạn trước. Với những thay đổi về các yếu tố tác động ngoại lực và nội tại của xã Nguyễn Trãi việc quản lý xây dựng đô thị theo hướng nâng loại xã Nguyễn Trãi trở thành đô thị loại III là cần thiết.

2. Căn cứ pháp lý lập đề án

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng đồng bằng Sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí Thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị; Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết

số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội về sửa đổi quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;

- Nghị định số 35/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết về phân loại đô thị;

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Công văn số 365/TTg-TCCV ngày 06/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Công văn số 2705/BNV-CQĐP ngày 25/3/2026 của Bộ Nội vụ về việc phân loại, lập hồ sơ bản đồ địa giới, công bố số liệu diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính và thành lập đơn vị hành chính đô thị;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Kết luận số 378-TB/TU ngày 05/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Phương án thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026.

- Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

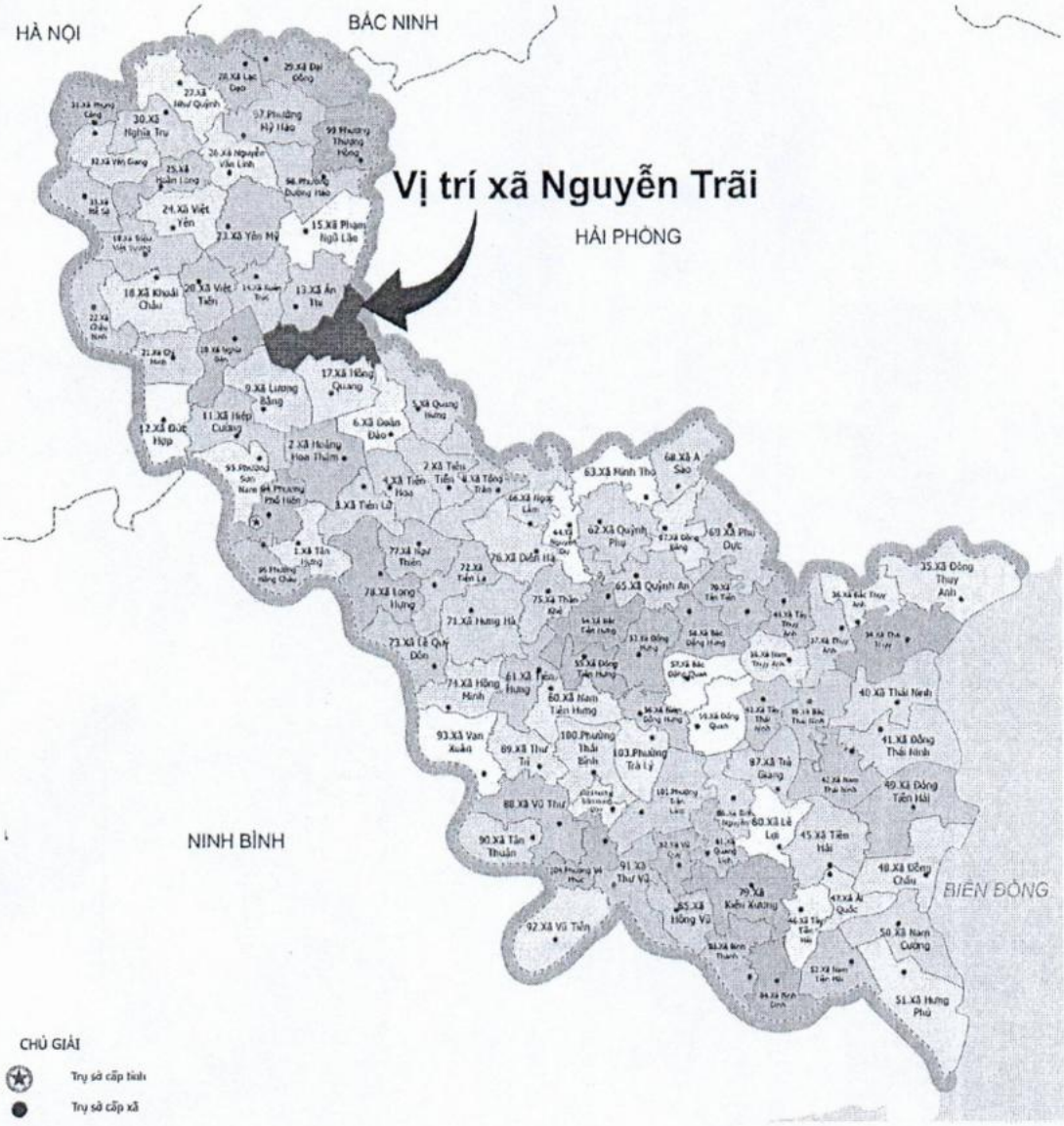
- Kế hoạch số 179/KH-UBND ngày 21/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về thành lập các phường trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026 - Các văn bản khác có liên quan.

3. Phạm vi lập đề án

Phạm vi lập Đề án công nhận xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Nguyễn Trãi. với tổng diện tích tự nhiên khoảng 30,68 km^2 và quy mô dân số toàn đô thị năm 2025 là 30.646 người. Ranh giới khu vực lập đề án cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp thành phố Hải Phòng;

- Phía Tây giáp các xã Lương Bằng, Nghĩa Dân, Xuân Trúc;
- Phía Nam giáp xã Hồng Quang;
- Phía Bắc giáp xã Ân Thi.



Hình 1: Sơ đồ vị trí ranh giới xã Nguyễn Trãi trong tỉnh Hưng Yên

PHẦN II. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển xã Nguyễn Trãi

Cách mạng Tháng Tám thành công, Chính phủ bỏ cấp phủ, từ đó Ân Thi là 1 trong 9 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên. Ngày 26/01/1968, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ban hành Quyết định số 504-QĐ/TVQH về việc hợp nhất hai tỉnh Hưng Yên và Hải Dương thành tỉnh Hải Hưng. Lúc bấy giờ, huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hải Hưng.

Ngày 24/02/1979, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định số 70-CP về việc hợp nhất và điều chỉnh địa giới một số huyện thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, hợp nhất huyện Kim Động và huyện Ân Thi thành một huyện lấy tên là Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Ngày 04/01/1982, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Quyết định số 02-HĐBT về việc mở rộng thị xã Hưng Yên, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, sáp nhập 02 xã: Lam Sơn và Hiến Nam của huyện Kim Thi (nay là 02 huyện Kim Động và Ân Thi) vào thị xã Hưng Yên quản lý. Ngày 27/01/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 05-CP về việc chia các huyện Tứ Lộc, ninh Thanh, Kim Thi thuộc tỉnh Hải Hưng. Theo đó, chia huyện Kim Thi thành hai huyện Kim Động và Ân Thi.

Ngày 23/3/1996, Chính phủ ban hành Nghị định số 17-CP về việc thành lập thị trấn huyện lỵ thuộc các huyện Ân Thi, Thanh Miện, tỉnh Hải Hưng. Theo đó, thành lập thị trấn Ân Thi thuộc huyện Ân Thi trên cơ sở xã Thổ Hoàng và 4,43 ha diện tích tự nhiên với 250 nhân khẩu của xã Đặng Lễ; 4,76 ha diện tích tự nhiên với 520 nahan khẩu của xã Hoàng Hoa Thám; 4,45 ha diện tích tự nhiên với 230 nhân khẩu của xã Quảng Lãng. Lúc bấy giờ, huyện Ân Thi thuộc tỉnh Hải Hưng và có 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm 01 thị trấn (Ân Thi) và 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc).

Ngày 06/11/1996, Quốc hội khóa IX ban hành Nghị quyết về việc chia và điều chỉnh địa giới hành chính một số tỉnh. Theo đó, chia tỉnh Hải Hưng thành 02 tỉnh là Hải Dương và Hưng Yên. Huyện Ân Thi lúc bấy giờ là 01 trong 06 ĐVHC cấp huyện thuộc tỉnh Hưng Yên, với 21 ĐVHC cấp xã trực thuộc, bao gồm: 01 thị trấn (Ân Thi), 20 xã (Bắc Sơn, Bãi Sậy, Cẩm Ninh, Đa Lộc, Đặng Lễ, Đào Dương, Hạ Lễ, Hồ Tùng Mậu, Hoàng Hoa Thám, Hồng Quang, Hồng Vân, Nguyễn Trãi, Phù Ủng, Quảng Lãng, Quang Vinh, Tân Phúc, Tiền Phong, Vân Du, Văn Nhuệ, Xuân Trúc).

Ngày 24/10/2024, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1248/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng

Yên giai đoạn 2023 - 2025. Theo đó, nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của xã Văn Nhuệ vào xã Đa Lộc.

Ngày 12/6/2025, Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh. Theo đó, sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của tỉnh Thái Bình và tỉnh Hưng Yên thành tỉnh mới có tên gọi là tỉnh Hưng Yên. Ngày 16/6/2025, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên năm 2025. Theo đó xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Đặng Lễ, Cẩm Ninh, Đa Lộc và Nguyễn Trãi thành xã mới có tên gọi là xã Nguyễn Trãi và tồn tại cho đến ngày nay.

2. Đánh giá tổng hợp về công tác triển khai đầu tư, xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị được duyệt

2.1. Công tác quy hoạch và phát triển đô thị

Công tác quy hoạch và phát triển đô thị trên địa bàn xã Nguyễn Trãi trong thời gian qua đã có những chuyển biến tích cực, từng bước tạo nền tảng để hình thành không gian đô thị đồng bộ. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính, xã Nguyễn Trãi có diện tích tự nhiên 30,68 km², dân số 30.646 người, gồm 30 thôn; quy mô này tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các khu chức năng đô thị, phát triển hạ tầng và mở rộng không gian dân cư.

Công tác quy hoạch đã từng bước gắn với định hướng phát triển đô thị, quản lý đất đai và đầu tư xây dựng. Trên địa bàn đã triển khai, nghiên cứu nhiều đồ án có tính chất đô thị, trong đó Khu dân cư mới và nhà ở xã hội Ân Thi có quy mô nghiên cứu khoảng 50 ha, riêng phần thuộc xã Nguyễn Trãi khoảng 40 ha, bố trí các chức năng nhà ở, giáo dục, văn hóa, thương mại - dịch vụ, cây xanh, giao thông, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật. Đây là cơ sở quan trọng để hình thành các khu dân cư mới có hạ tầng đồng bộ, giảm áp lực lên khu dân cư hiện hữu.

Bên cạnh đó, Khu công nghiệp Kim Động - Ân Thi được quy hoạch với tổng diện tích khoảng 399,68 ha, trong đó trên địa bàn xã Nguyễn Trãi có hơn 75 ha, thuộc các thôn Mão Xuyên, La Chàng và Đông Bạn. Khu công nghiệp được định hướng phát triển theo hướng công nghệ cao, với quy mô lao động dự kiến khoảng 21.784 người. Đây là động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gia tăng nhu cầu nhà ở, thương mại - dịch vụ, giao thông và các công trình hạ tầng xã hội trên địa bàn.

Về hạ tầng và kết nối không gian, xã có ĐT.376, tuyến đường kết nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình, cùng các tuyến đường trục ngang và tuyến Tân Phúc - Võng Phan đang được đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho giao lưu kinh tế và mở rộng không gian phát triển đô thị.

Công tác quản lý và phát triển đô thị đã được địa phương xác định là nhiệm vụ trọng tâm. Năm 2026, xã đã xây dựng chủ trương thành lập phường Nguyễn Trãi trên toàn bộ địa giới 30,68 km², với 30.646 người; kết quả đánh giá cho thấy 5/5 tiêu chuẩn thành lập phường đạt và vượt, đồng thời có 8.925 hộ, tương đương 99,78% số hộ tham gia lấy ý kiến, đồng ý với Đề án. Đây là minh chứng rõ về mức độ đô thị hóa và sự đồng thuận của cộng đồng đối với định hướng phát triển đô thị.

Tuy nhiên, hệ thống hạ tầng giữa các khu vực vẫn cần tiếp tục được đầu tư đồng bộ, nhất là giao thông nội bộ, thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, không gian công cộng và hạ tầng xã hội. Trong thời gian tới cần tiếp tục hoàn thiện các quy hoạch, kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng theo quy hoạch, gắn phát triển các khu đô thị và khu công nghiệp với chỉnh trang khu dân cư hiện hữu, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cảnh quan.

Nhìn chung, công tác quy hoạch và phát triển đô thị tại xã Nguyễn Trãi đang chuyển từ mô hình phát triển dân cư nông thôn sang mô hình đô thị có tổ chức, với các dự án khu dân cư, nhà ở xã hội, khu công nghiệp và hệ thống giao thông đối ngoại ngày càng hoàn thiện. Đây là cơ sở quan trọng để xã tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí đô thị loại III, hình thành không gian đô thị hiện đại, đồng bộ và phát triển bền vững.

2.2. Các dự án đang triển khai theo quy hoạch

Trên địa bàn xã Nguyễn Trãi hiện đang triển khai nhiều dự án đầu tư xây dựng và hạ tầng có vai trò quan trọng trong quá trình đô thị hóa, từng bước hình thành hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ và tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Theo danh mục dự án đầu tư công được chuyển giao về UBND xã, nhóm dự án đang triển khai nổi bật gồm các công trình giao thông, khu dân cư và hạ tầng kỹ thuật.

Về hạ tầng giao thông, một số dự án đang được triển khai gồm: cải tạo, nâng cấp ĐH.65 đoạn từ Nghĩa trang Liệt sỹ xã Cẩm Ninh đến thôn Mão Xuyên; cải tạo, nâng cấp ĐH.60 đoạn Km0+500-Km2+500; nâng cấp, mở rộng ĐH.65 đoạn từ ĐT.376 mới đến ĐT.386 và cải tạo, nâng cấp ĐH.61 đoạn Km7+277-Km11+500. Bên cạnh đó, xã đang triển khai các dự án đường QH.02, tuyến kết nối từ QL.38 cũ đến các tuyến QH.04, ĐH.60 kéo dài và kết nối ra ĐT.376 cũ. Các dự án này có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thiện mạng lưới giao thông khung, tăng khả năng kết nối giữa các khu dân cư với các tuyến giao thông đối ngoại và tạo điều kiện mở rộng không gian đô thị.

Đáng chú ý là dự án xây dựng ĐT.376B, đoạn kết nối QL.39 với ĐT.386C, hiện đang thực hiện công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trên địa bàn xã. Đây là tuyến giao thông có vai trò tăng cường kết nối liên khu vực, tạo điều kiện thuận

lợi cho lưu thông hàng hóa, thu hút đầu tư và phát triển các khu vực dân cư, thương mại - dịch vụ dọc tuyến.

Về phát triển khu dân cư và nhà ở, dự án Khu dân cư mới và nhà ở xã hội Ân Thi đang được nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500. Dự án có tổng diện tích khoảng 50 ha, trong đó phần thuộc xã Nguyễn Trãi khoảng 40 ha, tập trung tại các thôn Mão Xuyên, Bình Xá và Yên Xá. Dự án dự kiến bố trí đất ở, giáo dục, văn hóa, thương mại - dịch vụ, cây xanh, giao thông, bãi đỗ xe và các công trình hạ tầng kỹ thuật, góp phần hình thành khu dân cư mới có chất lượng, đồng bộ với định hướng phát triển đô thị.

Về phát triển công nghiệp, quy hoạch phân khu Khu công nghiệp Kim Động - Ân Thi có tổng diện tích khoảng 399,68 ha, trong đó trên địa bàn xã Nguyễn Trãi có hơn 75 ha, thuộc các thôn Mão Xuyên, La Chàng và Đông Bạn. Khu công nghiệp được định hướng phát triển theo hướng công nghệ cao, dự kiến tạo việc làm cho khoảng 21.784 lao động. Đây sẽ là động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gia tăng nhu cầu nhà ở, dịch vụ, thương mại và hạ tầng xã hội trên địa bàn.

Ngoài ra, xã đang triển khai hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án giao thông và đấu giá quyền sử dụng đất làm nhà ở, cùng một số dự án chỉnh trang, phát triển hạ tầng khu dân cư. Việc đồng thời triển khai các dự án giao thông, khu dân cư, nhà ở xã hội, khu công nghiệp và tái định cư cho thấy cấu trúc phát triển đô thị của xã Nguyễn Trãi đang chuyển biến rõ nét từ khu vực nông thôn sang không gian đô thị.

Đánh giá chung: Các dự án đang triển khai có tính liên kết và hỗ trợ lẫn nhau, trong đó giao thông đóng vai trò khung, khu dân cư - nhà ở xã hội tạo không gian đô thị, còn khu công nghiệp tạo động lực kinh tế và việc làm. Đây là cơ sở quan trọng để xã Nguyễn Trãi hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, mở rộng không gian đô thị và nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chí đô thị loại III. Tuy nhiên, cần tiếp tục đẩy nhanh giải phóng mặt bằng, bảo đảm tiến độ và chất lượng công trình, đồng thời kiểm soát chặt chẽ sự đồng bộ giữa phát triển khu công nghiệp, nhà ở, giao thông, thoát nước, môi trường và các công trình dịch vụ công cộng nhằm bảo đảm phát triển đô thị bền vững.

2.3. Công tác cải tạo nâng cấp chỉnh trang đô thị theo quy hoạch

Công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn xã Nguyễn Trãi thời gian qua được quan tâm triển khai gắn với quá trình đô thị hóa, phát triển kết cấu hạ tầng và nâng cao chất lượng môi trường sống. Với địa bàn gồm 30 thôn, xã đang từng bước chuyển từ mô hình khu dân cư nông thôn sang không gian đô thị

có tổ chức, trong đó ưu tiên cải tạo hệ thống giao thông, hạ tầng kỹ thuật, công trình công cộng và chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu.

Trong năm 2025, xã đã tập trung huy động nguồn lực đầu tư hạ tầng dân sinh, cải tạo, nâng cấp 05 tuyến đường giao thông với tổng mức đầu tư khoảng 20,4 tỷ đồng. Các dự án góp phần cải thiện chất lượng mạng lưới giao thông, tăng khả năng kết nối giữa các khu dân cư, các tuyến đường đối ngoại và khu vực sản xuất. Đồng thời, xã đã xây mới Nhà văn hóa thôn Văn Trạch với kinh phí khoảng 4,1 tỷ đồng, góp phần bổ sung thiết chế văn hóa, nâng cao chất lượng sinh hoạt cộng đồng và hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội.

Cùng với đầu tư xây dựng mới, công tác cải tạo, chỉnh trang hạ tầng hiện hữu được thực hiện đồng bộ hơn. Hệ thống truyền thanh được lắp mới, sửa chữa, bảo đảm 100% số thôn trên địa bàn có hệ thống truyền thanh, phục vụ công tác thông tin tuyên truyền và quản lý cộng đồng. Công tác quản lý đất đai, xây dựng và trật tự đô thị được tăng cường; đến cuối năm 2025 xã đã cấp mới 471 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, góp phần từng bước hoàn thiện cơ sở quản lý đất đai và kiểm soát quá trình phát triển xây dựng.

Đặc biệt, trong năm 2026, xã đã tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và chỉnh trang địa bàn. Ngày 29/01/2026, UBND xã triển khai kế hoạch kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng trái quy định, vi phạm đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi và đê điều; 30/30 thôn, ấp đã ký cam kết phối hợp kiểm tra, phát hiện và xử lý vi phạm ngay từ cơ sở. Đây là cơ sở quan trọng để kiểm soát phát triển xây dựng theo quy hoạch, hạn chế tình trạng xây dựng tự phát và từng bước hình thành môi trường đô thị có kỷ cương.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác chỉnh trang đô thị vẫn còn một số hạn chế. Qua ý kiến cử tri năm 2026, người dân tiếp tục đề nghị hoàn thiện một số tuyến đường giao thông, sửa chữa các tuyến đường xuống cấp, mở rộng giao thông nội đồng, bổ sung hệ thống chiếu sáng, biển báo giao thông, sân chơi trẻ em và sân thể thao cộng đồng, đồng thời quan tâm tu bổ các di tích lịch sử - văn hóa và cải thiện vệ sinh môi trường. Điều này cho thấy hệ thống hạ tầng giữa các khu vực vẫn chưa hoàn toàn đồng bộ và cần tiếp tục được đầu tư theo quy hoạch.

Trong những năm qua, công tác cải tạo, nâng cấp và chỉnh trang đô thị trên địa bàn xã Nguyễn Trãi đã đạt được những kết quả rõ nét, đặc biệt trong đầu tư giao thông với 05 tuyến đường, tổng vốn khoảng 20,4 tỷ đồng, đầu tư Nhà văn hóa thôn Văn Trạch 4,1 tỷ đồng, bảo đảm 30/30 thôn có hệ thống truyền thanh và tăng cường quản lý xây dựng trên toàn địa bàn. Đây là những kết quả quan trọng góp phần cải thiện diện mạo, chất lượng hạ tầng và điều kiện sống của người dân, tạo nền tảng để xã đáp ứng các tiêu chí đô thị loại III.

Trong giai đoạn tới, cần tiếp tục ưu tiên chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu; nâng cấp các tuyến giao thông xuống cấp; hoàn thiện hệ thống thoát nước, chiếu sáng, cây xanh và không gian công cộng; chỉnh trang cảnh quan các tuyến đường chính; nâng cấp các thiết chế văn hóa - thể thao, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng theo quy hoạch. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần hình thành không gian đô thị khang trang, đồng bộ, xanh, sạch và bền vững, đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển xã.

2.4. Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị theo quy hoạch

Đối với, công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn xã Nguyễn Trãi thời gian qua được tăng cường, từng bước chuyển sang phương thức quản lý theo quy hoạch, gắn quản lý xây dựng với quản lý đất đai, giao thông, thủy lợi và bảo vệ môi trường. Xã Nguyễn Trãi sau khi sắp xếp thực trạng công tác quản lý trật tự đô thị ngày càng phức tạp, phát sinh do quá trình đô thị hóa tăng nhanh do đó yêu cầu kiểm soát phát triển xây dựng trên địa bàn tương đối lớn và ngày càng cao.

Năm 2025, công tác quản lý đất đai được chú trọng, xã đã cấp mới 471 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý phục vụ quản lý đất đai và kiểm soát việc xây dựng theo mục đích sử dụng đất. Đồng thời, công tác giải phóng mặt bằng, triển khai các dự án và quản lý xây dựng được tăng cường, tạo cơ sở để tổ chức không gian phát triển phù hợp với định hướng quy hoạch.

Đặc biệt, ngày 29/01/2026, UBND xã triển khai Kế hoạch số 16/KH-UBND về tăng cường kiểm tra, xử lý các công trình xây dựng trái quy định và các vi phạm về đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi, đê điều. Công tác kiểm tra được tổ chức trên 100% địa bàn 30/30 thôn; đồng thời 30/30 thôn đã ký cam kết phối hợp kiểm tra, phát hiện và ngăn chặn vi phạm ngay từ cơ sở. Việc huy động bí thư chi bộ, trưởng thôn và tổ bảo vệ an ninh trật tự tham gia quản lý địa bàn góp phần nâng cao tính chủ động, kịp thời trong phát hiện và xử lý vi phạm.

Công tác quản lý trật tự xây dựng được thực hiện trong bối cảnh xã đang đẩy mạnh đầu tư hạ tầng và phát triển đô thị. Trong năm 2025, xã đã cải tạo, nâng cấp 05 tuyến đường giao thông với tổng mức đầu tư khoảng 20,4 tỷ đồng, xây dựng Nhà văn hóa thôn Văn Trạch khoảng 4,1 tỷ đồng. Những dự án này vừa cải thiện hạ tầng, vừa đặt ra yêu cầu kiểm soát chặt chỉ giới đường đỏ, hành lang giao thông, trật tự xây dựng và cảnh quan dọc các tuyến đường.

Bên cạnh kết quả đạt được, quá trình đô thị hóa, triển khai các dự án giao thông, khu dân cư và công nghiệp sẽ làm gia tăng áp lực đối với công tác quản lý xây dựng. Vì vậy, cần tiếp tục kiểm tra thường xuyên 30/30 thôn; kiểm soát chặt việc chuyển mục đích sử dụng đất, xây dựng không phù hợp quy hoạch, lấn chiếm

hành lang giao thông, thủy lợi, đê điều; xử lý vi phạm ngay từ khi mới phát sinh. Đồng thời, cần tăng cường công khai quy hoạch, số hóa dữ liệu đất đai và xây dựng, nâng cao trách nhiệm của cán bộ chuyên môn và chính quyền cơ sở.

Đánh giá chung: Công tác quản lý trật tự xây dựng đô thị tại xã Nguyễn Trãi đã có chuyển biến tích cực, với phạm vi kiểm tra 100% địa bàn 30 thôn, 30/30 thôn ký cam kết, 471 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp mới và nhiều dự án hạ tầng đang được triển khai. Đây là cơ sở quan trọng để kiểm soát quá trình đô thị hóa, bảo đảm phát triển xây dựng đúng quy hoạch và từng bước đáp ứng yêu cầu đô thị loại III. Tuy nhiên, cần tiếp tục nâng cao tính chuyên nghiệp, thường xuyên và đồng bộ của công tác quản lý để phòng ngừa vi phạm, bảo đảm phát triển đô thị có trật tự, đồng bộ và bền vững.

2.5. Hiện trạng phát triển đô thị xã Nguyễn Trãi

2.5.1. Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được UBND tỉnh Hưng Yên phê duyệt tại Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 02/10/2020, khu vực xã Nguyễn Trãi thuộc Tiểu vùng phía Nam huyện Ân Thi cũ, được định hướng phát triển dịch vụ - thương mại kết hợp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao, đồng thời phát triển các cụm công nghiệp, ngành nghề thủ công mỹ nghệ, nghề truyền thống và dịch vụ công nghiệp. Định hướng này được hình thành trên cơ sở khai thác lợi thế về vị trí và mạng lưới giao thông gồm Quốc lộ 38, ĐT.376, ĐT.386, tuyến đường kết nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và Cầu Giẽ - Ninh Bình cùng hệ thống đường huyện, đường liên xã. Với quỹ đất tương đối lớn, hạ tầng từng bước được đầu tư và quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh, khu vực Nguyễn Trãi có điều kiện thuận lợi để xây dựng, nâng cấp và phát triển theo hướng đô thị.

Trong không gian phát triển của huyện Ân Thi cũ, Nguyễn Trãi giữ vai trò là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế và đầu mối giao thông, có khả năng cung cấp các dịch vụ đô thị cho khu vực phía Nam huyện và các địa bàn lân cận; đồng thời là một trong những khu vực có vai trò thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển thương mại - dịch vụ, công nghiệp và nâng cao chất lượng đời sống dân cư.

Theo Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026, xã Nguyễn Trãi nằm trong không gian Vùng động lực phía Bắc của tỉnh, có điều kiện thuận lợi về vị trí, hạ tầng giao thông và liên kết vùng. Khu vực được định hướng tham gia vào hành lang phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ, tăng cường liên

kết với Hà Nội, Bắc Ninh và Hải Phòng; phát triển công nghiệp công nghệ cao, thương mại - dịch vụ, logistics, đô thị và các hoạt động đổi mới sáng tạo.

Trên cơ sở đó, chức năng của xã Nguyễn Trãi được định hướng chuyển dịch theo hướng đa chức năng, trong đó trọng tâm là phát triển đô thị - công nghiệp - thương mại, dịch vụ và logistics, kết hợp với các khu vực sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và không gian sinh thái. Xã có vai trò hình thành các khu dân cư, khu đô thị mới, trung tâm thương mại - dịch vụ và các công trình hạ tầng xã hội phục vụ dân cư; đồng thời hỗ trợ phát triển các khu, cụm công nghiệp và hoạt động sản xuất, kinh doanh trong khu vực.

Với vị trí nằm trên các trục giao thông quan trọng, xã Nguyễn Trãi có tiềm năng trở thành đầu mối kết nối và trung chuyển hàng hóa, dịch vụ giữa khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng và vùng Đồng bằng sông Hồng. Đây là lợi thế quan trọng để phát triển các ngành dịch vụ logistics, thương mại, kho vận, dịch vụ công nghiệp và các loại hình dịch vụ đô thị có giá trị gia tăng cao.

Trong giai đoạn đến năm 2030, xã Nguyễn Trãi được định hướng phát triển thành phường, phù hợp với quá trình đô thị hóa và yêu cầu tổ chức lại không gian phát triển. Việc xây dựng xã là đô thị loại III sẽ tạo cơ sở nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, tổ chức không gian đô thị, quản lý đất đai và xây dựng; đồng thời khai thác hiệu quả các lợi thế về giao thông, vị trí, quỹ đất và nguồn lực phát triển.

2.5.2. Hiện trạng phát triển kinh tế, xã hội

2.5.2.1. Hiện trạng phát triển kinh tế

Trong những năm qua, với mục tiêu tập trung đẩy nhanh tiến trình đô thị hóa trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, chính quyền và nhân dân xã Nguyễn Trãi đã nỗ lực phấn đấu triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế xã hội, cụ thể như sau:

a) Các chỉ tiêu phát triển kinh tế

Tổng giá trị sản xuất trên địa bàn xã Nguyễn Trãi năm 2025 theo giá hiện hành đạt 22.716,28 tỷ đồng, tăng 13,18% so với cùng kỳ năm 2024; trong đó, giá trị sản xuất ngành công nghiệp - xây dựng đạt 14.765,58 tỷ đồng, tăng 13,84%; thương mại - dịch vụ đạt 2.155,77 tỷ đồng, tăng 16,51%, nông - lâm - thủy sản đạt 5.794,93 tỷ đồng, tăng 13,84% so với cùng kỳ năm 2024. Tốc độ tăng trưởng kinh tế của xã giai đoạn 2023 - 2025 bình quân đạt 12,37%, trong đó: năm 2023 tăng 11,48%, năm 2024 tăng 12,45% và năm 2025 tăng 13,18%.

Cơ cấu kinh tế của xã chuyển dịch tích cực theo hướng giảm nhanh tỷ trọng ngành nông - lâm - thủy sản, đồng thời tăng nhanh tỷ trọng ngành thương mại - dịch vụ và công nghiệp - xây dựng, trong đó năm 2025: khu vực thương mại - dịch vụ chiếm 9,49%, khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 65,82% và khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản chiếm 24,69% trong cơ cấu kinh tế của xã.

b) Thu, chi ngân sách

Công tác quản lý tài chính, thu chi ngân sách trên địa bàn xã được chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả. Thực hiện phân bổ, giao và điều chỉnh dự toán ngân sách xã năm 2025 đảm bảo đúng quy định. Công tác điều hành và quản lý thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn đã đảm bảo tiến độ, bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ đề ra. Tổng thu ngân sách trên địa bàn xã Nguyễn Trãi năm 2025 đạt 870,80 tỷ đồng; tổng chi ngân sách năm 2025 đạt 762,19 tỷ đồng, trong đó chi thường xuyên đạt 217,88 tỷ đồng, chi đầu tư phát triển đạt 429,62. Cân đối có dư.

c) Thu nhập bình quân đầu người

Giai đoạn 2023 - 2025, thu nhập của người dân trên địa bàn xã tiếp tục tăng cao, đời sống người dân ngày càng cải thiện đáng kể; trong đó, năm 2023 là 73,0 triệu đồng/người/năm, năm 2024 là 77,0 triệu đồng/người/năm, năm 2025 là 78,7 triệu đồng/người/năm.

d) Hộ nghèo

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều bình quân giai đoạn 2023 - 2025 của xã Nguyễn Trãi là 0,53%, trong đó: năm 2023 là 0,82%, năm 2024 là0,43% và năm 2025 là 0,21%.

đ) Phát triển các ngành, lĩnh vực

*** Sản xuất nông nghiệp**

Xã tập trung chỉ đạo thực hiện Kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2025, gieo cấy đúng khung thời vụ. Năm 2025, tổng diện tích toàn xã gieo cấy lúa vụ Xuân là 1.618,82 ha, vụ Mùa là 1.618,82 ha, đạt 100% kế hoạch, nhân dân trong xã tập trung gieo cấy và hoàn thành gieo cấy trong khung lịch thời vụ. Lúa chất lượng cao chiếm 70 - 75% diện tích (gồm các giống Nếp thơm Hưng Yên, ĐH12, Tiền Hải…), năng suất đạt 5,9 tấn/ha/vụ, tổng sản lượng 19.102 tấn. Cơ giới hóa được áp dụng ở toàn bộ các khâu làm đất, thu hoạch, tỷ lệ diện tích lúa được cấp bằng mạ khay đang dần được nâng cao. Diện tích cấy bằng máy cấy đạt tỷ lệ khoảng 30% diện tích toàn xã (cấy bằng máy cấy nhiều nhất ở các thôn Nhân Vũ, Mễ Xá, Văn Trạch, Cổ Lễ…). Hiện nay lực lượng dong dẫn nước đang tổ chức lõng ải để chuẩn bị cày bật đất vụ Đông Xuân năm 2025 - 2026.

Ngành chăn nuôi duy trì ổn định. chăn nuôi gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ, đàn gia súc, gia cầm được tiêm phòng đầy đủ, giám sát chặt chẽ dịch bệnh. Số lượng trâu, bò, lợn toàn xã có khoảng 8.642 con; số lượng gia cầm, toàn xã có 143.451 con. Ủy ban nhân dân xã tổ chức phun thuốc khử trùng tiêu độc môi trường với diện tích 50.000 m2 tại các khu chăn nuôi, nơi có nguy lây lan bệnh dịch cơ cao, nơi họp chợ… Tổ chức đăng ký vắc xin và tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc gia cầm vụ Thu - Đông, đã thực hiện tiêm phòng bệnh Tụ huyết trùng và bệnh Dịch tả lợn cho 5.900 con, tiêm phòng bệnh Tụ huyết trùng trên trâu bò cho 390 con. Đã tổ chức triển khai tiêm phòng 75.000 liều vắc xin Cúm gia cầm cho đàn gia cầm, đây là nhiệm vụ trọng tâm đang được ưu tiên để phòng ngừa các chủng virus cúm nguy hiểm, đặc biệt trong điều kiện thời tiết chuyển mùa.

Nuôi trồng thủy sản vẫn giữ ổn định, không có dịch bệnh xảy ra. Các hộ nuôi trồng thủy sản tiếp tục đa dạng về cơ cấu giống nuôi trồng và áp dụng các biện pháp kỹ thuật phòng, trị bệnh cho động vật thủy sản. Toàn xã có diện tích 112,09 ha nuôi trồng thủy sản, cho thu nhập ổn định.

***Kinh tế thương mại - dịch vụ**

Kinh tế thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Nguyễn Trãi đang có xu hướng phát triển ổn định, từng bước chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa loại hình và gắn với quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp, xây dựng khu dân cư và nâng cấp hệ thống giao thông, tạo thị trường tiêu dùng tương đối lớn và là cơ sở để phát triển các hoạt động bán buôn, bán lẻ, dịch vụ ăn uống, vận tải, sửa chữa, dịch vụ sản xuất, vật tư nông nghiệp và các dịch vụ phục vụ đời sống dân cư.

Các hoạt động thương mại - dịch vụ hiện nay chủ yếu phát triển theo mô hình hộ kinh doanh và cơ sở dịch vụ quy mô nhỏ, phân bố tập trung tại các khu dân cư, dọc các tuyến giao thông chính và khu vực có mật độ dân cư cao. Hệ thống dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán hàng hóa, tiêu dùng và phục vụ sản xuất của người dân. Trong 6 tháng đầu năm 2026, địa phương đánh giá hoạt động thương mại, dịch vụ duy trì ổn định, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư, giải phóng mặt bằng và phát triển các khu, cụm công nghiệp, tạo thêm thị trường cho dịch vụ vận tải, ăn uống, lưu trú, cung ứng hàng hóa và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất.

Tiềm năng phát triển thương mại - dịch vụ của Nguyễn Trãi trong giai đoạn tới là rất lớn nhờ sự hình thành các không gian công nghiệp và đô thị mới. Khu công nghiệp Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám (KCN Tân Á Đại Thành) có quy mô 198,39 ha, trong đó khoảng 92,5 ha nằm trên địa bàn xã Nguyễn Trãi, thuộc các thôn Anh Nhuệ, Văn Nhuệ và Văn Trạch; toàn khu dự kiến có khoảng 11.057 lao động. Quy hoạch khu công nghiệp đã bố trí khoảng 2,79 ha đất dịch vụ, trong đó

có đất nhà điều hành và nhà lưu trú công nhân, tạo điều kiện hình thành các dịch vụ thương mại, lưu trú, ăn uống và phục vụ người lao động.

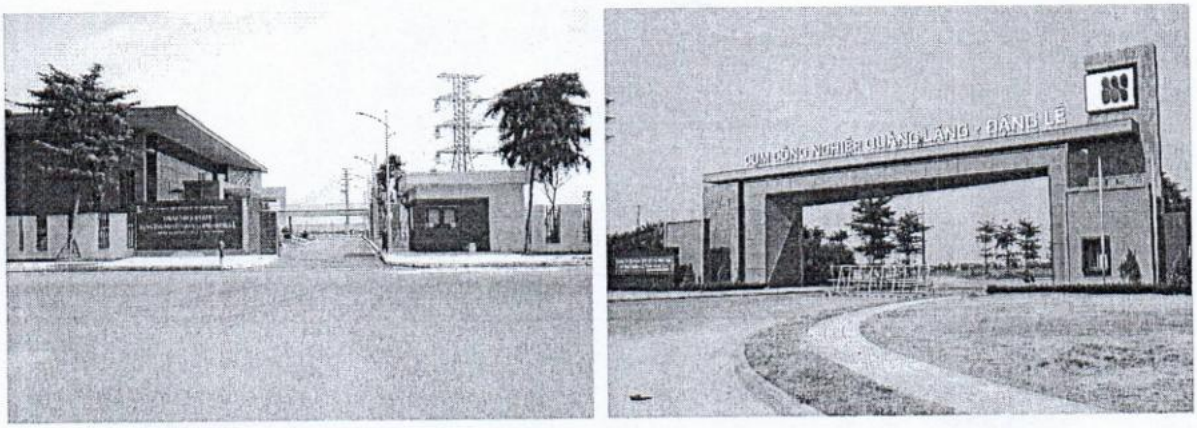
Bên cạnh đó, Khu công nghiệp Kim Động - Ân Thi có quy mô 399,68 ha, trong đó trên 75 ha thuộc địa bàn Nguyễn Trãi; dự kiến quy mô lao động khoảng 21.784 người. KCN được định hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghệ thông tin, đổi mới sáng tạo, nghiên cứu - phát triển và giáo dục - đào tạo. Đây là động lực quan trọng thúc đẩy các ngành thương mại, vận tải, logistics, kho bãi, nhà ở, lưu trú, ăn uống và các dịch vụ đô thị trên địa bàn.

Hoạt động thương mại - dịch vụ còn được hỗ trợ bởi khu vực sản xuất nông nghiệp hàng hóa. 6 tháng đầu năm 2026, xã gieo cấy trên 1.500 ha lúa, sản lượng khoảng 10.000 tấn; vùng vải trứng VietGAP đạt trên 50 tấn. Đây là nguồn hàng hóa quan trọng để phát triển các dịch vụ thu mua, vận chuyển, sơ chế, tiêu thụ nông sản và cung ứng vật tư phục vụ sản xuất.

Đánh giá chung: Thương mại - dịch vụ của xã Nguyễn Trãi đã hình thành mạng lưới tương đối rộng, đáp ứng cơ bản nhu cầu dân cư, nhưng quy mô còn nhỏ lẻ, phân tán; chưa hình thành rõ các trung tâm thương mại, siêu thị, khu dịch vụ tổng hợp và logistics quy mô cấp đô thị. Trong thời gian tới cần ưu tiên phát triển các trung tâm thương mại - dịch vụ tại khu vực trung tâm và các nút giao thông; nâng cấp chợ và các điểm kinh doanh hiện hữu; phát triển dịch vụ logistics, vận tải, kho bãi gắn với các khu, cụm công nghiệp; đồng thời hình thành các khu dịch vụ phục vụ công nhân, chuyên gia và dân cư đô thị. Đây sẽ là một trong những động lực quan trọng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng tỷ trọng khu vực phi nông nghiệp và nâng cao chất lượng đô thị, phù hợp với định hướng xây dựng Nguyễn Trãi trở thành đô thị loại III.

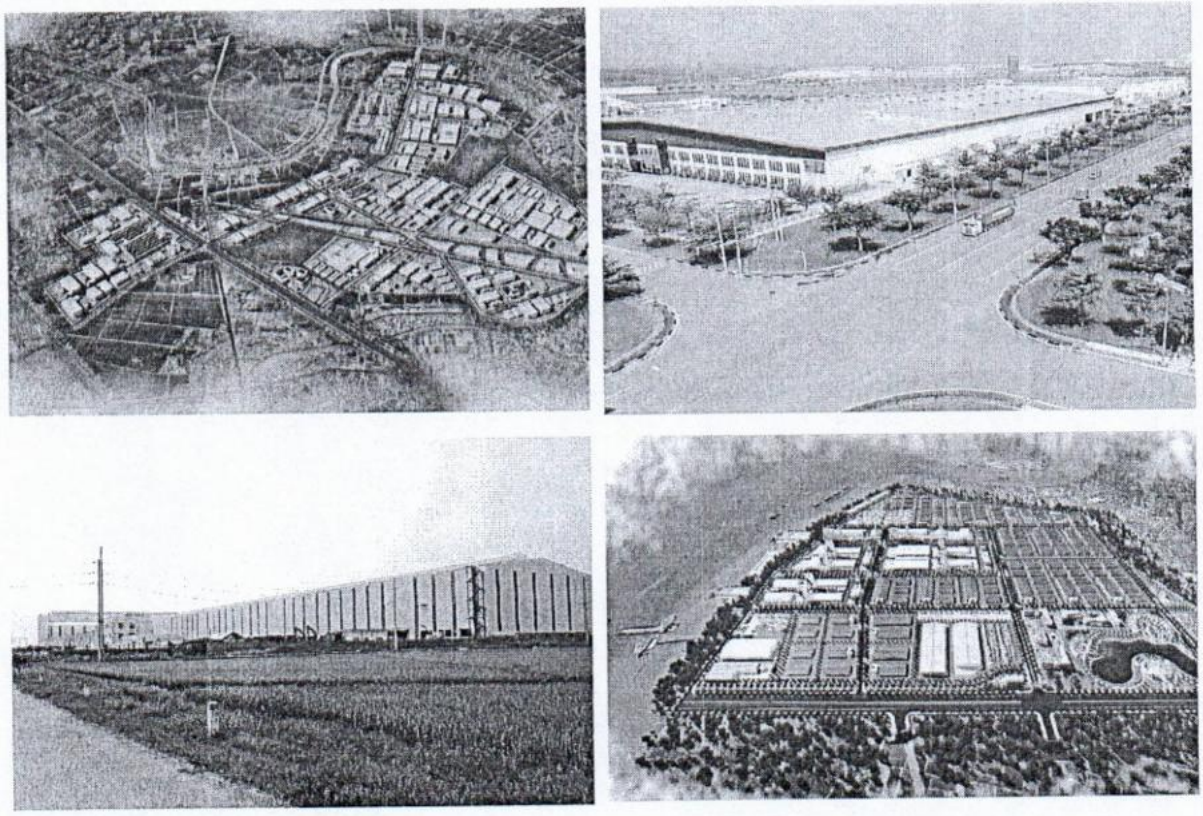
***Kinh tế công nghiệp và xây dựng**

Trên địa bàn xã phát triển ổn định, doanh thu khá đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội của xã, tăng thu nhập cho người lao động. Hiện tại trên địa bàn xã có 07 dự án cụm công nghiệp, cụ thể: 02 dự án CCN đã đi vào hoạt động: CCN Quảng Lãng - Đặng Lễ, CCN Phạm Ngũ Lão - Nghĩa Dân; 03 dự án CCN đang triển khai thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật: CCN Kim Động, CCN Chính Nghĩa, CCN Đặng Lễ; 01 dự án đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng: CCN Đa Lộc; 01 CCN vừa được Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập: CCN Văn Nhuệ. Thực hiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh quyết định thành lập đối với CCN Quảng Lãng - Đặng Lễ.



Hình 2: Cụm Công nghiệp Quảng Lãng - Đặng Lễ trên địa bàn xã Nguyễn Trãi

Thực hiện tham gia ý kiến đối với hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám (KCN Tân Á Đại Thành), với tổng diện tích 198,39 ha, trong đó diện tích trên địa bàn xã Nguyễn Trãi khoảng 92,5 ha, thuộc địa phận các thôn Anh Nhuệ, Văn Nhuệ và Văn Trạch. Hiện tại, dự án đã có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư (Quyết định số 33/QĐ-UBND ngày 28/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên), đang chuẩn bị công tác giải phóng mặt bằng theo quy định.



Hình 3: Một số hình ảnh khu công nghiệp trên địa bàn xã Nguyễn Trãi

Công tác quản lý xây dựng được chỉ đạo quyết liệt; công trình xóa nhà tạm, nhà ở dột nát cho các hộ chính sách, hộ nghèo trên địa bàn xã được đẩy nhanh hoàn thiện sớm hơn so với kế hoạch; các dự án, các công trình công cộng, nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân xã, Công an, Quân sự, các Trạm y tế, các trường học trên địa bàn xã được đẩy nhanh tiến độ. Tăng cường công tác quản lý chất lượng, an toàn lao động, vệ sinh môi trường và quản lý trật tự xây dựng. Chỉ đạo tập trung giải ngân vốn đầu tư công. Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo rà soát, đánh giá kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và kế hoạch đầu tư công năm 2025; xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và kế hoạch đầu tư công năm 2026; thực hiện nghiêm túc xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong năm 2025, Ủy ban nhân dân xã tiếp nhận 35 dự án chuyển Chủ đầu tư từ Ủy ban nhân dân huyện Ân Thi cũ với tổng số vốn ngân sách tỉnh là 247.706 triệu đồng, cụ thể: Theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: Số 319/QĐ-UBND ngày 16/7/2025; số 632/QĐ-UBND ngày 20/7/2025 là 22 công trình, dự án, trong đó có 13 dự án đã hoàn thành, 07 dự án đang thi công dở dang, 02 dự án đang hoàn thiện hồ sơ. Quyết định 1179/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: 13 dự án hoàn thành.

Đối với các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 06 dự án với số kế hoạch vốn năm 2025 là 14.600 triệu đồng (theo các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên: số 2789/QĐ-UBND ngày 08/4/2025 và số 1698/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên) đang thực hiện thi công hoàn thiện khối lượng giải ngân.

2.5.2.2. Hiện trạng phát triển xã hội

a) Văn hóa, thể thao, thông tin và tuyên truyền

Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn xã Nguyễn Trãi. Việc tổ chức lễ hội đầu năm được diễn ra an toàn, lành mạnh, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa tâm linh, tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Duy trì công tác quản lý nhà nước đối với các di tích; tổ chức khảo sát, đánh giá thực trạng các di tích lịch sử văn hòa trên địa bàn.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền cho Nhân dân công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa; các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã; các hoạt động chào mừng kỷ niệm 95 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, mừng xuân Ất Tỵ, tặng quà Tết gia đình chính sách, hộ nghèo; Lễ giao nhận quân 2025, lễ hội mùa xuân; công tác giải phóng mặt bằng các công trình, dự án; công tác cải cách hành chính, chính quyền điện tử, Đề án 06; tuyên truyền ngày 30/4, 01/5 giải phóng miền Nam, chiến thắng Điện Biên Phủ, 78 năm ngày 27/7 thương binh liệt sỹ, tuyên truyền kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945- 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng

hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945- 02/9/2025); chuẩn bị tốt cơ sở vật chất, công tác tuyên truyền cho ngày kỉ niệm lớn cuối năm; phối hợp với công an xã tuyên truyền, tổ chức chương trình "Việt Nam cùng tiến bước thực hiện 1000 bước chân", tuyên truyền cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân chủ động phòng chống cơn bão số 5.

Tăng cường công tác bảo tồn, phát huy giá trị của di tích; tổ chức các Lễ hội truyền thống trang trọng, an toàn, tiết kiệm, đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của các tầng lớp Nhân dân. Tiến hành rà soát các di tích trong danh mục kiểm kê, lập kế hoạch ưu tiên hỗ trợ kinh phí cho di tích xuống cấp nghiêm trọng.

Lắp mới 16 cụm loa thông minh ở 14 thôn thuộc hai khu vực Đặng Lễ và Văn Nhuệ cũ. Đối với các khu vực còn lại là: Nguyễn Trãi, Đa Lộc và Cẩm Ninh cũ, Ủy ban nhân dân xã cũng đã cho sửa chữa lại đường dây, hệ thống, loa để đảm bảo thu - phát, đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân. Đài truyền thanh của xã đã sử dụng bộ thiết bị tích hợp tự động để kết nối các cụm loa có dây, cụm loa không dây FM với cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông để thiết lập thành 01 đài truyền thanh của đơn vị hành chính mới. Nhìn chung, hệ thống bước đầu đã đáp ứng một phần nhu cầu thông tin của người dân. Ngoài ra, Trung tâm còn viết trên 90 tin, bài tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử và các trang mạng xã hội phục vụ nhu cầu nắm bắt thông tin của Nhân dân. Tổ chức treo băng rôn, cờ, khẩu hiệu tại các tuyến đường chính, các trụ sở làm việc của xã nhân kỉ niệm 80 năm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I,…

b) Công tác chính sách an sinh xã hội:

Công tác bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho Nhân dân được quan tâm, chỉ đạo thực hiện tốt. Phong trào đền ơn đáp nghĩa và thực hiện các chính sách ưu đãi người có công được quan tâm thực hiện đúng, đủ. Các hoạt động thăm hỏi, tặng quà đối với người có công và thân nhân liệt sỹ, người cao tuổi, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trong dịp lễ, Tết được thực hiện kịp thời. Cụ thể:

- Tặng quà của Chủ tịch nước cho 1.049 đối tượng với số tiền 319,8 triệu đồng, tặng quà của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh Hưng Yên cho 1.043 đối tượng với số kinh phí 938,7 triệu đồng. Thực hiện tốt công tác thăm, tặng quà cho người có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ nhân dịp kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2025), cụ thể: Tặng quà của Chủ tịch nước cho 1045 người với số tiền 318.600.000 đồng, tặng quà của Tỉnh ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN tỉnh Hưng Yên cho 1.040 người với tổng kinh phí 936 triệu đồng, tặng quà của Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Nguyễn Trãi cho 30 người với tổng kinh phí 21.000.000 đồng.

- Thực hiện chi trả: Trợ cấp thường xuyên cho người có công với cách mạng và thân nhân cho khoảng 572 người với số tiền trên 21 tỷ đồng; trợ cấp Mai táng phí, trợ cấp một lần cho thân nhân người có công, cựu chiến binh, thanh niên xung

phong đã từ trần theo quy định cho trên 65 người với tổng kinh phí trên 1,4 tỷ đồng; trợ cấp thờ cúng liệt sĩ năm 2025 cho khoảng 630 người với số tiền trên 800 triệu đồng; chế độ điều dưỡng phục hồi sức khỏe cho 212 người có công với cách mạng; trợ cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình niên hạn 2025 cho 12 người với số tiền 35,220,000 đồng; trợ cấp ăn thêm ngày lễ tết theo quy định cho 5 người có công với cách mạng với số tiền 13.000.000 đồng; chế độ thăm viếng mộ liệt sĩ cho 02 người với số tiền 3.540.000 đồng; chế độ ưu dãi giáo dục đào tạo theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ cho 06 người với số tiền trên 25 triệu đồng. Thực hiện chế độ cấp bù học phí cho các đối tượng theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 3/9/2025 của Chính phủ với số tiền khoảng trên 100 triệu đồng.

- Thực hiện mua thẻ BHYT cho khoảng 477 đối tượng người có công với số tiền trên 600 triệu đồng; 161 đối tượng thân nhân người có công với số tiền trên 200 triệu đồng; 164 đối tượng thân nhân liệt sỹ với số tiền trên 200 triệu đồng; 1.162 đối tượng cựu chiến binh, thanh niên xung phong tham gia kháng chiến với số tiền trên 1,4 tỷ đồng.

- Thực hiện việc đề nghị cấp lại Bằng Tổ quốc ghi công cho 20 người theo Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ; di chuyển hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng cho 05 người. Thực hiện chế độ chính sách đối với 04 cán bộ, công chức, viên chức theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP; Nghị định số: 67/2025/NĐ-CP; 34 người hoạt động không chuyên trách theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ; giải quyết chế độ chính sách cho 01 người theo Nghị quyết số 07/2025/NQ-CP ngày 17/9/2025 của Chính phủ về chính sách, chế độ đối với đối tượng chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Về lĩnh vực bảo trợ xã hội: Ban hành 846 quyết định cho đối tượng hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 20/2021/NĐ-CP; 1.011 quyết định cho đối tượng hưởng trợ cấp xã hội theo Nghị định 176/2025/NQ-CP.

c) Công tác y tế:

Trong những năm qua, xã Nguyễn Trãi luôn xác định tuyến y tế cơ sở có vai trò quan trọng trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân, thời gian qua xã Nguyễn Trãi đã tranh thủ mọi nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám, chữa bệnh cho Nhân dân, tăng cường công tác y tế dự phòng tại cộng đồng. Đến nay, hệ thống các cơ sở y tế, khám chữa bệnh của xã đã có đủ nhân lực đáp ứng công tác khám, điều trị, chăm sóc sức khỏe Nhân dân trên địa bàn. Thực hiện chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện tốt các chính sách cho các đối tượng được hỗ trợ bảo hiểm y tế.

Trên địa bàn xã có 05 Trạm y tế với 33 biên chế; đã hoàn thành việc cấp đổi dấu trong tháng 8/2025. Đã khám và chữa bệnh cho người dân, tiêm vacxin

trong chương trình mở rộng đảm bảo theo kế hoạch và chỉ tiêu đạt 99%, uống vitamin A cho các cháu đạt 100% các cháu trong độ tuổi, tỷ lệ hộ dùng nước sạch trên địa bàn xã đạt 100%. Các trạm y tế xã chủ động ban hành các Kế hoạch phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn xã. Tăng cường công tác giám sát các cơ sở hành nghề y ngoài công lập; yêu cầu các cơ sở kinh doanh thuốc, sử dụng những thuốc cấm lưu hành, các thực phẩm, mỹ phẩm không đạt tiêu chuẩn chất lượng hoặc không có số đăng ký, những thuốc bị thu hồi do không đạt các tiêu chuẩn theo quy định hoặc có phản ứng có hại. Hiện chưa phát hiện thuốc cấm lưu hành trên địa bàn xã. Trên địa bàn xã không có ngộ độc thực phẩm tập thể xảy ra, tuyên truyền cho Nhân dân về an toàn thực phẩm (dịp Tết Nguyên đán và mùa Lễ hội Xuân 2025).

Đẩy mạnh công tác truyền thông, dân số kế hoạch hóa gia đình, duy trì tỷ lệ tăng dân số tự nhiên dưới 1%. Tiếp tục thực hiện Đề án "Phát triển y tế cơ sở, y tế dự phòng và công tác dân số tỉnh Hưng Yên, giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030". Công tác kiểm soát dịch bệnh tại 5/5 trạm y tế được tăng cường, kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo trong công tác phòng, chống dịch bệnh theo mùa. Quản lý chặt chẽ công tác hành nghề y, dược tư nhân trên địa bàn xã, thường xuyên có tin bài trên hệ thống loa truyền thanh của thôn, xã.

d) Công tác giáo dục và đào tạo

Công tác giáo dục và đào tạo trên địa bàn xã Nguyễn Trãi được quan tâm đầu tư, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên, cơ sở vật chất trường lớp được cải thiện. Năm học 2024-2025, tỷ lệ học sinh thi đỗ vào lớp 10 THPT đạt 82,6%; nhiều học sinh đạt thành tích cao trong các kỳ thi, cuộc thi. Năm học 2025-2026, toàn xã có khoảng 5.500 trẻ em, học sinh học tập tại 12 cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

Sau quá trình sắp xếp tổ chức hệ thống giáo dục năm 2026, xã đã tổ chức lại mạng lưới trường công lập theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và đội ngũ. Từ tháng 8/2026, toàn xã có 03 trường công lập gồm Trường Mầm non Nguyễn Trãi, Trường Tiểu học Nguyễn Trãi và Trường THCS Nguyễn Trãi, với tổng cộng 170 lớp và 5.210 học sinh; đội ngũ quản lý gồm 18 cán bộ, trong đó có 03 hiệu trưởng và 15 phó hiệu trưởng. Việc tổ chức lại các trường được triển khai đồng bộ, bảo đảm hoạt động dạy và học không bị gián đoạn trong năm học 2026-2027.

Về cơ sở vật chất, hệ thống trường học tiếp tục được đầu tư theo hướng kiên cố hóa, hiện đại hóa và tăng cường các phòng học, phòng chức năng. Năm 2025, xã xác định nâng cao cơ sở vật chất giáo dục là một nhiệm vụ trọng tâm; mục tiêu năm 2026 là 98% phòng học được kiên cố, cao tầng, đồng thời duy trì và nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia. Một số hạng mục trường học đã được bố trí nguồn lực đầu tư, trong đó kế hoạch đầu tư công giai đoạn trước có tổng mức vốn bố trí cho lĩnh vực giáo dục khoảng 76,386 tỷ đồng, tập trung vào các công trình trường mầm non, tiểu học và THCS.

d) Công tác tôn giáo - tín ngưỡng

Thực hiện đúng chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, Nhà nước; tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, thường xuyên tổ chức thăm hỏi, động viên và tạo điều kiện để các cơ sở thờ tự hoạt động đúng tôn chỉ, đúng mục đích, tốt đời, đẹp đạo. Nhìn chung, các cơ sở thờ tự trên địa bàn xã đều chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương. Tôn trọng và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc; thực hiện tốt công tác chăm cho các hộ dân tộc, nhất là các hộ dân tộc nghèo, khó khăn. Thông qua đó, góp phần tăng cường hơn nữa khối đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động được nhiều nguồn lực chăm lo các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn xã.

2.5.2.3. Công tác Quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội

Công tác quốc phòng địa phương được triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ và toàn diện, góp phần giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh và tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố, tăng cường; tiềm lực quốc phòng địa phương từng bước được nâng cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Duy trì và thực hiện nghiêm các chế độ trực chỉ huy, trực ban, trực sẵn sàng chiến đấu, tuần tra, canh gác bảo đảm đúng quy định; thường xuyên nắm chắc tình hình an ninh nông thôn, nhất là trong những ngày lễ, tết, diễn ra các sự kiện trọng đại của Đảng, Nhà nước và dân tộc. Đã huy động, huấn luyện được: 157 đồng chí dân quân tự vệ, 100% đạt loại khá; 30 đối tượng, cán bộ của Tiểu đoàn Bộ binh tham gia huấn luyện tại Trung đoàn 126 - Ban chỉ huy Quân sự tỉnh. Phối hợp tuyên truyền: Công tác tuyển sinh quân sự rộng rãi trên truyền thanh của xã; các hoạt động kỷ niệm các ngày lễ, sự kiện chính trị của Đảng, đất nước, Quân đội, địa phương... nhất là dịp kỷ niệm 80 năm cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9... Duy trì nghiêm chế độ nền nếp đối thoại dân chủ; thực hiện tốt công tác quản lý vũ khí trang bị kỹ thuật, chế độ kiểm tra, bảo quản vũ khí trang bị kỹ thuật chặt chẽ, không để xảy ra cháy nổ, bảo đảm an toàn tuyệt đối về mọi mặt.

Công tác tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ năm 2025 được tổ chức thực hiện chặt chẽ đúng Luật Nghĩa vụ quân sự, đảm bảo chỉ tiêu trên giao cụ thể như sau: Tổ chức bàn giao giao nhận quân năm 2025 đảm bảo trang nghiêm, đúng nghi lễ, nhanh gọn, bàn giao 50 thanh niên đạt 100% chỉ tiêu công dân nhập ngũ cho các đơn vị. Đồng thời, tổ chức tiếp nhận, đăng ký, quản lý quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương; tổ chức rà soát đăng ký tuổi 17 báo cáo nguồn tuyển quân theo đúng quy định. Tổ chức tổng kết công tác tuyển quân, công tác giáo dục quốc phòng quân sự địa phương năm 2025, triển khai nhiệm vụ năm 2026.

Tình hình an ninh, chính trị trên địa bàn xã, an ninh nông thôn cơ bản ổn định. Chủ động nắm bắt tình hình, giải quyết ổn định các vụ việc xảy ra ảnh hưởng đến công tác đảm bảo an ninh chính trị tại địa phương. Trong năm 2025, trên địa bàn xã đã xảy ra 25 vụ việc vi phạm pháp luật trong đó có 18 vụ về ma tuý (03 vụ khởi tố, 15 vụ xử phạt hành chính), 02 vụ việc vi phạm trật tự quản lý kinh tế; 05 vụ việc vi phạm về môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Tình hình tai nạn

an toàn giao thông trên địa bàn xã đã có nhiều chuyển biến tích cực, nhận thức, ý thức của cán bộ và Nhân dân về chấp hành các quy định của pháp luật bảo đảm tai nạn an toàn giao thông được nâng lên. Tổ chức lễ ra quân triển khai "xã Nguyễn Trãi không ma túy" và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận xã đạt tiêu chí "xã không ma túy năm 2025".

2.5.3. Hiện trạng dân số, mật độ dân số, đất đai, lao động

2.5.3.1. Dân số

Theo số liệu tính đến ngày 31/12/2025 do Công an tỉnh Hưng Yên cung cấp, tại Công văn số 134/PC06 ngày 03/02/2026 về việc cung cấp số liệu dân số trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, xã Nguyễn Trãi có quy mô dân số là 30.646 người, trong đó dân số thường trú là 30.433 người và dân số tạm trú là 213 người.

Trên địa bàn xã Nguyễn Trãi chủ yếu là người Kinh. Dân cư trên địa bàn xã phân bố không đều, chủ yếu tập trung tại khu vực trung tâm các xã cũ trước khi sắp xếp, dọc theo Quốc lộ và các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã. Dân cư xã xã Nguyễn Trãi phần lớn làm nông nghiệp một phần kết hợp với công nghiệp, dịch vụ.

2.5.3.2. Mật độ dân số

Mật độ dân số trên diện tích đất tự nhiên đạt 1.001 người/km^2. Mật độ dân số trên địa bàn xã phân bố không đều, nơi có điều kiện thuận lợi về tiện nghi đô thị, gần các trụ sở các cơ quan trung tâm, các trục đường chính thì mật độ cao hơn . Các khu vực còn lại có mật độ thấp dần do có diện tích đất nông nghiệp lớn.

2.5.3.3 Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích tự nhiên toàn xã Nguyễn Trãi là 3.068,22 ha, trong đó: Diện tích đất xây dựng đô thị là 920,05 ha chiếm 29,99 % và đất khác 2148,17 ha chiếm 69,01%. Hiện trạng sử dụng đất xã Nguyễn Trãi, được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1: Thống kê hiện trạng sử dụng đất xã Nguyễn Trãi năm 2025

TT	Loại đất	Diện tích (ha)
	Diện tích đất tự nhiên	**3068,22**
A	**Đất xây dựng đô thị**	***920,05***
I	***Đất dân dụng***	**701,63**
1	Đất ở	294,08
2	Đất công trình công cộng	120,36
3	Đất cây xanh công cộng	20,2
4	Đất giao thông đối nội	266,99
II	***Đất ngoài dân dụng***	**218,42**
1	Công nghiệp, TTCN, kho tàng, cơ sở SXKD	102,53
2	Giao thông đối ngoại	58,77

3	Đất cơ quan, trụ sở	3,10
4	Công trình đầu mối (Viễn thông, điện, nước…)	0,17
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	40,66
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	9,7
7	An ninh quốc phòng	3,49
B	**Đất khác**	**2148,17**
1	Đất nông nghiệp	2070,89
2	Đất đồi chưa sử dụng	0,00
3	Đất bằng chưa sử dụng	1,54
4	Đất sông suối, kênh rạch, mặt nước	74,73
5	Đất khác	1,01

Nguồn: UBND xã Nguyễn Trãi

Theo kết quả thống kê năm 2025, tổng số người trong độ tuổi lao động trên địa bàn xã (từ 15 đến 60 tuổi) là 19.537 người, chiếm 63,75% tổng dân số của xã. Trong đó: tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 16.014 người, chiếm tỷ lệ 81,97% lao động trong độ tuổi.

Về cơ cấu lao động trên địa bàn xã: Lao động nông, lâm nghiệp và thủy sản là 3.954 người, chiếm tỷ lệ 24,14%; lao động công nghiệp và xây dựng là 10.541 người, chiếm tỷ lệ 66,41%; lao động thương mại - dịch vụ là 1.520 người, chiếm tỷ lệ 9,49%. Như vậy, lao động phi nông nghiệp trên địa bàn xã năm 2025 là 12.061 người, chiếm tỷ lệ 75,86%.

Chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện chủ yếu đã qua trình độ học vấn và đặc biệt là trình độ chuyên môn kỹ thuật. Công tác đào tạo nghề đáp ứng yêu cầu của chuyển dịch cơ cấu lao động, tạo việc làm cho số người trong độ tuổi lao động được quan tâm. Trong những năm tới, cùng với sự phát triển kinh tế xã hội, cần chú trọng đến việc phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động, nhằm nâng cao đời sống của nhân dân và ổn định chính trị, xã hội trên địa bàn xã Nguyễn Trãi.

2.5.4. Hiện trạng cơ sở hạ tầng và kiến trúc, cảnh quan đô thị

2.5.4.1. Hiện trạng phát triển công trình hạ tầng xã hội

a) Hiện trạng nhà ở

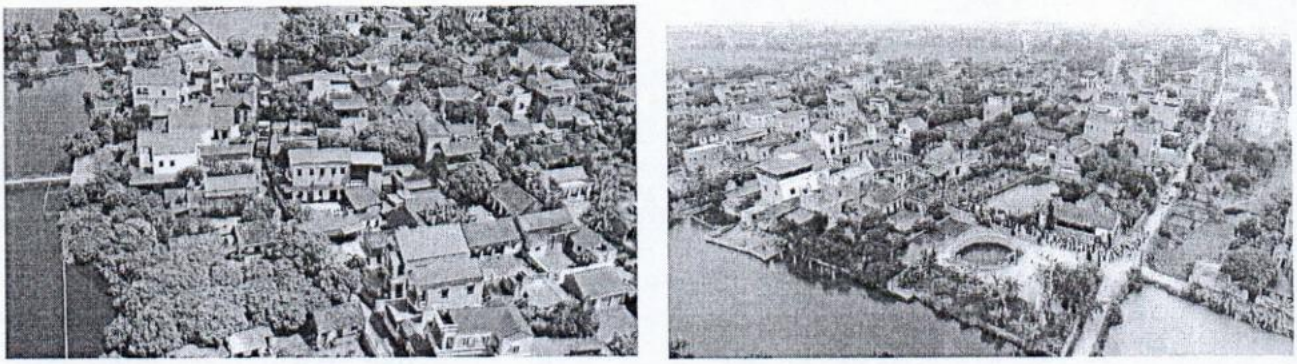
Hiện nay, trên địa bàn xã Nguyễn Trãi có khoảng 9.920 căn/nhà, với tổng diện tích sàn nhà ở khoảng 1.114.486 m², bình quân đạt 36.68 m² sàn/người. Trong đó, nhà ở kiên cố chiếm 90 %, nhà bán kiên cố chiếm 8%, nhà ở thiếu kiên cố và nhà tạm chiếm khoảng 2%. Nhìn chung, chất lượng nhà ở đã được cải thiện đáng kể; nhà kiên cố, nhà cao tầng và nhà xây dựng mới ngày càng chiếm tỷ trọng cao, đặc biệt tại khu vực trung tâm xã, dọc các tuyến giao thông chính và các khu dân cư tập trung.

Quỹ nhà ở phân bố chủ yếu trong 30 thôn, với hình thức nhà ở riêng lẻ là chủ yếu. Một số khu dân cư hiện hữu có mật độ xây dựng tương đối cao, nhà ở

bám dọc các tuyến đường làng, đường liên thôn và các trục giao thông chính. Nhà ở khu vực nông thôn truyền thống đang từng bước được cải tạo, nâng cấp; tuy nhiên, chất lượng và hình thức kiến trúc giữa các khu vực còn chưa đồng đều, một số khu dân cư chưa có hệ thống giao thông, thoát nước, cây xanh và bãi đỗ xe đồng bộ.

Trong những năm gần đây, xã đã từng bước hình thành thêm quỹ đất và các khu nhà ở mới. Năm 2026, xã tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại khu dân cư mới Văn Nhuệ, đồng thời triển khai các dự án tái định cư và đấu giá đất ở gắn với các tuyến giao thông mới. Bên cạnh đó, khu dân cư mới và nhà ở xã hội Ân Thi đang được nghiên cứu với quy mô khoảng 50 ha, trong đó khoảng 40 ha thuộc địa bàn Nguyễn Trãi, tạo điều kiện bổ sung quỹ nhà ở và hình thành các khu dân cư có hạ tầng đồng bộ.

Nhà ở trên địa bàn xã cơ bản đáp ứng nhu cầu ở của dân cư, tỷ lệ nhà kiên cố ngày càng tăng, chất lượng nhà ở từng bước được nâng cao. Tuy nhiên, quỹ nhà ở đô thị, nhà ở xã hội và nhà ở phục vụ công nhân, chuyên gia còn hạn chế; các khu dân cư hiện hữu còn thiếu đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và không gian công cộng. Trong giai đoạn tới cần ưu tiên cải tạo, chỉnh trang khu dân cư hiện hữu; phát triển các khu nhà ở mới đồng bộ; tăng tỷ lệ nhà kiên cố; bổ sung nhà ở xã hội, nhà ở công nhân; kiểm soát mật độ xây dựng, tầng cao, kiến trúc và cảnh quan, đáp ứng yêu cầu phát triển Nguyễn Trãi trong thời gian tới.



Hình 4: Hiện trạng công trình nhà ở trên địa bàn xã Nguyễn Trãi

Trong giai đoạn tới, cần định hướng phát triển nhà ở theo mô hình tập trung, đồng bộ và gắn với quy hoạch đô thị, ưu tiên các khu dân cư mới có đầy đủ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; từng bước chỉnh trang, cải tạo các khu dân cư hiện hữu; kiểm soát chặt chẽ việc xây dựng nhà ở dọc các tuyến giao thông chính và tại các khu vực có nguy cơ phát triển tự phát.

b) Cơ quan hành chính

Hệ thống trụ sở cơ quan trên địa bàn xã Nguyễn Trãi từng bước được đầu tư, cải tạo và hoàn thiện, cơ bản đáp ứng yêu cầu hoạt động của bộ máy chính quyền sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Các cơ quan Đảng ủy, HĐND, UBND, Ủy ban MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, các bộ phận chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Công an và Ban Chỉ huy Quân sự được bố trí cơ

sở làm việc phục vụ công tác quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công cho người dân. Các công trình chủ yếu có tầng cao 2 - 4 tầng, mật độ xây dựng 25 - 30%, hệ thống các công trình này được đầu tư mới trong những năm gần đây tương đối kiên cố, hiện đại đáp ứng nhu cầu sử dụng làm việc của các cán bộ trong khối các cơ quan hành chính này.

Theo danh mục kế hoạch đầu tư công, trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Nguyễn Trãi có tổng mức đầu tư 14,95 tỷ đồng; dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND có tổng mức đầu tư 21,50 tỷ đồng; dự án cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND xã có kinh phí 1,35 tỷ đồng. Ngoài ra, trụ sở Công an xã Nguyễn Trãi được đầu tư với tổng mức 13,50 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư của 4 dự án nêu trên khoảng 51,30 tỷ đồng, thể hiện sự quan tâm đáng kể của địa phương trong việc hoàn thiện cơ sở vật chất hành chính.

Trụ sở Công an xã đã được hoàn thành và đưa vào sử dụng, quy mô 02 tầng, gồm khu làm việc chung, phòng tiếp dân và giải quyết thủ tục hành chính, phòng hồ sơ, lưu trữ và các không gian chức năng khác, đáp ứng tốt hơn yêu cầu làm việc, tiếp công dân và bảo đảm an ninh trật tự trên địa bàn. Hệ thống trụ sở cơ quan có vai trò quan trọng trong tổ chức quản lý và cung cấp dịch vụ công cho dân cư. Việc đầu tư trụ sở mới và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tạo điều kiện nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền, đồng thời từng bước hình thành cụm công trình hành chính tập trung, phù hợp với quá trình chuyển đổi sang mô hình đô thị.



Hình 5: Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND và Công an xã Nguyễn Trãi

Nhìn chung, hệ thống trụ sở cơ quan đã được quan tâm đầu tư theo hướng kiên cố, tập trung và hiện đại, cơ bản đáp ứng yêu cầu hiện tại. Tuy nhiên, do xã Nguyễn Trãi được hình thành trên cơ sở sắp xếp 04 đơn vị hành chính cũ, cần tiếp tục rà soát quỹ nhà, đất trụ sở hiện có để tránh phân tán, sử dụng kém hiệu quả; đồng thời hoàn thiện khuôn viên, sân đường nội bộ, cây xanh, bãi đỗ xe, hạ tầng công nghệ thông tin và hệ thống phục vụ người dân.

Trong giai đoạn đến năm 2030 và định hướng dài hạn, cần tổ chức hệ thống trụ sở cơ quan theo hướng tập trung, hiện đại, thuận tiện, xanh và số hóa, gắn với

trung tâm hành chính - dịch vụ đô thị. Việc bố trí các công trình cần bảo đảm bán kính phục vụ hợp lý, kết nối thuận tiện với mạng lưới giao thông chính và các khu dân cư; đồng thời tạo lập không gian công cộng có chất lượng, góp phần nâng cao hình ảnh và cảnh quan khu vực trung tâm.

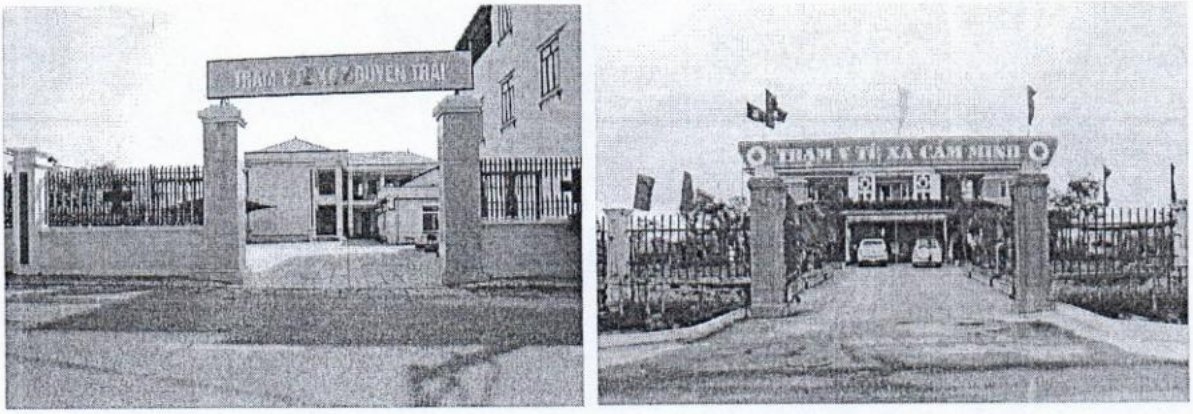
c) Công trình Y tế

Hệ thống y tế trên địa bàn xã Nguyễn Trãi được quan tâm đầu tư, từng bước củng cố về tổ chức, cơ sở vật chất và chất lượng chăm sóc sức khỏe nhân dân. Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, ngày 12/12/2025, UBND tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 2343/QĐ-UBND thành lập Trạm Y tế xã Nguyễn Trãi trên cơ sở hợp nhất 05 trạm y tế gồm: Nguyễn Trãi, Đa Lộc, Cẩm Ninh, Đặng Lễ và Văn Nhuệ. Trụ sở chính đặt tại Trạm Y tế Nguyễn Trãi, thôn Nhân Lý; đồng thời duy trì 04 điểm trạm tại Đa Lộc, Cẩm Ninh, Đặng Lễ và Văn Nhuệ. Việc tổ chức theo mô hình này giúp duy trì khả năng tiếp cận dịch vụ y tế cơ sở cho dân cư trên địa bàn xã có quy mô 30,68 km², trên 30.000 dân và 30 thôn.

Về cơ sở vật chất, trong danh mục đầu tư công của địa phương có dự án xây dựng Trạm Y tế xã Nguyễn Trãi với tổng mức đầu tư khoảng 1,499 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn bố trí khoảng 1,499 tỷ đồng theo danh mục dự án. Đây là cơ sở quan trọng để duy trì và từng bước nâng cao năng lực khám, chữa bệnh ban đầu, chăm sóc sức khỏe và thực hiện các chương trình y tế cộng đồng tại địa phương.

Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân được triển khai tương đối toàn diện, bao gồm khám chữa bệnh ban đầu, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe bà mẹ - trẻ em, dân số và sức khỏe sinh sản, quản lý các nhóm đối tượng nguy cơ và chăm sóc người cao tuổi. Trong 5 năm qua, Hội Người cao tuổi xã phối hợp với ngành y tế tổ chức 20 đợt khám sức khỏe định kỳ, tư vấn cho khoảng 6.000 lượt người cao tuổi; tổ chức sàng lọc, khám mắt, cấp thuốc, tư vấn và hỗ trợ phẫu thuật đục thủy tinh thể cho 155 người. Công tác dân số, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi cũng được Trạm Y tế và mạng lưới y tế cơ sở triển khai thường xuyên.

Về mức độ bao phủ dịch vụ y tế, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt khoảng 96%, cho thấy khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người dân tương đối tốt. Địa phương xác định tiếp tục giữ vững Trạm Y tế đạt chuẩn, đồng thời tăng cường đầu tư cho lĩnh vực y tế trong kế hoạch phát triển năm 2026. Dự toán ngân sách xã năm 2026 bố trí khoảng 17,549 tỷ đồng cho sự nghiệp y tế, tạo nguồn lực đáng kể cho hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.



Hình 6: Hiện trạng các công trình Y tế trên địa bàn xã Nguyễn Trãi

Hệ thống y tế xã Nguyễn Trãi cơ bản đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh ban đầu và chăm sóc sức khỏe cho dân cư; mạng lưới 01 trạm y tế xã và 04 điểm trạm giúp duy trì độ bao phủ dịch vụ y tế trên toàn địa bàn. Tuy nhiên, với quy mô dân số trên 30.000 người và định hướng phát triển đô thị, công nghiệp, dịch vụ, nhu cầu chăm sóc sức khỏe sẽ tiếp tục tăng. Vì vậy, cần tiếp tục nâng cấp cơ sở vật chất, bổ sung trang thiết bị y tế, tăng cường bác sĩ và nhân viên y tế, nâng cao năng lực khám chữa bệnh tại tuyến cơ sở; phát triển y tế dự phòng, chăm sóc người cao tuổi và các dịch vụ y tế chất lượng cao, đồng thời tăng cường xã hội hóa y tế.

d) Công trình giáo dục

Hệ thống công trình giáo dục - đào tạo trên địa bàn xã Nguyễn Trãi được hình thành tương đối đầy đủ theo các cấp học, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của dân cư. Sau khi sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục năm 2026, toàn xã hiện tổ chức 03 trường công lập, gồm Trường Mầm non Nguyễn Trãi, Trường Tiểu học Nguyễn Trãi và Trường THCS Nguyễn Trãi, với tổng quy mô 170 lớp và 5.210 học sinh. Việc sắp xếp nhằm tinh gọn đầu mối, đồng thời nâng cao hiệu quả khai thác cơ sở vật chất và nguồn lực giáo dục.

Bảng 2: Tổng hợp thống kê các công trình giáo dục & đào tạo xã Nguyễn Trãi

TT	Tên trường	Số lượng các trường	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mức độ đạt chuẩn quốc gia
I	**Trường THCS Nguyễn Trãi**	**5**	**34504**	**12066**	
1	Điểm trường chính Nguyễn Trãi	1	6280	1.640	1
2	Phân hiệu Đặng Lễ	1	7.162	1.204	1
3	Phân hiệu Cẩm Ninh	1	5384	1.995	1
4	Phân hiệu Văn Nhuệ	1	6403	1.280	1

5	Phân hiệu Đa Lộc	1	9275	5.947	1
II	**Trường Tiểu học Nguyễn Trãi**	**5**	**23142**	**23142**	
1	Điểm trường chính Nguyễn Trãi	1	5778	5.778	2
2	Phân hiệu Đa Lộc	1	5125	5.125	2
3	Phân Hiệu Văn Nhuệ	1	7100	7.100	1
4	Phân Hiệu Cẩm Ninh	1	5327,4	5327,4	1
5	Phân Hiệu Đặng Lễ	1	5139	5.139	2
III	**Trường Mầm non Nguyễn Trãi**	**5**	**16144**	**4920**	
1	Điểm trường chính MN Nguyễn Trãi	1	5.797,7	5.797,7	1
2	Phân hiệu MN Đặng Lễ	1	4052	2.200	2
3	Phân hiệu MN Cẩm Ninh	1	3412	680	2
4	Phân hiệu MN Văn Nhuệ	1	5000	1.050	1
5	Phân hiệu MN Đa Lộc	1	3680	990	2
	Tổng cộng		**73.790**	**40.128**	

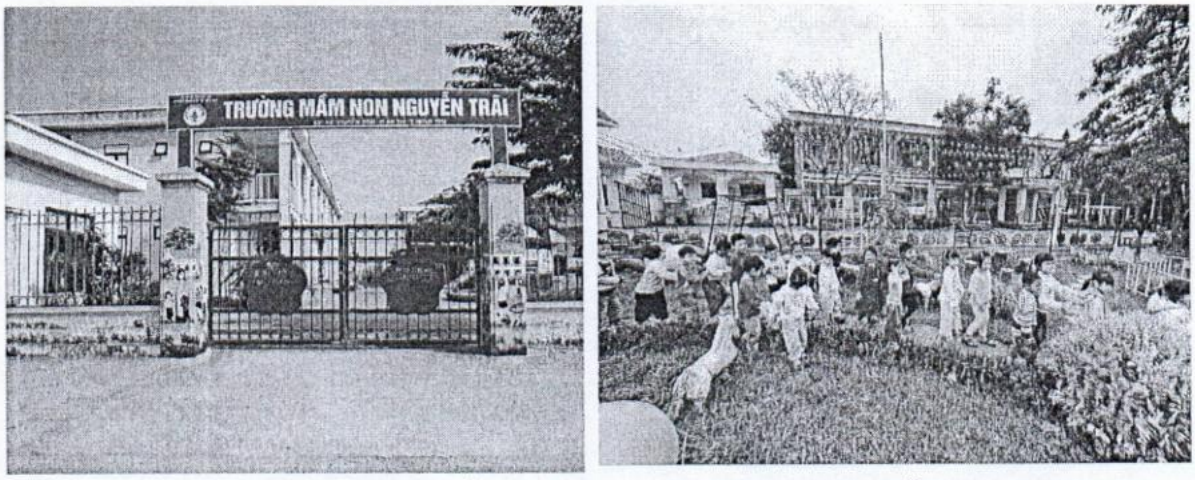
Nguồn: UBND xã Nguyễn Trãi

Về quy mô công trình, hệ thống trường học gồm các khối nhà lớp học, nhà hiệu bộ, phòng học bộ môn, phòng chức năng, thư viện, khu hành chính, sân chơi - bãi tập và các công trình phụ trợ. Trong giai đoạn đầu tư trước đây, lĩnh vực giáo dục trên địa bàn đã được bố trí tổng mức đầu tư khoảng 76,386 tỷ đồng. Một số công trình tiêu biểu gồm: nhà lớp học Trường Mầm non thôn Mễ Xá quy mô 4 phòng, 2 tầng, vốn đầu tư khoảng 2,457 tỷ đồng; nhà hiệu bộ và phòng chức năng Trường Tiểu học Nguyễn Trãi khoảng 2,780 tỷ đồng; công trình phụ trợ Trường THCS Nguyễn Trãi khoảng 803 triệu đồng; cùng các hạng mục nhà lớp học và công trình phụ trợ khác.

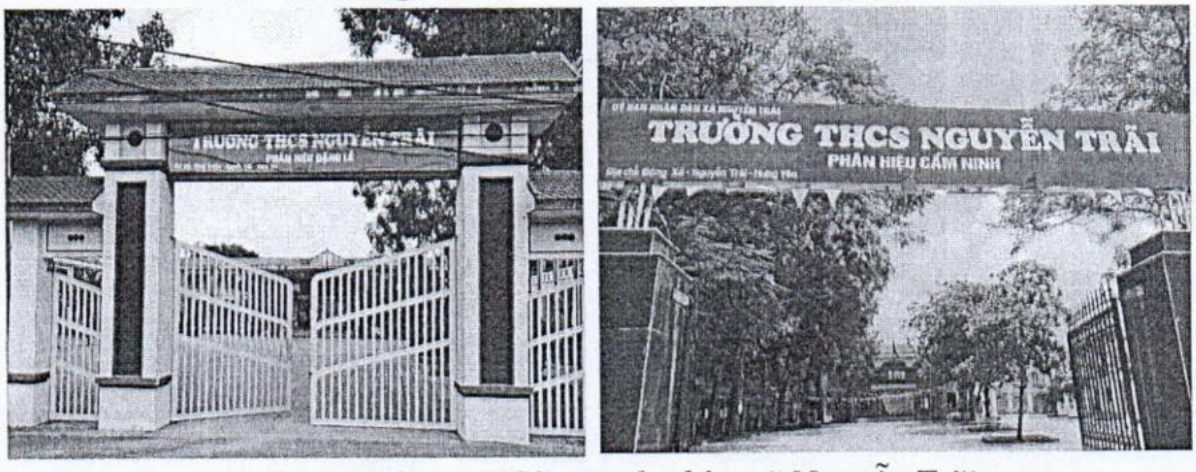
Chất lượng và mức độ kiên cố của hệ thống công trình giáo dục được cải thiện rõ rệt. Xã đặt mục tiêu 98% phòng học được kiên cố, cao tầng và duy trì, nâng cao chất lượng các trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, mức độ 2. Đây là cơ sở quan trọng để đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất giáo dục trong quá trình đô thị hóa.

Tuy nhiên, xét theo yêu cầu phát triển đô thị loại III, hệ thống công trình giáo dục vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Với 5.210 học sinh/170 lớp, bình quân hiện khoảng 30,6 học sinh/lớp, quy mô sử dụng công trình khá lớn. Trong khi đó, quá trình đô thị hóa, phát triển các khu dân cư mới và các khu công nghiệp trên địa bàn dự kiến tiếp tục làm tăng dân số cơ học và nhu cầu trường học. Vì vậy cần tiếp tục rà soát quỹ đất giáo dục, mở rộng diện tích sân chơi - bãi tập, bổ sung phòng học bộ môn, phòng chức năng, thư viện, nhà đa năng, công trình thể thao,

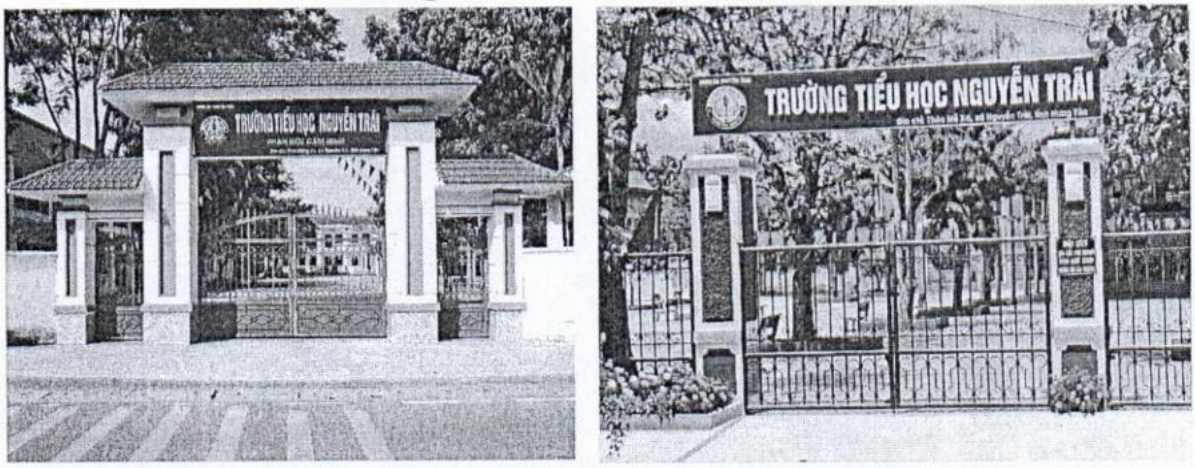
khu cây xanh và bãi đỗ xe, đồng thời bảo đảm bán kính phục vụ thuận lợi cho các khu dân cư hiện hữu và khu dân cư mới.



Hình 7: Trường Mầm Non trên địa bàn xã Nguyễn Trãi



Hình 8: Trường THCS trên địa bàn xã Nguyễn Trãi



Hình 9: Trường THCS trên địa bàn xã Nguyễn Trãi

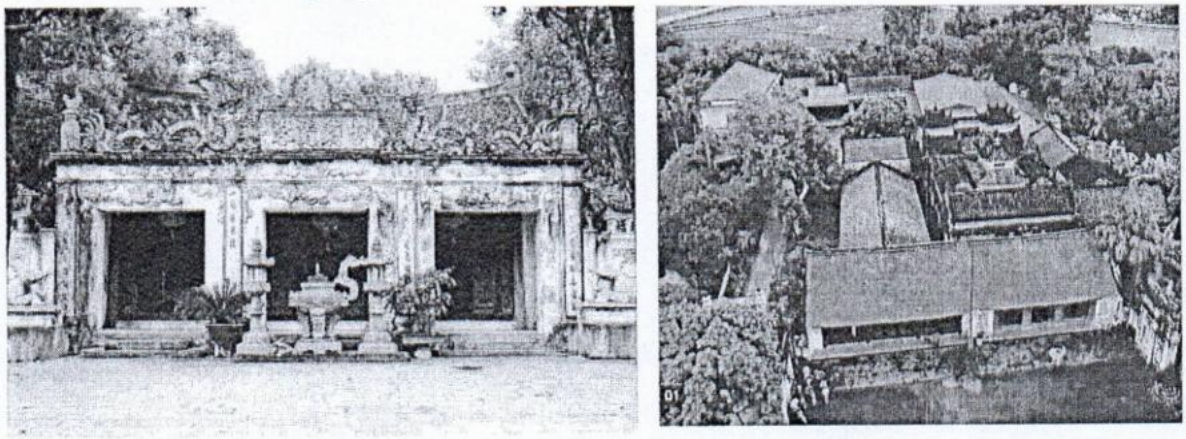
e) Công trình văn hóa - thể dục thể thao

Hệ thống công trình văn hóa, di tích lịch sử và thể dục thể thao trên địa bàn xã Nguyễn Trãi tương đối phong phú, cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, vui chơi, rèn luyện thể chất của nhân dân. Theo số liệu thống kê, trên địa bàn xã hiện có 13 công trình di tích lịch sử, văn hóa, với tổng diện tích đất

khoảng 39.786 m²; 32 nhà văn hóa với tổng diện tích đất khoảng 7.770 m²; cùng 04 công trình thể dục thể thao tập trung, tổng diện tích khoảng 23.900 m², gồm sân thể thao, sân bóng đá và khu thể thao thôn. Tổng diện tích đất của các nhóm công trình trên khoảng 71.456 m².

Hệ thống di tích lịch sử, văn hóa phân bố tại nhiều khu dân cư, tiêu biểu như Đình - Chùa Nhân Vũ, Đền Nhân Vũ, Đền - Chùa Xá, Đình - Chùa Mão Xuyên, Đình Văn Nhuệ, Đình Trắc Điền... Đây là những công trình có giá trị về lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng và góp phần hình thành bản sắc không gian đô thị của xã. Tuy nhiên, một số di tích có dấu hiệu xuống cấp, nhu cầu tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị phục vụ giáo dục truyền thống, văn hóa cộng đồng còn lớn.

Hệ thống nhà văn hóa được bố trí tại các thôn, cơ bản đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt cộng đồng, tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ và tuyên truyền. Tuy nhiên, quy mô, chất lượng công trình và điều kiện sân bãi giữa các khu dân cư chưa đồng đều; một số nhà văn hóa có diện tích đất hạn chế, thiếu không gian phụ trợ, sân chơi, cây xanh và bãi đỗ xe. Trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại các thôn, cần rà soát để tránh chồng chéo, đồng thời xác định rõ các nhà văn hóa có khả năng tiếp tục sử dụng làm thiết chế văn hóa cộng đồng và các công trình cần cải tạo, nâng cấp.



Hình 10: Khu di tích Đền Nhân Vũ và Đền, Chùa Xá xã Nguyễn Trãi

Các công trình thể dục thể thao hiện có khoảng 23.900 m², tập trung chủ yếu tại các khu dân cư với sân bóng đá, sân thể thao và khu luyện tập. Hệ thống này tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào thể dục thể thao quần chúng, tuy nhiên còn thiếu các công trình thể thao có quy mô và tính chất cấp đô thị như sân vận động, nhà thi đấu đa năng, bể bơi, sân thể thao chuyên dụng và các khu vui chơi trẻ em có quy mô tập trung.

Nhìn chung, hệ thống công trình văn hóa - thể thao của xã Nguyễn Trãi đã hình thành mạng lưới tương đối rộng, là cơ sở quan trọng để đáp ứng tiêu chuẩn về thiết chế văn hóa, thể thao trong quá trình đô thị hóa. Trong giai đoạn tới cần ưu tiên nâng cấp, chuẩn hóa các nhà văn hóa và sân thể thao hiện hữu; tu bổ các di tích xuống cấp; bổ sung quỹ đất cho công trình văn hóa - thể thao cấp đô thị; hình thành các khu thể thao, vui chơi cộng đồng tập trung; tăng cường cây xanh,

sân chơi và không gian sinh hoạt công cộng, qua đó nâng cao chất lượng đời sống văn hóa, tinh thần của người dân và hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội.



Hình 11: Nhà văn hóa trung xã



Hình 12: Đài tưởng niệm xã

f) Công trình thương mại dịch vụ

Hệ thống công trình thương mại - dịch vụ trên địa bàn xã Nguyễn Trãi đã từng bước hình thành và phát triển, phân bố chủ yếu dọc các tuyến giao thông chính, khu vực trung tâm xã và các khu dân cư tập trung. Các loại hình hiện có tương đối đa dạng, gồm chợ dân sinh, cửa hàng bán lẻ, cửa hàng vật tư nông nghiệp, cơ sở kinh doanh lương thực - thực phẩm, dịch vụ ăn uống, sửa chữa phương tiện, dịch vụ vận tải, ngân hàng, bưu chính - viễn thông và các dịch vụ phục vụ sản xuất, đời sống dân cư. Hoạt động thương mại - dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu mua bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ thiết yếu cho người dân trên địa bàn.

Lợi thế nổi bật của xã là vị trí nằm trong khu vực có tốc độ đô thị hóa và công nghiệp hóa cao, có các tuyến giao thông quan trọng kết nối với các trung tâm đô thị và khu vực sản xuất công nghiệp. Đặc biệt, quá trình hình thành và phát triển các khu công nghiệp trên địa bàn tạo động lực lớn cho sự phát triển thương mại - dịch vụ. Khu công nghiệp Kim Động - Ân Thi có quy mô khoảng 399,68 ha, trong đó hơn 75 ha nằm trên địa bàn xã Nguyễn Trãi, dự kiến tạo việc làm cho khoảng 21.784 lao động. Khu công nghiệp Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám có quy mô khoảng 198,39 ha, trong đó khoảng 92,5 ha thuộc xã Nguyễn Trãi, dự kiến khoảng 11.057 lao động. Sự gia tăng dân số cơ học, lực lượng lao động và nhu cầu lưu trú tại các khu vực này sẽ tạo thị trường lớn cho các loại hình bán lẻ, dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận tải, logistics, tài chính - ngân hàng và các dịch vụ phục vụ người lao động.

Bên cạnh đó, dự án Khu dân cư mới và nhà ở xã hội Ân Thi có quy mô khoảng 50 ha, trong đó khoảng 40 ha thuộc địa bàn xã Nguyễn Trãi, được định hướng phát triển đồng bộ các chức năng nhà ở, giáo dục, văn hóa, thương mại -

dịch vụ, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật. Đây là điều kiện thuận lợi để hình thành các cụm thương mại - dịch vụ tập trung, tuyến phố thương mại và các công trình dịch vụ cấp đô thị, từng bước chuyển dịch từ mô hình kinh doanh nhỏ lẻ sang hệ thống dịch vụ có tổ chức, quy mô và chất lượng cao hơn.

Tuy nhiên, hệ thống thương mại - dịch vụ hiện nay vẫn còn một số hạn chế. Các cơ sở kinh doanh chủ yếu có quy mô nhỏ, phân tán theo khu dân cư và dọc các tuyến đường; chưa hình thành rõ nét trung tâm thương mại, siêu thị quy mô lớn, trung tâm dịch vụ - logistics hoặc khu phố thương mại tập trung có tính chất cấp đô thị. Một số điểm kinh doanh còn thiếu không gian đỗ xe, hạ tầng kỹ thuật và tổ chức giao thông đồng bộ; chất lượng kiến trúc cảnh quan và điều kiện vệ sinh môi trường chưa đồng đều. Khả năng cung cấp các dịch vụ chất lượng cao phục vụ dân cư đô thị, chuyên gia và người lao động tại các khu công nghiệp còn hạn chế.

Trong giai đoạn tới, cần ưu tiên hình thành hệ thống trung tâm thương mại - dịch vụ theo mô hình đa cấp, trong đó phát triển khu trung tâm thương mại - dịch vụ tại khu vực trung tâm xã và các khu đô thị mới; hình thành các tuyến phố thương mại, dịch vụ tại các trục giao thông chính; phát triển siêu thị, cửa hàng tiện ích, dịch vụ ăn uống, lưu trú, tài chính - ngân hàng, logistics và các dịch vụ phục vụ khu công nghiệp. Đồng thời, cần bố trí đủ quỹ đất, bãi đỗ xe, cây xanh và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho các công trình thương mại - dịch vụ.

Nhìn chung, hệ thống thương mại - dịch vụ của xã Nguyễn Trãi đã đáp ứng cơ bản nhu cầu thiết yếu của dân cư hiện tại và có tiềm năng phát triển rất lớn nhờ quá trình đô thị hóa, phát triển nhà ở và các khu công nghiệp. Việc từng bước hoàn thiện mạng lưới công trình thương mại - dịch vụ theo hướng tập trung, hiện đại, đa chức năng sẽ góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ đô thị, tạo việc làm, tăng nguồn thu và củng cố vai trò của Nguyễn Trãi là một trong những khu vực phát triển công nghiệp - đô thị - thương mại dịch vụ quan trọng của tỉnh Hưng Yên.

2.5.4.2 Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật đô thị

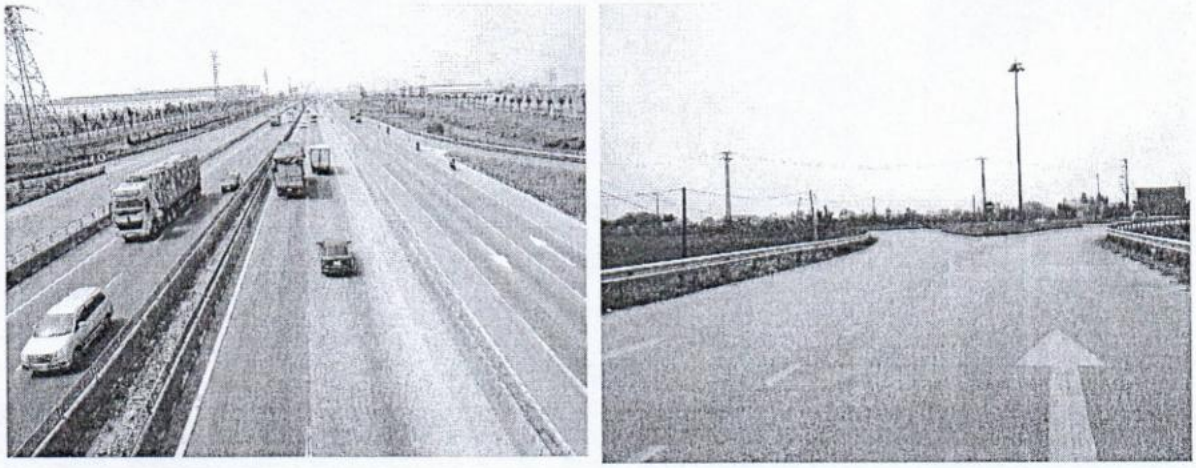
a) Giao thông

Theo số liệu thống kê đến ngày 31/12/2025, hệ thống giao thông trên địa bàn xã Nguyễn Trãi có tổng chiều dài khoảng 44,376 km, bao gồm mạng lưới đường đối ngoại, đường tỉnh và đường đô thị, đường khu dân cư, đường khu vực. Mạng lưới giao thông đã hình thành tương đối rõ các cấp tuyến, tạo sự kết nối giữa khu vực trung tâm xã với các khu dân cư, các khu vực sản xuất, các khu công nghiệp và mạng lưới giao thông cấp tỉnh, cấp vùng.

Giao thông đối ngoại gồm tuyến đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình và QL.38 cũ, tổng chiều dài thống kê khoảng 2,50 km. Trong đó, tuyến đường nối hai cao tốc có chiều dài khoảng 2,50 km, bề rộng phần

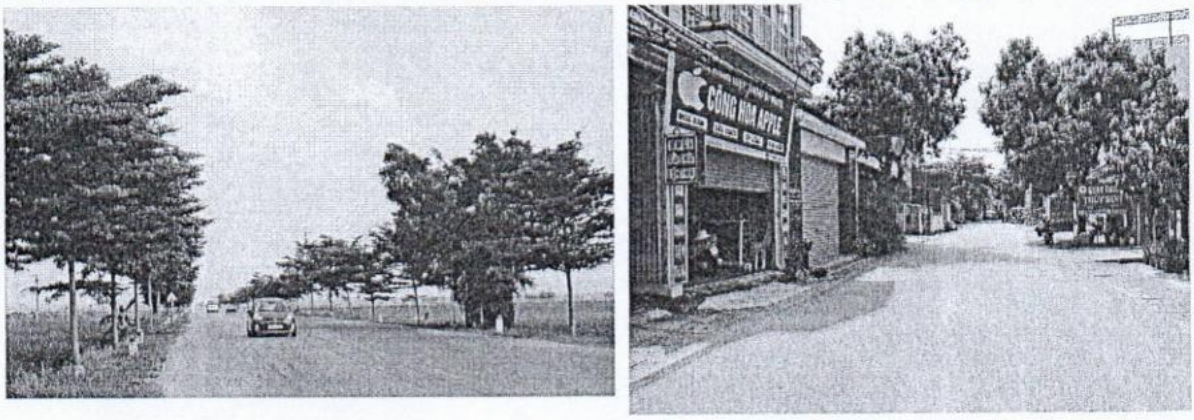
xe chạy khoảng 54,0 m, lộ giới khoảng 40,0 m, có vai trò đặc biệt quan trọng trong kết nối liên vùng và tạo động lực mở rộng không gian phát triển đô thị. QL.38 cũ có chiều dài khoảng 0,30 km, bề rộng phần xe chạy khoảng 11,0 m, lộ giới khoảng 23,0 m, góp phần kết nối khu vực với mạng lưới giao thông hiện hữu.

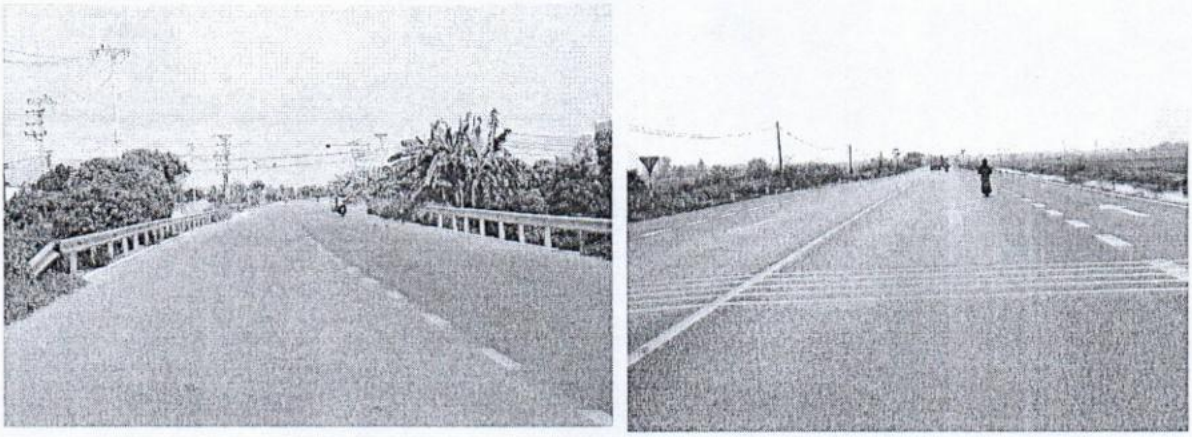
Mạng lưới đường tỉnh có tổng chiều dài khoảng 17,37 km, gồm ĐT.376, ĐT.386 và tuyến đường trục ngang. ĐT.376 qua địa bàn khoảng 3,82 km, bề rộng phần xe chạy khoảng 11,0 m, lộ giới khoảng 38,0 m. ĐT.386 và các đoạn tuyến liên quan có tổng chiều dài khoảng 10,35 km, phần xe chạy phổ biến từ 7,5-11,0 m, lộ giới khoảng 23,0 m. Tuyến đường trục ngang đoạn từ cổng làng Mão Xuyên đến cầu vượt có chiều dài khoảng 3,20 km, bề rộng phần xe chạy khoảng 54,0 m, là tuyến có vai trò quan trọng trong việc kết nối các khu vực phát triển mới với mạng lưới giao thông đối ngoại.



Hình 13: Tuyến đường nối hai cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình và QL.38 cũ

Mạng lưới đường đô thị, đường khu dân cư và đường khu vực có tổng chiều dài khoảng 24,506 km, gồm các tuyến ĐX60, ĐX61, ĐX63, ĐX65, ĐX66, ĐX67 và ĐX81. Trong đó, nhiều tuyến có bề rộng phần xe chạy 7,5 m, như ĐX60, ĐX61 đoạn Km7+877-Km11+500, ĐX63, ĐX65 đoạn Km4+450-Km7+456, ĐX66 và ĐX67; một số đoạn có bề rộng 5,5 m, như ĐX61 đoạn Km11+500-Km13+277, ĐX65 đoạn Km0+000-Km4+450 và ĐX81. Mạng lưới này cơ bản bảo đảm khả năng kết nối giữa các khu dân cư, các thôn và các tuyến giao thông cấp tỉnh.





Hình 14: Một số tuyến đường iao thông đối nội trên địa bàn xã Nguyễn Trãi

Xét về khả năng kết nối và phân cấp mạng lưới, xã Nguyễn Trãi có lợi thế tương đối lớn. Các tuyến giao thông đối ngoại và đường tỉnh tạo thành các trục khung, trong khi hệ thống ĐX60, ĐX61, ĐX63, ĐX65, ĐX66, ĐX67 và ĐX81 tạo mạng lưới phân phối đến các khu dân cư. Đây là cơ sở thuận lợi để tổ chức các trục phát triển đô thị, mở rộng các khu dân cư mới, phát triển thương mại - dịch vụ và kết nối với các khu công nghiệp trên địa bàn.

Tuy nhiên, mạng lưới giao thông hiện trạng vẫn chưa hoàn toàn đồng bộ theo yêu cầu của một đô thị loại III. Quy mô mặt cắt giữa các tuyến có sự chênh lệch lớn; một số tuyến đường đô thị và đường khu vực chỉ có bề rộng phần xe chạy 5,5 m, chưa thể hiện đầy đủ các thành phần của đường phố đô thị như vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước và bãi đỗ xe. Đặc biệt, trong bảng thống kê năm 2025, các cột về diện tích đất giao thông, chiều dài đường ống thoát nước chính, chiều dài đường dây/cáp được ngầm hóa và chiều dài tuyến đường được chiếu sáng chưa có số liệu. Do đó, cần tiếp tục rà soát, bổ sung số liệu để đánh giá đầy đủ mức độ đồng bộ của hạ tầng giao thông đô thị.

Trong thời gian tới, cùng với quá trình phát triển các khu công nghiệp, khu dân cư mới và thương mại - dịch vụ, lưu lượng giao thông trên địa bàn dự kiến tiếp tục tăng. Vì vậy cần ưu tiên hoàn thiện mạng lưới đường khung đô thị; nâng cấp các tuyến có mặt cắt 5,5 m lên quy mô phù hợp; đồng bộ vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng và thoát nước; bố trí bãi đỗ xe tại khu vực trung tâm, khu dân cư mới, trường học và các khu thương mại - dịch vụ; cải tạo các nút giao và tăng cường quản lý hành lang an toàn giao thông.

Bảng 3: Thống kê hiện trạng giao thông trên địa bàn xã Nguyễn Trãi

Đặc biệt, cần tận dụng lợi thế của tuyến đường kết nối hai cao tốc và các tuyến ĐT.376, ĐT.386 để hình thành các trục phát triển đô thị - công nghiệp - thương mại dịch vụ, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc đấu nối trực tiếp từ các

công trình, khu dân cư vào các tuyến giao thông đối ngoại nhằm bảo đảm an toàn và năng lực khai thác lâu dài.

Với tổng chiều dài 44,376 km, mạng lưới giao thông xã Nguyễn Trãi đã có cấu trúc tương đối rõ, có khả năng kết nối liên vùng và nội vùng tốt, là một trong những lợi thế quan trọng cho quá trình đô thị hóa. Tuy nhiên, cần tiếp tục nâng cao chất lượng và tính đồng bộ của đường phố đô thị, đặc biệt đối với vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước, bãi đỗ xe và giao thông công cộng, nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

b) Hiện trạng thoát nước mưa

Xã Nguyễn Trãi là khu vực đồng bằng, địa hình tương đối bằng phẳng, hệ thống thoát nước mưa trên địa bàn hiện được tổ chức theo mô hình kết hợp giữa hệ thống tiêu thoát nước khu dân cư, hệ thống cống/rãnh dọc đường giao thông với hệ thống kênh mương thủy lợi, cống tiêu và trạm bơm. Hệ thống này vừa phục vụ tiêu nước mưa cho khu vực dân cư, giao thông, công trình xây dựng, vừa đảm nhiệm tiêu nước cho khu vực sản xuất nông nghiệp.

Nước mưa tại các khu dân cư chủ yếu được thu gom qua rãnh, cống dọc đường, cống ngang và dẫn về các tuyến tiêu chung; khu vực sản xuất nông nghiệp được tiêu qua hệ thống kênh mương nội đồng, kênh tiêu chính và các công trình bơm tiêu. Hệ thống bơm tiêu hiện có tại Ninh Thôn, Đa Lộc và các trạm bơm dã chiến tại Đa Lộc, Mão Xuyên, Anh Nhuệ, Văn Nhuệ, góp phần tăng khả năng tiêu nước khi xảy ra mưa lớn.

Thực tế đợt mưa lớn tháng 8/2026 cho thấy khả năng tiêu thoát vẫn còn những điểm hạn chế. Trên địa bàn xảy ra tình trạng ngập úng tại khu vực sản xuất, trong đó khoảng 10 ha lúa bị ngập trắng, 70 ha lúa bị ngập khoảng 3/4 thân; khoảng 15 ha cây ăn quả và 2,3 ha rau màu bị ảnh hưởng. Một số cửa cống, tuyến tiêu bị ách tắc phải được kiểm tra, khơi thông và tăng cường bơm tiêu. Đây là cơ sở thực tiễn cho thấy cần tiếp tục nâng cao năng lực tiêu thoát nước, nhất là trong điều kiện mưa lớn, cực đoan.

Trong quá trình đô thị hóa, việc hình thành các khu dân cư mới, khu công nghiệp và công trình thương mại - dịch vụ sẽ làm tăng diện tích bề mặt không thấm nước, từ đó làm tăng nhanh lượng nước mưa chảy tràn. Vì vậy, hệ thống thoát nước hiện nay cần từng bước chuyển từ mô hình tiêu nước thủy lợi kết hợp thoát nước khu dân cư sang hệ thống thoát nước đô thị theo lưu vực, có sự kết nối đồng bộ giữa cống thoát nước, kênh tiêu, trạm bơm và các công trình điều tiết.

Để đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị loại III, cần ưu tiên rà soát và lập bản đồ mạng lưới thoát nước toàn xã; xác định các lưu vực tiêu và điểm có nguy cơ ngập; cải tạo, nâng cấp cống và rãnh thoát nước; bổ sung cửa thu, hố ga và tuyến

cống chính; nạo vét, khơi thông kênh tiêu; nâng cao năng lực các trạm bơm; bảo vệ hành lang thoát nước và bố trí hồ điều hòa, không gian trữ nước tại các khu đô thị mới. Các dự án phát triển mới phải bảo đảm cao độ nền, hướng thoát nước và khả năng đấu nối với hệ thống tiêu chung, không làm gia tăng ngập úng cho khu vực hiện hữu. Nhìn chung, hệ thống thoát nước mưa xã Nguyễn Trãi đã có nền tảng tương đối tốt với mạng lưới kênh tiêu, cống và trạm bơm hiện hữu, cơ bản đáp ứng yêu cầu tiêu thoát nước trong điều kiện bình thường. Tuy nhiên, mức độ đồng bộ của hệ thống thoát nước đô thị còn hạn chế và khả năng ứng phó với mưa lớn cần tiếp tục được nâng cao.

c) Hiện trạng cấp nước

Trong những năm qua, xã Nguyễn Trãi có nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt ngày càng tăng cùng với quá trình đô thị hóa, phát triển khu dân cư, thương mại - dịch vụ và công nghiệp. Theo Quy hoạch tổng thể phát triển tỉnh Hưng Yên, Nhà máy nước Tân Trào là nguồn cấp nước chính cho khu vực, trong đó phạm vi phục vụ bao gồm xã Nguyễn Trãi, cùng các xã Đa Lộc, Tiền Phong, Văn Nhuệ, Hoàng Hoa Thám, Cẩm Ninh và Đặng Lễ.

Nhà máy nước Tân Trào sử dụng nguồn nước từ hệ thống sông Thái Bình/Hải Dương, có công suất theo quy hoạch 3.000 m^3/ngày/đêm hiện trạng, nâng lên 5.000 m^3/ngày/đêm vào năm 2020 và duy trì quy mô khoảng 5.000 m^3/ngày/đêm đến năm 2030. Định hướng quy hoạch yêu cầu tiếp tục mở rộng, nâng cấp mạng đường ống để cấp nước cho các khu dân cư mới, khu đô thị và khu công nghiệp trên địa bàn khi có nhu cầu.

Mạng lưới cấp nước trên địa bàn xã được hình thành chủ yếu theo các tuyến đường giao thông và khu dân cư, từng bước mở rộng đến các khu vực phát triển mới. Tuy nhiên, do mạng lưới được đầu tư qua nhiều giai đoạn nên mức độ đồng bộ giữa các khu vực chưa cao; tại một số khu dân cư xa tuyến cấp nước chính, khả năng đấu nối và áp lực nước còn phụ thuộc vào điều kiện mạng lưới. Tài liệu quy hoạch cấp nước của tỉnh cũng xác định yêu cầu tiếp tục mở rộng mạng đường ống tại khu vực Nguyễn Trãi để đáp ứng quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp.

Với dân số hiện nay khoảng 30,6 nghìn người, nếu tính nhu cầu nước sinh hoạt đô thị ở mức khoảng 100-120 lít/người/ngày, riêng nhu cầu sinh hoạt của dân cư có thể vào khoảng 3.065-3.678 m^3/ngày/đêm; chưa kể nhu cầu của trường học, trụ sở, thương mại - dịch vụ, công cộng, sản xuất và các khu công nghiệp. Do đó, công suất 5.000 m^3/ngày/đêm của Nhà máy nước Tân Trào cần được tổ chức phân bổ hợp lý và có giải pháp tăng cường nguồn cấp khi dân số, lao động và các khu đô thị - công nghiệp phát triển.

Hệ thống cấp nước của xã Nguyễn Trãi đã có nguồn cấp nước tập trung từ Nhà máy nước Tân Trào, cơ bản tạo điều kiện đáp ứng nhu cầu sinh hoạt hiện nay. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu phát triển theo hướng đô thị loại III, cần tiếp tục đầu tư mở rộng tuyến ống truyền dẫn và phân phối, tăng khả năng liên thông - dự phòng, bảo đảm áp lực và chất lượng nước, đồng thời ưu tiên cấp nước đồng bộ cho các khu dân cư mới, khu công nghiệp Kim Động-Ân Thi, Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám và các khu vực đô thị hóa. Cần rà soát, cập nhật chính xác chiều dài mạng lưới, đường kính ống, công suất thực tế, số hộ đấu nối và tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch để hoàn thiện hồ sơ đánh giá tiêu chí đô thị.

Khả năng cung cấp nước hiện tại của hệ thống cấp nước đối với xã Nguyễn Trãi đạt mức 100 lít/người/ngày đêm. Gần 100% dân cư khu vực trên địa bàn xã có nước sạch sử dụng, trong đó khoảng 80% người dân được dùng nước sạch từ nhà máy cấp nước tập trung còn lại 20% người dân được dùng nước ngầm từ giếng khoan hộ gia đình.

d) Hiện trạng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

Thoát nước thải: Hệ thống thoát nước hiện chủ yếu là cống, rãnh trong khu dân cư kết hợp với kênh, mương thủy lợi. Nước thải sinh hoạt chủ yếu được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thoát vào hệ thống chung; chưa hình thành hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung quy mô đô thị. Trong quá trình đô thị hóa và phát triển các khu công nghiệp, khu dân cư mới, lượng nước thải sẽ tiếp tục gia tăng. Hệ thống hiện tại cơ bản đáp ứng nhu cầu khu dân cư hiện hữu nhưng chưa đồng bộ theo yêu cầu đô thị loại III; cần từng bước xây dựng mạng thu gom riêng, tuyến cống chính và công trình xử lý nước thải tập trung.

Quản lý chất thải rắn: Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh khoảng 5.438,5 tấn/năm, tương đương 14,9 tấn/ngày; lượng được thu gom, xử lý 4.622,7 tấn/năm, đạt khoảng 84,99%, còn khoảng 815,8 tấn/năm chưa được thu gom, xử lý theo số liệu thống kê. Toàn xã có 9.480 hộ, trong đó 2.443 hộ đã thực hiện phân loại CTR tại nguồn, đạt khoảng 25,77%. Công tác thu gom, vệ sinh môi trường đã được triển khai tại các khu dân cư; tuy nhiên tỷ lệ phân loại tại nguồn còn thấp, cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống điểm tập kết, tăng tần suất thu gom và kiểm soát việc đổ rác không đúng nơi quy định, đốt rác tự phát, chất thải chăn nuôi và chất thải sản xuất.

Nghĩa trang: Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn gồm 30 nghĩa trang cấp xã, phân bố tại các khu dân cư cũ. Theo số liệu thống kê, tổng diện tích quy hoạch nghĩa trang khoảng 2,60 ha, trong đó diện tích quy hoạch đã xác định tại 18/30 khu, còn 12 khu chưa xác định diện tích quy hoạch trong bảng thống kê. Diện tích thực tế theo số liệu tổng hợp khoảng 38,0 ha; một số nghĩa trang có quy mô tương đối lớn như Nam Trì 9,77 ha, Bắc Cả 2,31 ha, Hoàng Xuyên 1,79 ha, Đa Lộc 1,78

ha và Trắc Điền 1,76 ha. Việc phân bố nhiều nghĩa trang nhỏ lẻ theo từng khu dân cư thuận lợi cho nhu cầu mai táng của người dân nhưng gây khó khăn cho quản lý quỹ đất, tổ chức hạ tầng kỹ thuật và bảo đảm khoảng cách vệ sinh môi trường khi đô thị hóa.

Trên địa bàn có 30 khu được thống kê về nhà tang lễ, với tổng diện tích thực tế khoảng 1.860 m^2. Trong đó một số điểm có quy mô tương đối lớn tại Đa Lộc 360, Mễ Xá 100, Văn Nhuệ 100, Cựu Thị 100 và Nhân Vũ 95. Tuy nhiên, hệ thống nhà tang lễ hiện phân tán, chủ yếu gắn với từng khu dân cư, chưa hình thành cơ sở nhà tang lễ tập trung quy mô đô thị.

Hạ tầng môi trường xã Nguyễn Trãi đã được quan tâm nhưng còn thiếu tính đồng bộ. Trọng tâm giai đoạn tới là xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung; nâng tỷ lệ thu gom CTR lên mức cao hơn, mở rộng phân loại tại nguồn từ 25,77% hộ hiện nay; đồng thời rà soát, chuẩn hóa quỹ đất nghĩa trang, hạn chế mở rộng nghĩa trang nhỏ lẻ, từng bước hình thành khu nghĩa trang tập trung và cơ sở tang lễ phù hợp quy mô đô thị.

e) Hiện trạng cấp điện

Hệ thống cấp điện trên địa bàn xã Nguyễn Trãi được cung cấp từ hệ thống điện quốc gia, thông qua lưới điện khu vực Ân Thi và các tuyến trung thế, hạ thế phân phối đến các khu dân cư. Trên địa bàn đã được đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện 0,4 kV và bổ sung các trạm hạ thế, trạm biến áp nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng điện của người dân. Các chương trình cải tạo lưới điện huyện Ân Thi trước đây đều xác định Nguyễn Trãi là một trong các địa bàn thực hiện; đồng thời có dự án làm mới trạm hạ thế và các trạm biến áp trên địa bàn xã.

Nhu cầu sử dụng điện trên địa bàn tương đối lớn. Với 30.383 người, tổng điện năng tiêu thụ khoảng 78.995.800 kWh/năm, tương đương khoảng 216.427 kWh/ngày; mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đạt khoảng 2.600 kWh/người/năm. Đây là mức phụ tải đáng kể và dự kiến tiếp tục tăng cùng quá trình đô thị hóa, phát triển khu dân cư, thương mại - dịch vụ và công nghiệp.

Về nguồn và lưới điện, xã được hưởng nguồn cấp từ hệ thống điện khu vực Ân Thi, trong đó Trạm biến áp 110/22 kV Ân Thi là một trong các công trình nguồn quan trọng của khu vực. Hệ thống lưới trung thế và hạ thế được phân phối đến các khu dân cư; các dự án cải tạo lưới điện 0,4 kV tại Nguyễn Trãi đã được triển khai từ các giai đoạn trước, cùng với các dự án làm mới trạm hạ thế và trạm biến áp.

Về tình hình cung cấp điện: Tốc độ tăng trưởng điện thương phẩm tăng nhanh. Về cơ cấu tiêu thụ điện thì thành phần tiêu dùng dân cư chiếm tỷ trọng rất lớn trong đó chủ yếu là sinh hoạt. Tỷ lệ số hộ dân sử dụng điện lưới đạt 100%.

Nhìn chung, hệ thống cấp điện hiện tại cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, nhưng cần tiếp tục nâng cao khả năng cấp điện trong bối cảnh xã phát triển theo hướng đô thị. Trọng tâm là rà soát khả năng mang tải của các trạm biến áp và đường dây, bổ sung công suất tại các khu dân cư mới và khu vực phát triển công nghiệp - dịch vụ; tăng khả năng liên kết, dự phòng nguồn; cải tạo lưới hạ thế; từng bước hạ ngầm đường dây tại khu vực trung tâm và các tuyến phố chính; đồng bộ hệ thống chiếu sáng đô thị, sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng và điều khiển thông minh.

Trong giai đoạn tới, cần tiếp tục cải tạo và nâng cấp mạng lưới điện trung áp, hạ áp; bổ sung các trạm biến áp phân phối tại các khu vực có mật độ dân cư cao và các khu vực phát triển mới; từng bước ngầm hóa hệ thống đường dây tại các tuyến phố, khu đô thị và khu vực trung tâm; đồng thời hoàn thiện hệ thống chiếu sáng công cộng, chiếu sáng giao thông và bảo đảm hành lang an toàn lưới điện.

Lưới chiếu sáng

Lưới chiếu sáng đã được xây dựng trên các trục đường và một số tuyến đường chính khu vực, hình thức chủ yếu là bóng đèn natri cao áp 220V-200W cột đèn độc lập bằng thép mạ kẽm. Lưới điện chiếu sáng cho các khu dân cư còn hạn chế. Chưa có chiếu sáng trang trí cho các khu vực vườn hoa cây xanh.

f) Hiện trạng thông tin liên lạc, bưu điện

Hệ thống thông tin liên lạc, bưu chính - viễn thông trên địa bàn xã Nguyễn Trãi được hình thành tương đối đầy đủ, cơ bản đáp ứng nhu cầu thông tin, liên lạc của người dân, các cơ quan, doanh nghiệp và cơ sở sản xuất, kinh doanh. Hạ tầng viễn thông gồm mạng thông tin di động, Internet băng rộng và hệ thống cáp viễn thông phục vụ các khu dân cư; từng bước đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số, cung cấp dịch vụ công trực tuyến và phát triển kinh tế số.

Về mạng lưới bưu chính: khu vực xã Nguyễn Trãi hiện có hệ thống điểm phục vụ bưu chính được hình thành từ các đơn vị hành chính trước sắp xếp. Trong đó có Điểm Bưu điện - Văn hóa xã Nguyễn Trãi tại thôn Nhân Vũ, mã bưu chính cũ 162080; các điểm BĐVHX tại Đặng Lễ (thôn Cổ Lễ) và Cẩm Ninh (thôn Ninh Thôn). Ngoài ra, khu vực Đa Lộc có Bưu cục cấp 3 Đa Lộc, trước đây phục vụ xã Đa Lộc, nay thuộc địa bàn xã Nguyễn Trãi. Như vậy, xét theo mạng lưới trước sắp xếp, địa bàn xã hiện có ít nhất 4 điểm/bưu cục phục vụ bưu chính.

Về mã bưu chính, xã Nguyễn Trãi hiện được cấp mã bưu chính quốc gia 17420, theo danh mục mã bưu chính mới của tỉnh Hưng Yên. Việc chuẩn hóa mã bưu chính góp phần thuận lợi cho hoạt động chuyển phát, thương mại điện tử và quản lý địa chỉ trong quá trình chuyển đổi số.

Hạ tầng viễn thông được phát triển gắn với hệ thống giao thông và khu dân cư. Nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông, Internet và truyền dữ liệu dự kiến tiếp tục tăng nhanh do xã đang phát triển các khu dân cư mới, thương mại - dịch vụ và công nghiệp. Đặc biệt, Cụm công nghiệp Đa Lộc có quy mô khoảng 70,5 ha và đã có hạ tầng điện, tạo điều kiện hình thành nhu cầu lớn về Internet, truyền dữ liệu và dịch vụ viễn thông cho doanh nghiệp.

Trong quản lý nhà nước, xã đã duy trì hệ thống thông tin điện tử, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Hạ tầng thông tin liên lạc có vai trò quan trọng trong cung cấp dịch vụ công, tiếp nhận và xử lý hồ sơ trực tuyến, thông tin tuyên truyền và kết nối người dân với chính quyền.

Tồn tại: Hạ tầng viễn thông cơ bản đáp ứng nhu cầu hiện tại nhưng chưa có đầy đủ số liệu công khai về số trạm BTS, số thuê bao di động, số thuê bao Internet băng rộng, chiều dài tuyến cáp quang và tỷ lệ phủ sóng 4G/5G riêng trên địa bàn xã. Hệ thống cáp viễn thông tại một số khu dân cư cần tiếp tục chỉnh trang, bó gọn hoặc hạ ngầm; các khu vực đô thị mới, khu công nghiệp cần được đầu tư đồng bộ hạ tầng viễn thông ngay từ đầu.

3. Đánh giá phân loại xã Nguyễn Trãi so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111

3.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

1. Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông

Theo Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Ân Thi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 2321/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, khu vực xã Nguyễn Trãi thuộc Tiểu vùng phía Nam của huyện Ân Thi cũ, được định hướng phát triển dịch vụ thương mại kết hợp sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Ngoài ra, phát triển các cụm công nghiệp, ngành nghề thủ công mỹ nghệ, nghề truyền thống, dịch vụ công nghiệp dựa trên lợi thế giao thông của Quốc lộ 38, đường tỉnh 386, đường tỉnh 376, đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình và các đường huyện, đường liên xã; ngoài lợi thế về giao thông, khu vực xã Nguyễn Trãi còn có lợi thế như quỹ đất rộng, có hệ thống hạ tầng đã phát triển đô thị hóa, đủ điều kiện xây dựng, nâng cấp và phát triển đô thị; khu vực xã Nguyễn Trãi có vai trò trung tâm về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của một cụm liên xã khu vực phía Nam huyện Ân Thi cũ nói riêng và khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên hiện hữu nói chung.

Theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Hưng Yên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được phê duyệt tại Quyết định số 579/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, xã Nguyễn Trãi nằm ở khu vực trung tâm Vùng động lực phía Bắc, hội tụ đầy đủ các điều kiện thuận lợi nhất về vị trí, hạ tầng, liên kết vùng và tiềm năng thu hút đầu tư, được xác định là vùng động lực tăng trưởng cao của tỉnh Hưng Yên; đóng vai trò là trung tâm phát triển công nghiệp - đô thị - dịch vụ - logistics công nghệ cao của tỉnh, cửa ngõ giao thương chiến lược kết nối trực tiếp vùng Thủ đô với khu vực đồng bằng ven biển; là hạt nhân công nghiệp công nghệ cao, trung tâm đổi mới sáng tạo và logistics liên vùng, đồng thời là nơi hình thành các khu đô thị hiện đại, trung tâm thương mại, dịch vụ cấp vùng, tạo động lực lan tỏa phát triển cho toàn bộ tỉnh Hưng Yên. Được định hướng phát triển theo trục hành lang công nghiệp - đô thị - dịch vụ, kết nối trực tiếp với Hà Nội, Bắc Ninh, Hải Phòng; phát triển theo mô hình đô thị thông minh - xanh - hiện đại, gắn với hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa sản xuất công nghiệp, dịch vụ, thương mại và không gian sống đô thị chất lượng cao; trở thành trung tâm phát triển kinh tế tri thức, với các khu nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, cơ sở giáo dục, đào tạo nghề và khu công nghệ cao. Ngoài ra, xã Nguyễn Trãi còn được định hướng phát triển thành phường trong giai đoạn đến năm 2030.

Như vậy xã Nguyễn Trãi có vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông cấp tỉnh.

→ Đánh giá vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực cấp Tỉnh, đạt 7,0/7,0 điểm.

2. Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối

Xã Nguyễn Trãi có vị trí quan trọng trong không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên, là địa bàn có điều kiện thuận lợi để phát triển theo hướng đô thị trung tâm khu vực, gắn với công nghiệp, thương mại - dịch vụ, nhà ở và logistics. Quy mô lãnh thổ và dân số tạo nền tảng hình thành một trung tâm đô thị có khả năng cung cấp các dịch vụ hành chính, thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao cho toàn khu vực.

Về vị trí vai trò trong hệ thống đô thị và không gian phát triển của tỉnh Hưng Yên, xã Nguyễn Trãi nằm trong khu vực có mạng lưới giao thông tương đối thuận lợi, kết nối với các tuyến Đường nối 2 cao tốc Hà Nội-Hải Phòng với Cầu Giẽ-Ninh Bình, QL.38 cũ TL.376; TL.386; TL386 (Đoạn hướng thôn Bắc Cả -

Trắc Điền); TL.386 (Đoạn hướng cầu từ Ô); TL.386 (Đoạn hướng ngã ba Đa Lộc); TL Đường trục ngang (đoạn từ cổng làng Mão Xuyên đến cầu vượt) và các tuyến đường liên khu vực. Đây là điều kiện quan trọng để Nguyễn Trãi đảm nhận vai trò đầu mối kết nối dân cư với các khu công nghiệp, trung tâm dịch vụ và các đô thị lân cận.

Về vai trò động lực công nghiệp - đô thị, trên địa bàn có sự tham gia của các dự án công nghiệp quy mô lớn. Khu công nghiệp Kim Động - Ân Thi có quy mô khoảng 399,68 ha, trong đó trên 75 ha thuộc địa bàn Nguyễn Trãi, dự kiến tạo việc làm cho khoảng 21.784 lao động. Khu công nghiệp Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám có quy mô 198,39 ha, trong đó khoảng 92,5 ha thuộc Nguyễn Trãi, dự kiến khoảng 11.057 lao động. Tổng quy mô diện tích hai khu công nghiệp liên quan trực tiếp đến địa bàn khoảng 167,5 ha, tạo động lực lớn cho phát triển nhà ở, thương mại - dịch vụ, vận tải, logistics và các dịch vụ phục vụ người lao động.

Với vị trí địa lý thuận lợi, hệ thống công trình hành chính và hạ tầng đô thị đã được đầu tư, cùng với chức năng tập trung các hoạt động kinh tế - xã hội và khả năng kết nối với các khu vực lân cận, đô thị có đủ cơ sở để xác định là một trong những trung tâm và đầu mối kết nối quan trọng của khu vực, đóng vai trò hạt nhân trong tổ chức không gian phát triển đô thị và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

→ Đánh giá vai trò, vị trí đô thị trung tâm cấp xã đạt 6,0/8,0 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 1: Vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt: 13,0/15,0 điểm.

3.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí mức độ đô thị hoá

1. Quy mô dân số đô thị

Dân số thường trú trên địa bàn khu vực xã Nguyễn Trãi là 30.433 người và dân số tạm trú quy đổi là 213 người (bao gồm: doanh nhân kinh doanh và buôn bán tại đô thị, lao động tạm trú làm việc và doanh nghiệp sản xuất tạm trú và lực lượng tạm trú khác có thời gian tạm trú trung bình 07 ngày). Tổng dân số toàn xã Nguyễn Trãi là 30.646 người so với quy định của đô thị loại III từ 20.000-200.000 người đánh giá đạt 5,95/7,00 điểm.

2. Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên

Mật độ dân số đô thị phản ánh mức độ tập trung dân cư trên địa bàn. Dân số trên địa bàn khu vực xã Nguyễn Trãi đã bao gồm quy đổi là 30.646 người. Tổng diện tích đất tự nhiên là 30,68 km^2. Mật độ dân số toàn đô thị trên diện tích đất tự nhiên là 30.646 người/30,68 km^2 đạt 998,82 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 500 đến 1.000 người/km2, đánh giá đạt điểm 6,00/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp

Tổng số lao động đang làm việc ở các ngành kinh tế (công nghiệp, xây dựng, dịch vụ, thương mại) là: 16.014 người.

Số lao động làm việc trong ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ - thương mại là 12.061 người.

Do đó, tỷ lệ lao động phi nông nghiệp là: K = 12.061/16.014 người, đạt 75,3%, (tiêu chuẩn quy định từ 55% đến 65%). Đánh giá đạt 7,00/7,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2 mức độ đô thị hoá đạt 18,59/15,0 điểm

3.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Đầu mối giao thông

Mạng lưới giao thông vận tải của xã Nguyễn Trãi chủ yếu là đường bộ; Đường giao thông đô thị chủ yếu là đường bê tông nhựa và đường nhựa với chất lượng tương đối tốt. Có tuyến đường giao thông đối ngoại như: Đường nối 2 cao tốc Hà Nội-Hải Phòng với Cầu Giẽ-Ninh Bình, QL.38 cũ TL.376; TL.386; TL386 (Đoạn hướng thôn Bắc Cả - Trắc Điền); TL.386 (Đoạn hướng cầu từ Ô); TL.386 (Đoạn hướng ngã ba Đa Lộc); TL Đường trục ngang (đoạn từ cổng làng Mão Xuyên đến cầu vượt). Trên địa bàn xã có bến xe trung tâm xã loại III, có quy mô 3.125 m^2, phục vụ người dân trên địa bàn xã. Đánh giá đầu mối giao thông xã Nguyễn Trãi cấp tỉnh, đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

b) Mật độ đường giao thông đô thị

Tổng chiều dài các tuyến đường giao thông chính trên địa bàn xã Nguyễn Trãi là 117,18 km . Diện tích đất xây dựng đô thị là 7,6 km^2. Mật độ đường giao thông chính đô thị là 117,18 km/7,6 km^2 đạt 15,42 km/km^2 (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 3- 3,5km/km^2). Đánh giá đạt 5,00/5,00 điểm

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về giao thông đạt: 9,0/9,0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung

Mạng phân phối nước chính hiện tại khu vực xã Nguyễn Trãi đang được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, nước sạch tập trung được cấp từ Nhà máy nước sạch nhà máy nước Ân Thi. Tổng dân số toàn xã là 30.646 người. Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là 26.643 người. Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung là

26.643/30.646 đạt 86,94 % (Tiêu chuẩn quy định phải đạt từ 85 - 95%) Đánh giá đạt 2,19/3,00 điểm.

b) Mật độ đường cống thoát nước chính

Tổng chiều dài hệ thống thoát nước chính xã Nguyễn Trãi là 42,68 km; mật độ đường cống thoát nước chính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 42,68 km/7,6 km^2; đạt 5,61 km/km^2 (tiêu chuẩn quy định từ 3-3,5 km/km^2); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch

Trên địa bàn xã Nguyễn Trãi hiện nay đã quy hoạch 5 trạm xử lý nước thải cho các thôn tuy nhiên chưa có trạm nào được đưa vào vận hành. Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch đạt 0%. Đánh chưa đạt điểm 0/0 điểm

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải đạt: 5,19/7,0 điểm.

3. Xử lý chất thải rắn

Hoạt động thu gom xử lý chất thải rắn sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh là 5.438,50 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 4.637,70 (Tấn/năm). Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường là 4.637,7/5.438,50 đạt 85,28% (tiêu chuẩn quy định từ 70-80%); đánh giá đạt 3,0/3,00 điểm.

4. Nghĩa trang đô thị

Hiện nay trên địa bàn xã có 30 nghĩa trang được xây dựng và sử dụng với tổng diện tích 22,63 ha. Diện tích đất nghĩa trang trong quy hoạch là 38,03 ha. Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch là 22,63/38,03 đạt 59,52% (tiêu chuẩn quy định từ 50-70%); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

Trên địa bàn xã hiện nay đã có dự án nhà tang lễ, nhằm đáp ứng nhu cầu của người dân (tiêu chuẩn quy định từ Có dự án - 1 nhà tang lễ). Đánh giá đạt 2,5/3,0 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Số Giường bệnh

- Tổng số giường bệnh của các cơ sở y tế phục vụ tính xã Nguyễn Trãi là 100 giường. Bình quân số giường bệnh đạt 32,63 giường/10.000 dân. (tiêu chuẩn quy định từ 30 - 35 giường bệnh/10.000 người). Đánh giá đạt 4,41/5,00 điểm.

2. Cơ sở giáo dục đào tạo

Trên địa bàn khu vực xã Nguyễn Trãi chưa có cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị: (tiêu chuẩn quy định từ 1-10 cơ sở); đánh giá đạt 0/5,00 điểm.

3.Công trình văn hoá

- Trên địa bàn đô thị xã Nguyễn Trãi có 13 công trình văn hóa cấp đô thị: Đình Văn Nhuệ; Đình, chùa Hạ Đặng Đinh; Đình Mễ Xá; Địa điểm cây đa Ninh Thôn; Đình Trạo Thôn; Đình, chùa Mão Xuyên; Đình, chùa Nhân Vũ; Chùa Nhân Lý; Đình Trắc Điền; Đình Lã Xá; Chùa Nam Trì; Đền, Chùa Xá; Đền Nhân Vũ (tiêu chuẩn quy định từ 2-10 công trình); đánh giá đạt 5,00/5,00 điểm.

4. Công trình thể dục thể thao

- Trên địa bàn xã Nguyễn Trãi có 24 công trình thể dục thể thao cấp đô thị đáp ứng nhu cầu vui chơi, thể dục thể thao (tiêu chuẩn 2-5 công trình); đánh giá đạt điểm 3,67/3,00 điểm.

5. Công trình thương mại dịch vụ

- Trên địa bàn có 3 công trình thương mại dịch vụ lớn: Chợ Đìa; Chợ Cầu Ngọc; Chợ dân sinh Văn Nhuệ. (Yêu cầu đối đô thị loại III từ 2-5 công trình); đánh giá đạt 2,33/3,00 điểm

6. Đất công trình dịch vụ bình quân đầu người

- Hệ thống công trình dịch vụ công cộng đô thị gồm các công trình giáo dục văn hóa, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ... có tổng diện tích: 70.070 m^2, bình quân đất công trình dịch vụ cấp đô thị trên dân số nội thị là 70.070 m^2/30.646 người, đạt 2,29 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,5-2,0 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về hạ tầng xã hội đạt: 18,41/25,0 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên

Trên địa bàn xã Nguyễn Trãi có 02 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >02ha (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 khu). Đánh giá đạt 3,00/4,00 điểm

2. Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Nguyễn Trãi là 3068,22 ha. Tổng diện tích không gian xanh của xã Nguyễn Trãi là 2258,49 ha (bao gồm thảm thực vật ven sông, hồ; đất sản xuất nông nghiệp; cây xanh chuyên dụng, không gian cây xanh ngoài công cộng). Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên là 2258,49/3068,22 đạt 73,61% (tiêu chuẩn quy định từ 25-35 %). Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm

3. Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị

- Hiện nay trên địa bàn xã có công viên, vườn hoa cấp đô thị. Do vậy đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị đạt 6,02 m^2/người. (tiêu chuẩn quy định từ 6,0-7,0 m^2/người). Đánh giá 2,15 đạt điểm.

4.Quy chế quản lý kiến trúc đô thị

- Hiện nay xã chưa ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị. Do vậy đánh giá chưa đạt điểm.

Đánh giá nhóm tiêu chuẩn về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị đạt: 9,51/15,0 điểm.

3.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Nguyễn Trãi

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2A Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 đánh giá hiện trạng năm 2025 xã Nguyễn Trãi so với tiêu chí đô thị loại III đạt **81,68/75/100 điểm.**

STT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11,5**	**15**	**13,00**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15,5**	**20**	**18,59**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48**	**65**	**50,09**
III.1	*Về hạ tầng kỹ thuật*	*18,25*	*25*	*22,17*
III.2	*Về hạ tầng xã hội*	*18,25*	*25*	*18,41*
III.3	*Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị*	*11,5*	*15*	*9,51*
	Tổng cộng	**75**	**100**	**81,68**

(Xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục I)

4. Đánh giá trình độ phát triển đô thị của đơn vị hành chính cấp xã trong đô thị theo bảng 2B, phụ lục II, Nghị quyết 111

4.1. Tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội

1. Tỷ lệ tăng dân số

Tỷ lệ tăng trưởng dân số năm 2025 của xã Nguyễn Trãi là 1,33%; (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,4%). Đánh giá đạt 3,98/5,0 điểm.

2. Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố

Tiêu chuẩn thu nhập bình quân đầu người xã Nguyễn Trãi đạt 87,00 triệu đồng người/năm so với bình quân cả tỉnh (78 triệu đồng/người/ năm 2025) gấp 1,12 lần (tiêu chuẩn quy định từ 1,0-1,2 lần). Đánh giá đạt 5,36/6,00 điểm.

3. Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn xã Nguyễn Trãi năm 2025 là 0,21%. (tiêu chuẩn quy định từ 5-4%). Đánh giá đạt 4,0/4,0 điểm.

Bên cạnh đó, trên địa bàn xã có di tích lịch sử cấp quốc gia, được cộng 0,5 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 1: Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội đạt 13,84/15,0 điểm

4.2. Tiêu chí 2: Tiêu chí Mức độ đô thị hóa

1. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị

Dân số toàn xã năm 2025 là 30.646 người. Diện tích đất xây dựng đô thị của xã Nguyễn Trãi là 7,6 km^2. Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị là 30.646/7,6 đạt 4.032 người/km^2, tiêu chuẩn quy định từ 4.000 đến 6.000 người/km^2. Đánh giá đạt 8,03/10,00 điểm.

2. Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị

Diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng xã Nguyễn Trãi năm 2025 là 760,05 ha so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đạt 55,50% (tiêu chuẩn quy định từ 50-75%), đánh giá đạt 4,83/6 điểm.

3. Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ

Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra năm 2025 tăng 3%. Kết quả thực hiện năm 2025 tăng theo mục tiêu đề ra. Đánh giá đạt: 3,00/4,00 điểm.

→ Tổng điểm tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa đạt 15,86/20,00 điểm

4.3. Tiêu chí 3: Tiêu chí Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị

A. Về hạ tầng kỹ thuật

1. Giao thông

a) Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị

Tổng diện tích đất giao thông đô là 117,25 ha, diện tích đất xây dựng đô thị là 760,05 ha. Tỷ lệ diện tích đất giao thông trên đất xây dựng đô thị là (117,25/760,05) *100%, đạt 15,43% (tiêu chuẩn quy định từ 12-17%); đánh đạt 2,68/3,0 điểm.

b) Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người

Tổng diện tích đất giao thông chính xã Nguyễn Trãi là 117,25 ha; bình quân diện tích đất giao thông bình quân đầu người là 117,25*10.000/30.646 người, đạt 38,26 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 7-9 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

c) Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có ngầm hoá đường dây, đường cáp trên các tuyến phố chính. Đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

2. Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải

a) Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người

Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người trên địa bàn xã Nguyễn Trãi năm 2025 đạt 87,50 lít/người/ngày đêm, đánh giá đạt 1,68/2,00 điểm.

b) Thoát nước chống ngập úng đô thị

Hiện nay trên địa bàn xã Nguyễn Trãi có 100% các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng và đang thực hiện các giải pháp chống ngập úng trong đô thị. (tiêu chuẩn từ 25% -50%). Đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

c) Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Hiện nay trên địa bàn xã chưa có dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật. Đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

3. Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị

a) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom

Hoạt động thu gom xử lý CTR sinh hoạt các thôn đã có điểm tập kết và trung chuyển rác. Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã năm 2025 là 5.438,50 tấn/năm. Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 4.637,70 tấn /năm. Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường đạt 85,28 % *(tiêu chuẩn từ 80-90%); đánh giá đạt 1,76/2,00 điểm.*

b) Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn

Trên địa bàn xã hiện nay các hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn. UBND xã đang triển khai, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về lợi ích của phân loại chất thải rắn tại nguồn, đạt 54,91%. Đánh giá đạt điểm 0,79/1,0 điểm.

c)Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng

Số ca tử vong trên địa bàn xã năm 2025 là 135 ca. Số ca sử dụng hình thức hoả táng là 125 ca. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng đạt 92,59% (tiêu chuẩn: đạt từ 5-15%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm

4. Cấp điện chiếu sáng và công cộng

a) Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người

Hiện nay 100% dân số xã sử dụng lưới điện Quốc gia. Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người năm 2025 đạt 1283,47 kwh/người/năm. (tiêu chuẩn quy định từ 400 - 1000 kwh/người/năm). Đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

b) Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng

Mạng lưới chiếu sáng trên địa bàn xã đã được đầu tư xây dựng. Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng đạt 100% (tiêu chuẩn 80-95%); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

c) Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh

Hiện nay trên địa bàn xã có 2/13 tuyến sử dụng hệ thống chiếu sáng tiết kiệm năng lượng đạt 15,38% (tiêu chuẩn 15-50%); đánh giá đạt 0,75/1,00 điểm.

5. Hạ tầng viễn thông

Toàn xã Nguyễn Trãi có 9.616 hộ gia đình. Số hộ gia đình lắp cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định là 8.578 hộ. Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định đạt 89,21% (tiêu chuẩn quy định từ 80-100) đánh giá đạt 1,73/2,00 điểm

Điểm cộng:

- Xã hiện nay đag triển khai truy cập WIFI miễn phí tại các trụ sở cơ quan, trường học, hội trường thôn đánh giá đạt 0,5 điểm.

B. Về hạ tầng xã hội

1. Nhà ở

a) Diện tích nhà ở bình quân đầu người

- Toàn xã có 9.480 hộ. Tổng diện tích sàn đạt 1.269.188 m^2. Diện tích sàn bình quân đầu người trên đia 1.014.486 m^2 sàn/30.646 người, đạt 33,39 m^2 sàn/người (tiêu chuẩn 28-30 m^2 sàn/người); đánh giá đạt 4,00/4,00 điểm.

b) Nhà ở xã hội

Trên địa bàn xã chưa có dự án nhà ở xã hội nào được triển khai xây dựng. Đánh giá chưa đạt điểm.

2. Công trình công cộng

a) Đất dân dụng bình quân đầu người

Diện tích đất dân dụng xã Nguyễn Trãi là 541,63 ha, bình quân đất dân dụng là 541,63*10.000 m^2/30.646 người, đạt 176,74 m^2/người (tiêu chuẩn 50-110 m^2/người); đánh giá chưa đạt điểm 0/3,00 điểm.

b) Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người

Hệ thống công trình công cộng cấp đơn vị ở gồm hệ thống các công trình như: trường mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở, trạm y tế, chợ, các cơ quan cấp xã ... có tổng diện tích 105.460 m^2, bình quân đất công trình công cộng cấp khu ở trên dân số là 105.460 m^2/30.646 người, đạt 3,34 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 3-4 m^2/người); đánh giá đạt 3,34/4,00 điểm.

c) Số trường công lập đạt chuẩn

Trên địa bàn xã có 15/15 điểm trường đạt 100% số trường công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, trong đó có 5/15 trường Mầm Non, Tiểu học, Trung học cơ sở

công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 (Điểm trường chính Nguyễn Trãi; Phân hiệu Đa Lộc; Phân Hiệu Đặng Lễ; Phân hiệu MN Đặng Lễ; Phân hiệu MN Cẩm Ninh; Phân hiệu MN Đa Lộc) đạt tỷ lệ 60%. Đánh giá đạt 3,0/3,0 điểm.

d) Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số

Trên địa bàn xã có 1 điểm trường tiểu học. Đáp ứng 01 trường/6.000 người. Đánh giá đạt 2,5/3,0 điểm.

e) Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở trên địa bàn xã là 73.790 m^2. Bình quân đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở trên dân số là 73.790/30.646 đạt 2,41 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1,8-2 m^2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

f) Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số

Tổng diện tích các sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao cấp đơn vị ở trên địa bàn xã đạt 71.456 m^2. Bình quân Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao cấp đơn vị ở trên dân số là 71.456/30.646 đạt 2,33 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 1-1,5 m2/người); đánh giá đạt 3,00/3,00 điểm.

C. Về không gian kiến trúc cảnh quan đô thị

1. Không gian đô thị

a) Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người

Tổng diện tích đất cây xanh công cộng trên địa bàn xã là 201.318 m^2. *Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người đạt* 201.318 m^2/30.646 người đạt 6,57 m^2/người (tiêu chuẩn quy định từ 2-3 m^2/người); đánh giá đạt 2,00/2,00 điểm.

b) Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m 2 trở lên

Trên địa bàn xã có 03 không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô >2.000 m^2 là không gian xanh công cộng trong các khu dân cư trung tâm xã. (tiêu chuẩn quy định từ 1-5 khu); đánh giá đạt 1,75/2,00 điểm.

2. Kiến trúc cảnh quan đô thị

a) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị

Trên địa bàn xã hiện nay chưa có tuyến phố văn minh đô thị nào được công nhận. Đánh giá chưa đạt điểm.

b) Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ

Trên địa bàn xã có 13 công trình di tích lịch sử được xếp hạng. (tiêu chuẩn quy định từ 1-3 công trình); đánh giá đạt 1,00/1,00 điểm.

c) Công trình xanh

Trên địa bàn xã Nguyễn Trãi chưa có công trình nào được thiết kế và xây dựng theo tiêu chuẩn công trình xanh. Đánh giá chưa đạt điểm

3. Quản trị đô thị

a) Kế hoạch phát triển đô thị

- Xã Nguyễn Trãi hiện nay chưa ban hành Kế hoạch phát triển đô thị, đánh giá chưa đạt điểm 0/0 điểm.

b) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình

Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công là 7.244 hồ sơ. Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 4.730 hồ sơ. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 65,3 (%) (tiêu chuẩn quy định từ 35-60%) đánh giá đạt 2,0/2,0 điểm.

c) Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch

Trong năm 2025 xã đã cải tạo chính trang 9 tuyến trên địa bàn: đạt 100% so với kế hoạch (tiêu chuẩn quy định từ 75-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

d) Quản lý phát triển đô thị thông minh

Hiện nay xã đã có kế hoạch phát triển đô thị thông minh giai đoạn 2026-2030. Đánh giá đạt 0,75/1,0 điểm.

e) Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị

Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân trên địa bàn xã đạt 100%. (tiêu chuẩn quy định từ 90-100%). Đánh giá đạt 1,0/1,0 điểm.

Điểm cộng:

- Trên địa bàn xã không có vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm

- Trên địa bàn xã không có vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra, đánh giá cộng 0,5 điểm,

→ Tổng điểm tiêu chí 3 trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đạt 49,83/60,00 điểm

4.4. Tổng hợp đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Nguyễn Trãi so với trình độ phát triển độ thị loại III

Căn cứ theo quy định tại Bảng 2B Phụ lục II của Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15, đánh giá trình đô thị phát triển đô thị xã Nguyễn Trãi so với trình độ phát triển độ thị loại III đạt **79,53/75,00/100 điểm**. Cụ thể

STT	Các tiêu chí đánh giá	Tối thiểu	Tối đa	Điểm đánh giá
I	**Tiêu chí vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội**	**11,5**	**15**	**13,84**
II	**Tiêu chí mức độ đô thị hoá**	**15,5**	**20**	**15,86**
III	**Tiêu chí trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị**	**48**	**65**	**49,83**

III.1	Về hạ tầng kỹ thuật	18,25	25	19,39
III.2	Về hạ tầng xã hội	18,25	25	18,94
III.3	Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị	11,5	15	11,50
	Tổng cộng	**75**	**100**	**79,53**

(Xem bảng tổng hợp đánh giá chi tiết tại phụ lục I

5. Kế hoạch nâng cao chất lượng đô thị trong giai đoạn tiếp theo

5.1. Giải pháp hoàn thiện các tiêu chuẩn chưa đạt so với tiêu chuẩn đô thị loại III

Qua đánh giá thực trạng phát triển đô thị xã Nguyễn Trãi so với tiêu chí đô thị loại III đã cơ bản đáp ứng được tiêu chí phân loại đô thị. Tuy nhiên còn một số tiêu chuẩn chưa đạt cần có các giải pháp nâng cao khắc phục trong thời gian tới. UBND xã Nguyễn Trãi đã có kế hoạch hoàn thiện từng tiêu chuẩn cụ thể, trong đó tiếp tục tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đô thị nhằm khắc phục chuẩn chưa đạt điểm cụ thể:

a) Đối với Đánh giá phân loại xã Nguyễn Trãi so với đô thị loại III theo bảng 2A , Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch:

Đối với tiêu chuẩn về tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch, xã Nguyễn Trãi cần tập trung đồng bộ các giải pháp về thu gom, đấu nối, xử lý và quản lý vận hành. Trên cơ sở quy mô dân số hiện nay khoảng 30.646 người và định hướng phát triển xã Nguyễn Trãi trở thành phường, dự kiến nhu cầu xử lý nước thải sẽ tiếp tục tăng trong các giai đoạn tới. Trước mắt, năm 2026 cần tổ chức rà soát toàn bộ hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, xác định chính xác công suất thiết kế, công suất vận hành thực tế, khả năng tiếp nhận và tỷ lệ đấu nối của từng khu vực.

Phấn đấu đến năm 2030, tỷ lệ công suất vận hành đạt tối thiểu 70% tổng công suất thiết kế, tỷ lệ thu gom nước thải đạt khoảng 75% và tỷ lệ hộ dân đấu nối đạt tối thiểu 75%; đến năm 2035, công suất vận hành đạt khoảng 85%, tỷ lệ thu gom và đấu nối đạt trên 90%; đến năm 2045, duy trì công suất vận hành đạt từ 90% trở lên, tỷ lệ thu gom và đấu nối đạt khoảng 95%. Ưu tiên đầu tư hoàn thiện khoảng 20-25 km mạng lưới thu gom trong giai đoạn 2026-2030, tiếp tục nâng lên khoảng 35-40 km vào năm 2035, đồng thời xây dựng và nâng cấp các trạm bơm, tuyến cống truyền dẫn và các trạm xử lý nước thải theo phân kỳ quy hoạch.

Đối với công suất xử lý, có thể định hướng quy mô khoảng 6.000 m^3/ngày đêm vào năm 2030, khoảng 7.000 m^3/ngày đêm vào năm 2035 và khoảng 8.000 m^3/ngày đêm vào năm 2045, trong đó công suất vận hành tương ứng phấn đấu đạt tối thiểu 4.200 m^3/ngày đêm, 6.000 m^3/ngày đêm và 7.200 m^3/ngày đêm. Việc đầu tư phải thực hiện theo nguyên tắc đồng bộ giữa công suất trạm, mạng lưới thu gom và số hộ đấu nối, tránh tình trạng trạm có công suất thiết kế lớn nhưng không khai thác hết công suất. Đồng thời tăng cường quan trắc, kiểm soát chất lượng nước sau

xử lý, bảo đảm nước thải được xử lý đạt quy chuẩn môi trường hiện hành trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Đặc biệt, do địa bàn Nguyễn Trãi đang có định hướng phát triển mạnh công nghiệp - dịch vụ, với nhiều cụm công nghiệp và nhà đầu tư thứ cấp, cần yêu cầu các khu, cụm công nghiệp, khu đô thị và dự án phát triển mới phải đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom và xử lý nước thải. Qua đó từng bước nâng tỷ lệ công suất vận hành thực tế, bảo đảm đáp ứng yêu cầu hạ tầng kỹ thuật của đô thị Nguyễn Trãi trong giai đoạn đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2045.

+ Đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng và đưa vào sử dụng trạm xử lý nước thải trong các khu đô thị, khu dân cư tập trung trên địa ban vào hoạt động:

+ Triển khai xây dựng Trạm bơm và trạm xử lý nước thải lựa chọn vị trí phù hợp với từng khu vực theo quy hoạch chug, phân khu đô thị, đảm bảo thu gom nước thải thuận lợi về bể xử lý và hạn chế ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường xung quanh.

+ Đối với xử lý nước thải từ các nhóm hộ gia đình có chăn nuôi gia súc, gia cầm và các trang trại nuôi gia súc tập trung cần xây bể biogas, xử lý phân rác thải tận dụng năng lượng phục vụ sinh hoạt.

+ Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất đảm bảo yêu cầu thoát nước thải đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường.

- Đối với tiêu chuẩn: Cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị

Xã Nguyễn Trãi cần rà soát, hoàn thiện mạng lưới cơ sở giáo dục theo quy hoạch, ưu tiên nâng cấp, mở rộng các trường mầm non, tiểu học, THCS hiện có; bổ sung phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng, sân thể thao, phòng học STEM và hạ tầng chuyển đổi số, bảo đảm đáp ứng nhu cầu học tập của dân cư đô thị. Đồng thời, bố trí quỹ đất phù hợp để hình thành cơ sở giáo dục nghề nghiệp/giáo dục thường xuyên cấp đô thị, quy mô khoảng 1,5-3,0 ha, gắn đào tạo với nhu cầu lao động của các ngành công nghiệp, thương mại - dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao.

Giai đoạn 2026-2030 tập trung hoàn thiện quy hoạch mạng lưới giáo dục, nâng cấp các cơ sở hiện có và chuẩn bị đầu tư cơ sở giáo dục nghề nghiệp; phấn đấu 100% trường học được kiên cố hóa, cơ sở vật chất cơ bản đồng bộ và tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 80%. Giai đoạn 2030-2035 hoàn thiện cơ sở đào tạo cấp đô thị, mở rộng quy mô giáo dục theo tốc độ tăng dân số, phấn đấu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 85%. Huy động nguồn vốn ngân sách kết hợp xã hội hóa, tăng cường liên kết với doanh nghiệp để nâng cao chất lượng đào tạo, từng bước hoàn thiện tiêu chuẩn cơ sở giáo dục đào tạo cấp đô thị của xã Nguyễn Trãi.

- Đối với tiêu chuẩn: Quy chế quản lý kiến trúc đô thị hoặc quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc đô thị: xã Nguyễn Trãi đang khẩn trương rà soát các quy hoạch đã được phê duyệt, hiện trạng không gian kiến trúc, cảnh quan và hệ thống hạ tầng kỹ thuật để tổ chức lập, thẩm định và ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đô thị phù hợp với định hướng phát triển đô thị Nguyễn Trãi. Nội dung quy chế cần xác định rõ nguyên tắc quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan; quản lý chiều cao, mật độ xây dựng, khoảng lùi, tầng cao, hình thức và màu sắc công trình; quản lý các tuyến phố, khu vực trung tâm, công trình công cộng, không gian xanh, khu vực có giá trị cảnh quan và các khu vực phát triển mới.

Trong giai đoạn 2026-2027, hoàn thành rà soát hiện trạng và lập hồ sơ Quy chế quản lý kiến trúc, đồng bộ với quy hoạch chung và các quy hoạch có liên quan; tổ chức lấy ý kiến cộng đồng dân cư, hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giai đoạn 2028-2030, tổ chức công bố công khai quy chế, số hóa thông tin quản lý và áp dụng thống nhất trong cấp phép, quản lý xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị. Đồng thời tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp xây dựng không đúng quy hoạch, kiến trúc và cảnh quan được duyệt. Định kỳ rà soát, điều chỉnh quy chế phù hợp với quá trình phát triển đô thị, bảo đảm quản lý thống nhất, đồng bộ và tạo lập bản sắc kiến trúc - cảnh quan cho xã Nguyễn Trãi trong quá trình chuyển đổi thành đô thị. Quy trình này cần tuân thủ quy định phân cấp quản lý kiến trúc hiện hành của tỉnh Hưng Yên.

b) Đối với Đánh giá phân loại xã Nguyễn Trãi so với đô thị loại III theo bảng 2B, Phụ lục II, Nghị quyết 111

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ ngầm hóa đường dây đường cáp trên tuyến phố chính

Trên cơ sở hệ thống giao thông hiện trạng của xã Nguyễn Trãi có tổng chiều dài khoảng 117,18 km đối với nhóm đường cao tốc, quốc lộ, đường tỉnh và đường đô thị, cần xây dựng lộ trình ngầm hóa đường dây điện, cáp viễn thông và cáp thông tin theo từng giai đoạn. Ưu tiên trước các tuyến có vai trò trục chính và kết nối đô thị gồm đường nối 2 cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với Cầu Giẽ - Ninh Bình, QL.38 cũ, TL.376, TL.386, đường trục ngang và các tuyến ĐX60, ĐX61, ĐX63, ĐX65, ĐX66, ĐX67, ĐX81; đặc biệt tập trung khu vực trung tâm hành chính, thương mại - dịch vụ và các khu dân cư tập trung.

Giai đoạn 2026-2030 phấn đấu ngầm hóa tối thiểu 50%, tương đương khoảng 58,59 km tuyến ưu tiên; riêng các trục chính và khu vực trung tâm phấn đấu đạt 80-100%. Giai đoạn 2031-2035 nâng tỷ lệ ngầm hóa lên ≥80%, tương đương khoảng 93,74 km; đến năm 2045 đạt ≥95%, tương đương khoảng 111,32 km, riêng khu vực trung tâm đô thị đạt 100%. Việc ngầm hóa phải thực hiện đồng bộ với cải

tạo, nâng cấp đường giao thông, vỉa hè, chiếu sáng và thoát nước; xây dựng hệ thống cống/hào kỹ thuật dùng chung, đồng thời yêu cầu các khu đô thị, khu dân cư và công trình xây dựng mới bố trí hệ thống điện, viễn thông ngầm ngay từ đầu. Qua đó từng bước loại bỏ dây, cáp nổi gây mất mỹ quan, bảo đảm an toàn và nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật đô thị Nguyễn Trãi.

Các dự án khu dân cư mới, khu đô thị, cụm công nghiệp được phê duyệt trên địa bàn xã Nguyễn Trãi bắt buộc phải thiết kế hạ ngầm 100% hệ thống cấp điện, viễn thông, chiếu sáng ngay từ đầu. Khu vực này sẽ kéo tỷ lệ ngầm hóa trung bình của toàn xã lên cao.

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật

Xã Nguyễn Trãi cần tập trung hoàn thiện đồng bộ hệ thống thu gom, đấu nối và xử lý nước thải sinh hoạt, ưu tiên khu vực trung tâm, các tuyến phố chính, khu dân cư tập trung và các khu vực đô thị hóa. Trước mắt rà soát, đánh giá chính xác tỷ lệ dân số đã được thu gom, tỷ lệ hộ đấu nối, công suất thiết kế và công suất vận hành các trạm xử lý; đồng thời nâng cấp các tuyến cống, trạm bơm và công trình xử lý hiện có. Phấn đấu tỷ lệ dân số được thu gom nước thải đạt ≥75% vào năm 2030, ≥90% năm 2035 và ≥95% năm 2045; tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ xử lý nước thải đạt quy chuẩn tương ứng ≥70%, ≥85% và ≥95%.

Giai đoạn 2026-2030 ưu tiên hoàn thiện mạng lưới thu gom và nâng công suất xử lý lên khoảng 4.200 m^3/ngày đêm; giai đoạn 2030-2035 nâng lên khoảng 6.000 m^3/ngày đêm và đến năm 2045 đạt khoảng 7.200 m^3/ngày đêm, phù hợp với tốc độ tăng dân số và quá trình đô thị hóa. Đối với các khu đô thị, khu dân cư và dự án công nghiệp - dịch vụ mới phải đầu tư đồng bộ hệ thống thu gom, xử lý nước thải ngay từ đầu. Đồng thời tăng cường vận động, hướng dẫn và kiểm soát đấu nối hộ dân; quan trắc định kỳ chất lượng nước sau xử lý, bảo đảm nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường. Qua đó từng bước nâng cao tỷ lệ dân số được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải đạt quy chuẩn, đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị Nguyễn Trãi đến năm 2030, 2035 và tầm nhìn 2045.

Bên cạnh đó với đầu tư xây dựng, cần rà soát toàn bộ quỹ đất quy hoạch chưa thực hiện; đối với các khu vực không còn phù hợp về nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng hoặc khả năng đầu tư thì nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch, giảm quy mô hoặc chuyển chức năng sử dụng đất nhằm bảo đảm tính khả thi. Qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất, hạn chế quy hoạch treo và bảo đảm tỷ lệ thực hiện quy hoạch phù hợp với quy định.

- Đối với tiêu chuẩn: Nhà ở xã hội

Xã Nguyễn Trãi cần rà soát, xác định đầy đủ nhu cầu nhà ở xã hội của người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người có thu nhập thấp, công nhân và người lao động trên địa bàn; đồng thời chủ động bố trí quỹ đất phù hợp trong các đồ án quy hoạch đô thị và các khu dân cư mới. Trọng tâm là khai thác hiệu quả quỹ đất tại khu vực Mão Xuyên - Bình Xá - Yên Xá, nơi đang nghiên cứu triển khai Khu dân cư mới và nhà ở xã hội Ân Thi, để hình thành khu nhà ở xã hội tập trung, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Bên cạnh đó, nghiên cứu bố trí các khu nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và nhà ở cho thuê tại khu vực Mão Xuyên - La Chàng - Đông Bạn, gắn với nhu cầu lao động của Khu công nghiệp Kim Động - Ân Thi; đồng thời nghiên cứu bổ sung quỹ đất tại khu dân cư mới Văn Nhuệ và khu vực lân cận Cụm công nghiệp Đa Lộc.

Trong giai đoạn 2026-2030, tập trung hoàn thiện quy hoạch, thủ tục đầu tư, giải phóng mặt bằng và tạo quỹ đất sạch; phấn đấu hình thành khoảng 5-8 ha quỹ đất nhà ở xã hội tại khu vực Mão Xuyên - Bình Xá - Yên Xá và khoảng 5-10 ha nhà ở xã hội, nhà ở công nhân tại khu vực gắn với Khu công nghiệp Kim Động - Ân Thi. Giai đoạn 2031-2035, tiếp tục triển khai các dự án bổ sung tại Văn Nhuệ và khu vực Đa Lộc, nâng tổng quỹ đất nghiên cứu phát triển nhà ở xã hội và nhà ở công nhân lên khoảng 15-26 ha, phù hợp với nhu cầu thực tế và khả năng phát triển đô thị. Đến năm 2045, phấn đấu cơ bản đáp ứng nhu cầu nhà ở xã hội của các đối tượng đủ điều kiện; 100% dự án nhà ở xã hội được đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước, cây xanh, bãi đỗ xe, giáo dục và các dịch vụ thiết yếu.

Đồng thời, tăng cường huy động nguồn lực xã hội, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư nhà ở xã hội và nhà ở cho thuê; tạo điều kiện tiếp cận các nguồn vốn tín dụng ưu đãi; thực hiện công khai, minh bạch việc xét duyệt đối tượng được mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội. Việc phát triển nhà ở xã hội cần gắn với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng và định hướng phát triển các khu, cụm công nghiệp, bảo đảm phân bố dân cư hợp lý, giảm áp lực lên hạ tầng hiện hữu và từng bước hoàn thiện hệ thống nhà ở đô thị trên địa bàn xã Nguyễn Trãi.

- Đối với tiêu chuẩn: Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị

Tổ chức rà soát toàn bộ các tuyến đường chính, đường khu vực và đường dân cư có khả năng hình thành tuyến phố văn minh; đánh giá cụ thể về mặt đường, vỉa hè, hệ thống thoát nước, chiếu sáng, cây xanh, biển hiệu, vệ sinh môi trường, trật tự xây dựng và cảnh quan. Trên cơ sở đó, phân thành 3 nhóm: tuyến đã đạt chuẩn cần duy trì; tuyến cơ bản đạt cần chỉnh trang; tuyến chưa đạt cần đầu tư đồng bộ. Ưu tiên các tuyến trung tâm xã, tuyến kết nối các khu dân cư, công trình công cộng, khu thương mại - dịch vụ và các trục giao thông đối ngoại.

Tập trung cải tạo mặt đường, vỉa hè, bó vỉa, rãnh thoát nước; bổ sung hệ thống chiếu sáng, cây xanh và các điểm dừng, không gian sinh hoạt công cộng phù hợp. Đối với các tuyến có điều kiện, thực hiện chỉnh trang theo hướng "đường thông - hè thoáng - cây xanh - chiếu sáng - thoát nước đồng bộ".

- Đối với tiêu chuẩn: Công trình xanh

Định hướng phát triển các công trình xây dựng theo mô hình sử dụng năng lượng và tài nguyên hiệu quả, tiết kiệm nước, tăng cường cây xanh, bảo đảm vi khí hậu và giảm tác động đến môi trường. Trong quá trình đầu tư xây dựng mới, cải tạo và chỉnh trang các công trình công cộng, thương mại - dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và nhà ở, cần từng bước áp dụng các tiêu chí, giải pháp công trình xanh phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Đối với tiêu chuẩn: Kế hoạch phát triển đô thị

- Lập và ban hành kế hoạch phát triển đô thị theo hướng có cơ sở pháp lý, có tầm nhìn dài hạn, xác định rõ mục tiêu - chỉ tiêu - danh mục dự án - nguồn lực và lộ trình thực hiện, đồng thời bảo đảm thống nhất với quy hoạch cấp tỉnh và quy hoạch chung xã Nguyễn Trãi.

5.2. Giải pháp về phát triển văn hóa xã hội

Trong giai đoạn tới, xã Nguyễn Trãi tập trung phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với quá trình đô thị hóa, lấy con người và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân làm trung tâm; bảo đảm người dân được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và an sinh xã hội. Xã cần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội theo tiêu chuẩn đô thị, đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

- Phát triển giáo dục và đào tạo: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì phổ cập và huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý. Hiện hệ thống giáo dục có 03 trường công lập, 170 lớp và 5.210 học sinh, bình quân khoảng 30,6 học sinh/lớp. Giai đoạn tới cần ưu tiên đầu tư bổ sung phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng, sân chơi, bãi tập, cây xanh và bãi đỗ xe; bảo đảm 100% trường học đạt chuẩn quốc gia, đồng thời dành quỹ đất dự phòng cho nhu cầu tăng dân số và phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp.

- Nâng cao chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe: Củng cố mạng lưới Trạm Y tế xã Nguyễn Trãi và 04 điểm/chi nhánh, bảo đảm thực hiện tốt chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng, quản lý bệnh không lây nhiễm, chăm sóc người cao tuổi và trẻ em. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao năng lực đội ngũ y tế; duy trì tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế khoảng 96%, từng bước

nâng lên mức bao phủ bền vững trên 98%. Khuyến khích xã hội hóa, thu hút các cơ sở khám chữa bệnh, dược và dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Phát triển văn hóa, thể thao và không gian công cộng: Bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị 13 di tích lịch sử, văn hóa; nâng cao hiệu quả sử dụng 32 nhà văn hóa và 04 công trình thể thao, với tổng diện tích đất khoảng 71.456 m². Từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa - thể thao theo hướng dùng chung, đa chức năng; bổ sung sân chơi trẻ em, sân thể thao cộng đồng, công viên, quảng trường và không gian sinh hoạt công cộng tại các khu dân cư mới. Khuyến khích phát triển phong trào thể dục thể thao, văn nghệ quần chúng, tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa cộng đồng.

- Bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống: Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em và các nhóm yếu thế; tiếp tục hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà xuống cấp, cải thiện điều kiện ở. Gắn đào tạo nghề và giải quyết việc làm với nhu cầu của các khu công nghiệp; ưu tiên lao động bị thu hồi đất chuyển đổi nghề nghiệp, phấn đấu tạo khoảng 7.000 việc làm theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và thu hẹp chênh lệch giữa các khu dân cư.

- Xây dựng đời sống văn hóa đô thị: Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng nếp sống văn minh đô thị, thực hiện tốt quy định về trật tự xây dựng, vệ sinh môi trường, cảnh quan và không gian công cộng. Gắn bảo tồn di tích, lễ hội và các giá trị văn hóa truyền thống với giáo dục cộng đồng và phát triển dịch vụ, góp phần tạo bản sắc riêng cho đô thị Nguyễn Trãi.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: Mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng dữ liệu số trong quản lý giáo dục, y tế, an sinh xã hội và thiết chế văn hóa. Tiếp tục phát huy kết quả hiện có với 99,7% hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến và 99,97% hồ sơ giải quyết đúng hoặc trước hạn; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt và tiếp cận thông tin chính thống.

5.3. Giải pháp về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị

Trong thời gian tới, xã Nguyễn Trãi tập trung hoàn thiện công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và có bản sắc, lấy quy hoạch làm công cụ định hướng phát triển, kiểm soát sử dụng đất và đầu tư hạ tầng. Trên cơ sở quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị khu vực Ân Thi được tổ chức lập, UBND xã Nguyễn Trãi sẽ triển khai lập Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị lập kế hoạch phát triển đô thị, quy chế quản lý

kiến trúc đô thị nhằm tổ chức và quản lý không gian phù hợp với quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp và hình thành các khu dân cư mới.

- Hoàn thiện hệ thống quy hoạch: Rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện thống nhất quy hoạch chung xã, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch phân khu, chi tiết có liên quan; bảo đảm đồng bộ với quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển vùng. Ưu tiên lập quy hoạch chi tiết tại các khu vực có tốc độ đô thị hóa cao, khu dân cư mới, khu công nghiệp và các trục giao thông chính. Quản lý chặt chẽ chỉ giới đường đỏ, hành lang bảo vệ công trình hạ tầng, đất nông nghiệp, mặt nước và không gian xanh; không để phát sinh xây dựng tự phát, phá vỡ cấu trúc đô thị.

- Tổ chức không gian đô thị theo mô hình đa trung tâm: Hình thành khu vực trung tâm hành chính - dịch vụ làm hạt nhân; phát triển các trung tâm thương mại - dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao gắn với các khu dân cư; tổ chức các khu công nghiệp và khu sản xuất theo hướng tập trung, hạn chế ảnh hưởng đến khu ở. Đối với dự án khu dân cư mới và nhà ở xã hội khoảng 50 ha, trong đó khoảng 40 ha thuộc địa bàn xã, cần bảo đảm đồng bộ nhà ở với trường học, cây xanh, công trình công cộng, giao thông, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật.

- Phát triển và chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật: Ưu tiên nâng cấp mạng lưới giao thông hiện có khoảng 44,38 km, trong đó 17,37 km đường tỉnh và 24,51 km đường đô thị, khu dân cư, đường khu vực; từng bước hoàn thiện mặt cắt đường, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước và bãi đỗ xe. Tập trung đầu tư hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn, điện và viễn thông đồng bộ với các khu đô thị, khu công nghiệp mới.

- Quản lý chặt chẽ trật tự xây dựng và đất đai: Tăng cường kiểm tra, giám sát từ khâu quy hoạch, cấp phép đến thi công và đưa công trình vào sử dụng; xử lý kịp thời các trường hợp xây dựng không phép, sai phép, lấn chiếm đất công, hành lang giao thông, thủy lợi và các khu vực bảo vệ di tích. Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các dự án đầu tư để người dân dễ tiếp cận; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và quy hoạch phục vụ quản lý.

- Phát triển đô thị xanh, sinh thái và thích ứng biến đổi khí hậu: Bảo vệ hệ thống ao, hồ, kênh mương và không gian nông nghiệp có giá trị sinh thái; tăng diện tích cây xanh, công viên, vườn hoa và sân chơi cộng đồng. Từng bước cải tạo các tuyến tiêu thoát nước, hồ điều hòa và điểm ngập úng; kết hợp giải pháp hạ tầng xanh với hạ tầng kỹ thuật truyền thống để nâng cao khả năng chống ngập và cải thiện môi trường đô thị.

- Bảo tồn bản sắc và nâng cao chất lượng cảnh quan: Gắn phát triển đô thị với bảo tồn 13 di tích lịch sử, văn hóa, hệ thống 32 nhà văn hóa và các không gian sinh hoạt cộng đồng. Kiểm soát kiến trúc trên các tuyến phố chính, khu vực trung

tâm và xung quanh di tích; hình thành các tuyến phố văn minh, cảnh quan đồng bộ, hạn chế biển quảng cáo và công trình xây dựng gây mất mỹ quan.

- Tăng cường quản trị đô thị và huy động nguồn lực: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng, giao thông và môi trường; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu đô thị và hệ thống giám sát hạ tầng. Huy động ngân sách nhà nước kết hợp nguồn lực xã hội hóa, nguồn thu từ đất và nguồn vốn doanh nghiệp để đầu tư các công trình hạ tầng khung. Ưu tiên đầu tư theo thứ tự: giao thông - cấp thoát nước - xử lý môi trường - công trình công cộng - cây xanh, không gian mở.

5.2. Giải pháp về phát triển văn hóa xã hội

Trong giai đoạn tới, xã Nguyễn Trãi tập trung phát triển văn hóa - xã hội đồng bộ với quá trình đô thị hóa, lấy con người và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân làm trung tâm; bảo đảm người dân được tiếp cận bình đẳng các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và an sinh xã hội. Xã cần từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội theo tiêu chuẩn đô thị, đồng thời bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống.

- Phát triển giáo dục và đào tạo: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục, duy trì phổ cập và huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường; nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý. Hiện hệ thống giáo dục có 03 trường công lập, 170 lớp và 5.210 học sinh, bình quân khoảng 30,6 học sinh/lớp. Giai đoạn tới cần ưu tiên đầu tư bổ sung phòng học bộ môn, thư viện, nhà đa năng, sân chơi, bãi tập, cây xanh và bãi đỗ xe; bảo đảm 100% trường học đạt chuẩn quốc gia, đồng thời dành quỹ đất dự phòng cho nhu cầu tăng dân số và phát triển các khu đô thị, khu công nghiệp.

- Nâng cao chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe: Củng cố mạng lưới Trạm Y tế xã Nguyễn Trãi và 04 điểm/chi nhánh, bảo đảm thực hiện tốt chăm sóc sức khỏe ban đầu, y tế dự phòng, quản lý bệnh không lây nhiễm, chăm sóc người cao tuổi và trẻ em. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nâng cao năng lực đội ngũ y tế; duy trì tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế khoảng 96%, từng bước nâng lên mức bao phủ bền vững trên 98%. Khuyến khích xã hội hóa, thu hút các cơ sở khám chữa bệnh, dược và dịch vụ chăm sóc sức khỏe chất lượng cao.

- Phát triển văn hóa, thể thao và không gian công cộng: Bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị 13 di tích lịch sử, văn hóa; nâng cao hiệu quả sử dụng 32 nhà văn hóa và 04 công trình thể thao, với tổng diện tích đất khoảng 71.456 m². Từng bước hoàn thiện các thiết chế văn hóa - thể thao theo hướng dùng chung, đa chức năng; bổ sung sân chơi trẻ em, sân thể thao cộng đồng, công viên, quảng trường và không gian sinh hoạt công cộng tại các khu dân cư mới. Khuyến khích phát triển phong

trào thể dục thể thao, văn nghệ quần chúng, tổ chức thường xuyên các hoạt động văn hóa cộng đồng.

- Bảo đảm an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống: Thực hiện đầy đủ chính sách đối với người có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo, người cao tuổi, trẻ em và các nhóm yếu thế; tiếp tục hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà xuống cấp, cải thiện điều kiện ở. Gắn đào tạo nghề và giải quyết việc làm với nhu cầu của các khu công nghiệp; ưu tiên lao động bị thu hồi đất chuyển đổi nghề nghiệp, phấn đấu tạo khoảng 7.000 việc làm theo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Từng bước nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững và thu hẹp chênh lệch giữa các khu dân cư.

- Xây dựng đời sống văn hóa đô thị: Duy trì và nâng cao chất lượng phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", xây dựng nếp sống văn minh đô thị, thực hiện tốt quy định về trật tự xây dựng, vệ sinh môi trường, cảnh quan và không gian công cộng. Gắn bảo tồn di tích, lễ hội và các giá trị văn hóa truyền thống với giáo dục cộng đồng và phát triển dịch vụ, góp phần tạo bản sắc riêng cho đô thị Nguyễn Trãi.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: Mở rộng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng dữ liệu số trong quản lý giáo dục, y tế, an sinh xã hội và thiết chế văn hóa. Tiếp tục phát huy kết quả hiện có với 99,7% hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện trực tuyến và 99,97% hồ sơ giải quyết đúng hoặc trước hạn; tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, thanh toán không dùng tiền mặt và tiếp cận thông tin chính thống.

5.3. Giải pháp về quy hoạch xây dựng, quản lý và phát triển đô thị

Trong thời gian tới, xã Nguyễn Trãi tập trung hoàn thiện công tác quy hoạch, quản lý và phát triển đô thị theo hướng đồng bộ, hiện đại, xanh, thông minh và có bản sắc, lấy quy hoạch làm công cụ định hướng phát triển, kiểm soát sử dụng đất và đầu tư hạ tầng. Trên cơ sở quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung đô thị khu vực Ân Thi được tổ chức lập, UBND xã Nguyễn Trãi sẽ triển khai lập Quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, thiết kế đô thị lập kế hoạch phát triển đô thị, quy chế quản lý kiến trúc đô thị nhằm tổ chức và quản lý không gian phù hợp với quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp và hình thành các khu dân cư mới.

- Hoàn thiện hệ thống quy hoạch: Rà soát, cập nhật và tổ chức thực hiện thống nhất quy hoạch chung xã, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch phân khu, chi tiết có liên quan; bảo đảm đồng bộ với quy hoạch tỉnh và định hướng phát triển vùng. Ưu tiên lập quy hoạch chi tiết tại các khu vực có tốc độ đô thị hóa cao, khu dân cư mới, khu công nghiệp và các trục giao thông chính. Quản lý chặt chẽ chỉ giới đường đỏ, hành lang bảo vệ công trình hạ tầng, đất nông nghiệp, mặt nước và không gian xanh; không để phát sinh xây dựng tự phát, phá vỡ cấu trúc đô thị.

- Tổ chức không gian đô thị theo mô hình đa trung tâm: Hình thành khu vực trung tâm hành chính - dịch vụ làm hạt nhân; phát triển các trung tâm thương mại - dịch vụ, giáo dục, y tế, văn hóa - thể thao gắn với các khu dân cư; tổ chức các khu công nghiệp và khu sản xuất theo hướng tập trung, hạn chế ảnh hưởng đến khu ở. Đối với dự án khu dân cư mới và nhà ở xã hội khoảng 50 ha, trong đó khoảng 40 ha thuộc địa bàn xã, cần bảo đảm đồng bộ nhà ở với trường học, cây xanh, công trình công cộng, giao thông, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật.

- Phát triển và chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật: Ưu tiên nâng cấp mạng lưới giao thông hiện có khoảng 44,38 km, trong đó 17,37 km đường tỉnh và 24,51 km đường đô thị, khu dân cư, đường khu vực; từng bước hoàn thiện mặt cắt đường, vỉa hè, cây xanh, chiếu sáng, thoát nước và bãi đỗ xe. Tập trung đầu tư hệ thống cấp nước, thoát nước mưa, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn, điện và viễn thông đồng bộ với các khu đô thị, khu công nghiệp mới.

- Quản lý chặt chẽ trật tự xây dựng và đất đai: Tăng cường kiểm tra, giám sát từ khâu quy hoạch, cấp phép đến thi công và đưa công trình vào sử dụng; xử lý kịp thời các trường hợp xây dựng không phép, sai phép, lấn chiếm đất công, hành lang giao thông, thủy lợi và các khu vực bảo vệ di tích. Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và các dự án đầu tư để người dân dễ tiếp cận; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và quy hoạch phục vụ quản lý.

- Phát triển đô thị xanh, sinh thái và thích ứng biến đổi khí hậu: Bảo vệ hệ thống ao, hồ, kênh mương và không gian nông nghiệp có giá trị sinh thái; tăng diện tích cây xanh, công viên, vườn hoa và sân chơi cộng đồng. Từng bước cải tạo các tuyến tiêu thoát nước, hồ điều hòa và điểm ngập úng; kết hợp giải pháp hạ tầng xanh với hạ tầng kỹ thuật truyền thống để nâng cao khả năng chống ngập và cải thiện môi trường đô thị.

- Bảo tồn bản sắc và nâng cao chất lượng cảnh quan: Gắn phát triển đô thị với bảo tồn 13 di tích lịch sử, văn hóa, hệ thống 32 nhà văn hóa và các không gian sinh hoạt cộng đồng. Kiểm soát kiến trúc trên các tuyến phố chính, khu vực trung tâm và xung quanh di tích; hình thành các tuyến phố văn minh, cảnh quan đồng bộ, hạn chế biển quảng cáo và công trình xây dựng gây mất mỹ quan.

- Tăng cường quản trị đô thị và huy động nguồn lực: Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý quy hoạch, đất đai, xây dựng, giao thông và môi trường; từng bước xây dựng cơ sở dữ liệu đô thị và hệ thống giám sát hạ tầng. Huy động ngân sách nhà nước kết hợp nguồn lực xã hội hóa, nguồn thu từ đất và nguồn vốn doanh nghiệp để đầu tư các công trình hạ tầng khung. Ưu tiên đầu tư theo thứ tự: giao thông - cấp thoát nước - xử lý môi trường - công trình công cộng - cây xanh, không gian mở.

5.4. Giải pháp về huy động các nguồn lực và thu hút đầu tư

Trong công tác huy động tối đa các nguồn lực xã hội, tạo môi trường đầu tư thuận lợi và sử dụng hiệu quả nguồn vốn là một trong những giải pháp then chốt để hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng, thúc đẩy đô thị hóa và nâng cao chất lượng đô thị. Với tiềm năng dư địa phát triển lớn về công nghiệp, thương mại - dịch vụ, nhà ở và hạ tầng đô thị, xã Nguyễn Trãi cần được khai thác theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, cụ thể như sau:

- Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư. Chủ động huy động và lồng ghép các nguồn vốn từ ngân sách tỉnh, ngân sách xã, vốn đầu tư công, vốn doanh nghiệp, nguồn xã hội hóa, nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và các nguồn vốn hợp pháp khác. Ưu tiên vốn ngân sách cho các công trình hạ tầng khung mà khu vực tư nhân khó đầu tư như giao thông kết nối, thoát nước, xử lý môi trường, công trình công cộng; đồng thời sử dụng nguồn thu từ đất theo đúng quy định để tái đầu tư hạ tầng, tạo giá trị gia tăng cho quỹ đất.

- Tập trung thu hút đầu tư vào các lĩnh vực có lợi thế. Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp hỗ trợ, chế biến nông sản, thương mại - dịch vụ, logistics, kho bãi, nhà ở và dịch vụ phục vụ công nhân. Tận dụng động lực từ KCN Kim Động - Ân Thi quy mô 399,68 ha, trong đó trên 75 ha thuộc địa bàn Nguyễn Trãi, và KCN Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám quy mô 198,39 ha, trong đó khoảng 92,5 ha thuộc xã, để hình thành hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ sản xuất và thu hút các doanh nghiệp thứ cấp.

- Khai thác hiệu quả quỹ đất phát triển đô thị. Tập trung hoàn thiện thủ tục và tạo điều kiện triển khai các dự án khu dân cư, nhà ở xã hội và thương mại - dịch vụ. Đối với Khu dân cư mới và nhà ở xã hội Ân Thi quy mô khoảng 50 ha, trong đó khoảng 40 ha thuộc địa bàn Nguyễn Trãi, cần ưu tiên mô hình đầu tư đồng bộ nhà ở với trường học, công trình công cộng, cây xanh, giao thông, bãi đỗ xe và hạ tầng kỹ thuật. Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy hoạch, công khai, minh bạch, bảo đảm khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai.

- Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư hạ tầng và dịch vụ đô thị. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư theo hình thức phù hợp đối với các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, thương mại, chợ, bãi đỗ xe, xử lý chất thải, cấp nước và dịch vụ đô thị. Ưu tiên các dự án có khả năng tạo việc làm, tăng thu ngân sách và nâng cao chất lượng phục vụ người dân. Đối với các dự án hạ tầng quy mô lớn, nghiên cứu áp dụng các hình thức hợp tác công - tư theo quy định.

- Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ, công khai quy hoạch, quỹ đất và danh mục dự án kêu gọi đầu tư. Phát huy kết quả chuyển đổi số hiện nay, với 99,7% hồ

sơ thủ tục hành chính được thực hiện trực tuyến và 99,97% hồ sơ giải quyết đúng hoặc trước hạn, tiến tới xây dựng môi trường đầu tư minh bạch, thuận lợi, giảm chi phí gia nhập và hoạt động của doanh nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực. Xây dựng danh mục các dự án ưu tiên theo từng giai đoạn, xác định rõ nhu cầu vốn, nguồn vốn và tiến độ thực hiện; tránh đầu tư dàn trải, ưu tiên các dự án có tính kết nối và tạo động lực lan tỏa. Tập trung trước hết vào giao thông, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, hạ tầng khu dân cư - công nghiệp, công trình giáo dục, y tế và không gian công cộng. Tăng cường giám sát chất lượng, tiến độ và hiệu quả đầu tư; kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai, sử dụng đất kém hiệu quả.

- Phát huy nguồn lực cộng đồng và doanh nghiệp địa phương. Khuyến khích người dân, doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế tham gia đầu tư, chỉnh trang cảnh quan, phát triển thương mại - dịch vụ và các công trình phục vụ cộng đồng. Hỗ trợ các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, tiếp cận tín dụng, ứng dụng công nghệ và mở rộng thị trường; phát triển hợp tác xã, liên kết sản xuất và chuỗi giá trị nông nghiệp.

Thông qua các giải pháp trên, xã Nguyễn Trãi phấn đấu đa dạng hóa nguồn lực đầu tư, ưu tiên các dự án có tính lan tỏa, khai thác hiệu quả quỹ đất và lợi thế từ khoảng 167,5 ha đất công nghiệp thuộc hai khu công nghiệp lớn cùng khoảng 40 ha thuộc dự án khu dân cư - nhà ở xã hội. Qua đó tạo nguồn lực hoàn thiện hạ tầng đô thị, thu hút doanh nghiệp, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và từng bước xây dựng Nguyễn Trãi trở thành đô thị trung tâm khu vực có kết cấu hạ tầng đồng bộ, môi trường đầu tư hấp dẫn và năng lực phát triển bền vững.

PHẦN III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. Kết Luận

Qua nghiên cứu, đánh giá tổng hợp các điều kiện về vị trí, vai trò, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội, hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật, công tác quy hoạch, quản lý xây dựng và phát triển đô thị trên địa bàn xã, có thể nhận thấy Nguyễn Trãi có đầy đủ cơ sở và tiềm năng để phát triển theo hướng đô thị trung tâm khu vực đô thị Ân thi, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Hưng Yên.

Với lợi thế nổi bật về công nghiệp, đô thị và thương mại - dịch vụ. Trên địa bàn có khoảng 167,5 ha diện tích thuộc hai khu công nghiệp Kim Động - Ân Thi và Văn Nhuệ - Hoàng Hoa Thám, với tổng số lao động dự kiến trên 32.800 người; đồng thời khoảng 40 ha thuộc dự án Khu dân cư mới và nhà ở xã hội Ân Thi. Đây là những động lực quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, phát triển nhà ở, thương mại - dịch vụ, logistics và gia tăng nhu cầu đầu tư hạ tầng đô thị. Trong những năm qua, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội của xã từng

bước được đầu tư, nâng cấp; mạng lưới công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, thương mại - dịch vụ cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân. Hệ thống giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác tiếp tục được hoàn thiện. Công tác quy hoạch, quản lý đất đai, quản lý xây dựng và chỉnh trang khu dân cư ngày càng được quan tâm, tạo tiền đề cho việc hình thành không gian đô thị đồng bộ, hiện đại.

Trên cơ sở đánh giá tổng hợp, với lợi thế về vị trí, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, động lực công nghiệp, khả năng thu hút đầu tư, hệ thống hạ tầng ngày càng hoàn thiện và định hướng phát triển đô thị rõ ràng, xã Nguyễn Trãi có cơ sở và tiềm năng để tổ chức phát triển theo mô hình đô thị, hướng tới đáp ứng các yêu cầu, tiêu chí của đô thị loại III theo quy định hiện hành. Qua đánh giá hiện trạng phát triển đô thị năm 2025, đã hội đủ các tiêu chí, tiêu chuẩn của đô thị loại III.

Việc công nhận xã Nguyễn Trãi là đô thị loại III, khi bảo đảm đầy đủ các điều kiện và tiêu chí theo quy định của pháp luật, sẽ tạo cơ sở quan trọng để nâng cao vị thế, phát huy tiềm năng, thu hút nguồn lực đầu tư, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nâng cao chất lượng sống của nhân dân.

3.1. Kiến Nghị

Để bảo đảm các điều kiện cần thiết cho việc công nhận xã Nguyễn Trãi là đô thị loại III và tổ chức phát triển đô thị theo hướng bền vững, kính đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, hỗ trợ địa phương thực hiện một số nội dung sau:

- Ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội có tính chất động lực, nhất là giao thông đối ngoại, các tuyến đường kết nối khu công nghiệp, hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, điện, chiếu sáng, viễn thông, trường học, y tế, văn hóa - thể thao, cây xanh và không gian công cộng.

- Tiếp tục hỗ trợ xã trong công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý đất đai, trật tự xây dựng và kiến trúc cảnh quan; tăng cường kiểm soát phát triển xây dựng tự phát, bảo vệ quỹ đất nông nghiệp có giá trị, hành lang giao thông, thủy lợi, mặt nước, cây xanh và các khu vực có giá trị cảnh quan, văn hóa.

- Sau khi được công nhận là đô thị loại III, cần tiếp tục xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển đô thị theo từng giai đoạn, xác định rõ các dự án ưu tiên, nguồn vốn, tiến độ và trách nhiệm thực hiện; thường xuyên rà soát mức độ đáp ứng các tiêu chí để duy trì và nâng cao chất lượng đô thị, hướng tới xây dựng Nguyễn Trãi trở thành đô thị xanh, hiện đại, có bản sắc, phát triển bền vững và có chất lượng sống cao.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được, tiềm năng phát triển và định hướng trong thời gian tới, việc xem xét công nhận xã Nguyễn Trãi là đô thị loại III là cần thiết, phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và định

hướng tổ chức không gian phát triển của tỉnh Hưng Yên. Đây sẽ là động lực quan trọng để địa phương tiếp tục hoàn thiện hệ thống hạ tầng, nâng cao hiệu quả quản lý đô thị, thu hút đầu tư, phát triển kinh tế và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân.

Uỷ ban nhân dân xã Nguyễn Trãi kính trình đề án công nhận xã Nguyễn Trãi, tỉnh Hưng Yên là đô thị loại III và trân trọng đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm xem xét, công nhận để địa phương có điều kiện phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế xây dựng đô thị, văn minh, hiện đại nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, góp phần thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hưng Yên trong thời kỳ mới./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Hưng Yên;
- Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên;
- Sở Xây dựng tỉnh Hưng Yên
- Thường trực Đảng uỷ xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các cơ quan đơn vị;
- Lưu VT.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.HƯNG YÊN

Nguyễn Tất Thắng

TRÃI T.HƯNG YÊN





PHỤ LỤC I: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG XÃ NGUYỄN TRÃI THEO TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

TT	Mã tiêu chuẩn	Các yếu tố đánh giá	Đơn vị	Thang điểm		Chỉ tiêu của ĐT loại III		Năm 2025	Điểm
				Tối thiểu	Tối đa	Cận dưới	Cận trên		
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**		**11,50**	**15,00**				**13,00**
1	2A.I.01	Vai trò, vị trí theo quy hoạch được phê duyệt là trung tâm tổng hợp hoặc trung tâm chuyên ngành về các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông		5,50	7,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	7,00
2	2A.I.02	Vai trò, vị trí đô thị trung tâm: Có công trình trụ sở hành chính, công trình hạ tầng đô thị đã đầu tư, xây dựng, là một trong các trung tâm, đầu mối kết nối		6,00	8,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	6,00
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**		**15,50**	**20,00**				**18,59**
1	2A.II.03	Quy mô dân số đô thị	1000 người	5,50	7,00	20	200	30,65	5,59
2	2A.II.04	Mật độ dân số bình quân trên diện tích tự nhiên	người/km2	4,50	6,00	500	1000	998,82	6,00
3	2A.II.05	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	5,50	7,00	55	65	75,3	7,00
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**		**48,00**	**65,00**				**50,09**
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**		**18,25**	**25,00**				**22,17**
3.1.1		***Giao thông***		***7,00***	***9,00***				***9,00***

1	2A.III.06	Đầu mối giao thông		3,00	4,00	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp tỉnh	*4,00*
2	2A.III.07	Mật độ đường giao thông đô thị	km/km 2	4,00	5,00	4	6	15,42	5,00
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***		***4,75***	***7,00***				***5,19***
1	2A.III.08	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	2,00	3,00	85	95	86,94	2,19
2	2A.III.09	Mật độ đường cống thoát nước chính	km/km 2	2,00	3,00	3	3,5	5,61	3,00
3	2A.III.010	Tỷ lệ công suất vận hành trạm xử lý nước thải so với tổng công suất thiết kế theo quy hoạch	%	0,75	1,00	50	70	0,00	0,00
3.1.3		***Xử lý chất thải rắn***		***2,00***	***3,00***				***3,00***
1	2A.III.11	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường	%	2,00	3,00	70	80	85,28	3,00
3.1.4		***Nghĩa trang đô thị***		***4,50***	***6,00***				***4,98***
1	2A.III.12	Tỷ lệ diện tích nghĩa trang nhân dân được xây dựng theo quy hoạch	%	2,00	3,00	50	70	59,52	2,48
2	2A.III.13	Nhà tang lễ	Cơ sở	2,50	3,00	có dự án	1 nhà tang lễ	có dự án	2,50
III.2		***Về hạ tầng xã hội***		***18,25***	***25,00***				***18,41***
1	2A.III.14	Số giường bệnh	giường/ 10.000 dân	3,75	5,00	30	35	32,63	4,41
2	2A.III.15	Cơ sở giáo dục, đào tạo	cơ sở	3,75	5,00	1	10	0	0,00
3	2A.III.16	Công trình văn hóa	%	3,75	5,00	2	10	13	5,00
4	2A.III.17	Công trình thể dục, thể thao	Công trình	3,00	4,00	2	5	4	3,67
5	2A.III.18	Công trình thương mại, dịch vụ	Công trình	2,00	3,00	2	5	3	2,33
6	2A.III.19	Đất công trình dịch vụ - công cộng bình quân đầu người	m2/người	2,00	3,00	1,5	2	2,29	3,00

III.3		***Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị***		***11,50***	***15,00***				***9,51***
1	2A.III.20	Số lượng không gian xanh sử dụng công cộng có quy mô 02ha trở lên	khu	3,0	4,0	1	2	2	4,00
2	2A.III.21	Tỷ lệ diện tích không gian xanh trên diện tích tự nhiên	%	2,0	3,0	25,00	35,00	73,61	3,00
3	2A.III.22	Đất cây xanh sử dụng công cộng trong khu vực dân dụng đô thị	m2/người	2,50	3,00	6,00	7,00	6,02	2,51
4	2A.III.23	Quy chế quản lý kiến trúc đô thị	Quy chế	4,00	5,00	Đã thực hiện quy chế từ 01 đến 03 năm	Đã thực hiện quy chế 03 năm trở lên	Chưa có quy chế	0,00
		Tổng điểm xét hạng phân loại đô thị		**75,00**	**100,00**				**81,68**

PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN XÃ NGUYỄN TRÃI THEO TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA ĐÔ THỊ LOẠI III

(Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị)

Thứ tự	Mã tiêu chuẩn	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị tính	Đạt trình độ loại III		Hiện trạng năm 2025	
				Mức quy định	Điểm	Tiêu chuẩn đạt	Điểm
I		**TIÊU CHÍ VAI TRÒ, VỊ TRÍ VÀ ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**			**11,5-15**		**13,84**
1	2B.I.01	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,4	5	1,13	3,98
				1	3,5		
2	2B.I.02	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	Lần	1,2	6	1,12	5,36
				1	4,5		
3	2B.I.03	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều)	%	< 4	4	0,21	4
				5	3,5		
		Điểm cộng					
-		Có mức tăng thu 1% trở lên từ ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn thu từ đất, trừ trường hợp phát triển theo mô hình TOD)					
-		Có công trình cấp quốc gia, cấp tỉnh trên địa bàn				Có di tích lịch sử cấp quốc gia	0,5
-		Tỷ lệ lao động trình độ cao đạt từ 50% trở lên					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của tiêu chí, vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội*					
II		**TIÊU CHÍ MỨC ĐỘ ĐÔ THỊ HÓA**			**15,5-20**		**15,86**

1	2B.II.04	Mật độ dân số tính trên diện tích đất xây dựng đô thị	người/km ^{2}	6.000	10	4.032	8,03
				4.000	8		
2	2B.II.05	Tỷ lệ diện tích đất xây dựng đô thị hiện trạng so với diện tích đất xây dựng đô thị theo quy hoạch đô thị	%	75	6	55,50	4,83
				50	4,5		
3	2B.II.06	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	%	vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	4	Đạt mục tiêu đề ra	3
				Đạt mục tiêu đề ra	3		
III		**TIÊU CHÍ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN ĐÔ THỊ**			**48-65**		**49,83**
III.1		**Về hạ tầng kỹ thuật**			**18,5-25**		**19,39**
3.1.1		***Giao thông***			***6,5-9***		***5,68***
1	2B.III.07	Tỷ lệ diện tích đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị	%	17	3	15,43	2,68
				12	2		
2	2B.III.08	Diện tích đất giao thông đô thị bình quân đầu người	m^2/người	9	3	38,26	3
				7	2		
3	2B.III.09	Tỷ lệ ngầm hóa đường dây, đường cáp trên tuyến phố chính	%	50	3	0	0
				40	2,5		
		Điểm cộng					
-		Có hệ thống giao thông ngầm					
-		Có kế hoạch và triển khai chuyển đổi phương tiện giao thông công cộng sử dụng nhiên liệu giảm phát thải khí nhà kính					
-		Có tuyến đường dành riêng cho xe đạp					
		100% tuyến đường chính có giao thông công cộng					

		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về giao thông*					
3.1.2		***Cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải***			***4,5-6***		***3,68***
1	2B.III.10	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người	lít/người/ngày đêm	100	2	87,50	1,68
				80	1,5		
2	2B.III.11	Thoát nước chống ngập úng đô thị	%	50	2	100	2
				25	1,5		
3	2B.III.12	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	%	35	2	0	0
				20	1,5		
		Điểm cộng					
-		Có giải pháp giảm tác động ngập lụt: xây dựng hồ điều hòa, thành phố bọt biển,...					
-		Có các khu vực công cộng sử dụng nước uống tại vòi					
-		Có trạm xử lý nước thải trên địa bàn					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm các tiêu chuẩn về cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải*					
3.1.3		***Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị***			***3-4***		***3,55***
1	2B.III.13	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	90	2	85,28	1,76
				80	1,5		
2	2B.III.14	Tỷ lệ cá nhân, hộ gia đình đã triển khai phân loại chất thải rắn tại nguồn	%	75	1	54,91	0,79
				50	0,75		
3	2B.III.15	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	%	15	1	92,59	1

				5	0,75		
		Điểm cộng					
-		Có kế hoạch hình thành vùng phát thải thấp					
-		Tỷ lệ số ngày trong năm có chất lượng không khí đạt mức tiêu chuẩn ≥95 %					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Thu gom, xử lý chất thải rắn và môi trường đô thị*					
3.1.4		***Cấp điện và chiếu sáng công cộng***			***3-4***		***3,75***
1	2B.III.16	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.000 400	2 1,5	1283,47	2
2	2B.III.17	Tỷ lệ đường cấp khu vực, cấp nội bộ được chiếu sáng	%	95 80	1 0,75	100,00	1
3	2B.III.18	Tỷ lệ tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh	%	50 15	1 0,75	15,38	0,75
3.1.5		***Hạ tầng viễn thông***			***1,5-2***		***2,73***
1	2B.III.19	Tỷ lệ hộ gia đình có cáp quang truy cập internet qua mạng băng rộng cố định	%	100 80	2 1,5	89,21	1,73
		Điểm cộng					
-		Cung cấp điểm truy cập WiFi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)				Có điểm truy cập WIFI miễn phí tại các trụ sở cơ quan, trường	0,5

						học, hội trường thôn	
-		Tỷ lệ dân số được phủ sóng 5G đạt 80% trở lên				có	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Hạ tầng viễn thông*					
III.2		**Về hạ tầng xã hội**			**18,5-25**		**18,94**
3.2.1		***Nhà ở***			***4,5-6***		***4***
1	2B.III.20	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m ^{2} sàn/người	32	4	33,39	4
				28	3		
2	2B.III.21	Nhà ở xã hội	Dự án	≥ 1	2	0	0
				Đang xây dựng	1,5		
		Điểm cộng					
-		Đang triển khai chương trình cải tạo, chỉnh trang, tái thiết đồng bộ khu dân cư (tối thiểu là 4.000 người)					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Nhà ở*					
3.2.2		***Công trình công cộng***			***14-19***		***14,94***
1	2B.III.22	Đất dân dụng bình quân đầu người	m²/người	110	3	176,74	0
				50	2		
2	2B.III.23	Đất xây dựng công trình dịch vụ - công cộng cấp đơn vị ở bình quân đầu người	m²/người	4	4	3,44	3,44
				3	3		

3	2B.III.24	Số trường công lập đạt chuẩn		80% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên, trong đó ít nhất có 20% đạt mức độ 2	3	100% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	3
				60% số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	2,5		
4	2B.III.25	Trường tiểu học công lập trên quy mô dân số	trường	Đáp ứng 01 trường/8.000 người	3	Đáp ứng 01 trường/6.000 người	2,5
				Đáp ứng 01 trường/6.000 người	2,5		
5	2B.III.26	Đất công trình giáo dục cấp đơn vị ở (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở) bình quân tính trên quy mô dân số	m^2/người	2	3	2,41	3
				1,8	2		

6	2B.III.27	Đất công trình văn hóa, thể dục, thể thao (sân chơi, sân luyện tập và các công trình văn hóa thể thao) cấp đơn vị ở bình quân tính trên quy mô dân số	m²/người	1,5 1	3 2	2,33	3
		Điểm cộng					
-		100% trường Trung học phổ thông công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên					
-		Có cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về Công trình công cộng*					
III.3		**Về không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị**			**11-15**		**11,5**
3.3.1		***Không gian đô thị***			***3-4***		***3,75***
1	2B.III.28	Đất cây xanh sử dụng công cộng bình quân đầu người	m²/người	3 2	2 1,5	6,57	2
2	2B.III.29	Số lượng không gian xanh công cộng có quy mô từ 2.000 m^2 trở lên	Số khu	5 1	2 1,5	3,0	1,75
		Điểm cộng					
-		Không gian xanh công cộng được xây dựng trên cao					
-		Nhà vệ sinh công cộng đạt tiêu chuẩn tại các khu vực, không gian công cộng					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về không gian đô thị*					
3.3.2		***Kiến trúc, cảnh quan đô thị***			***3-4***		***1***

1	2B.III.30	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị	%	40	2	0	0
				20	1,5		
2	2B.III.31	Số lượng công trình kiến trúc có giá trị, công trình di sản được bảo vệ, gìn giữ	Công trình	3	1	13	1
				1	0,75		
3	2B.III.32	Công trình xanh	Công trình	2	1	0	0
				1	0,75		
		Điểm cộng					
-		Phường được công nhận là phường đạt chuẩn văn minh đô thị					
-		Có tuyến phố chính được lập và quản lý theo thiết kế đô thị					
-		Có công trình kiến trúc, dự án khu nhà ở, khu đô thị đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế					
-		Có di tích cấp quốc gia đặc biệt, di sản văn hóa vật thể, các khu vực có giá trị văn hóa lịch sử, sản xuất nông nghiệp, làng nghề truyền thống có phương án bảo vệ					
-		Có dự án tái sử dụng công trình có giá trị, kiến trúc công nghiệp					
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về kiến trúc, cảnh quan đô thị*					
3.3.3		***Quản trị đô thị***			***5-7***		***6,75***
1	2B.III.33	Kế hoạch phát triển đô thị		Đã thực hiện ≥ 03 năm	1	Không có	0
				Có kế hoạch	0,5		
2	2B.III.34		%	60	2	65,30	2

		Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình		35	1,5		
3	2B.III.35	Tỷ lệ tuyến phố chính được cải tạo, chỉnh trang so với kế hoạch	%	100	1	100	1
				75	0,75		
4	2B.III.36	Quản lý phát triển đô thị thông minh		Đã triển khai ≥ 01 dịch vụ tiện ích đô thị thông minh	1	Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75
				Có đề án hoặc kế hoạch phát triển đô thị thông minh	0,75		
5	2B.III.37	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị	%	95	2	100	2
				90	1,5		
		Điểm cộng					
		Số vụ tai nạn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng trung bình ≤ 01 vụ trên năm trong 03 năm gần nhất				không có	0,5
		Số vụ cháy nổ nghiêm trọng xảy ra trung bình ≤ 01 vụ/năm trong 03 năm gần nhất				không có	0,5
		** Trường hợp đạt tiêu chuẩn điểm cộng thì mỗi tiêu chuẩn điểm cộng được cộng 0,5 điểm nhưng phải bảo đảm tổng số điểm không vượt quá điểm tối đa của nhóm tiêu chuẩn về quản trị đô thị*					
Tổng					**75-100**		**79,53**

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 1: QUY MÔ DÂN SỐ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI NĂM 2025

TT	Loại đất	Số lượng	Tổng dân số (người)
1	Dân số thường trú	Người	30.433
2	Dân số tạm trú quy đổi	Người	213
3	Tổng dân số	Người	30.646

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 2: CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Ghi chú
	Diện tích đất tự nhiên	**3068,22**	
A	**Đất xây dựng đô thị**	***760,05***	
I	***Đất dân dụng***	**541,63**	
1	Đất ở	274,08	
2	Đất công trình công cộng	80,36	
3	Đất cây xanh công cộng	20,2	
4	Đất giao thông đối nội	166,99	
II	***Đất ngoài dân dụng***	**218,42**	
1	Công nghiệp, TTCN, kho tàng, cơ sở SXKD	102,53	
2	Giao thông đối ngoại	58,77	
3	Đất cơ quan, trụ sở	3,10	
4	Công trình đầu mối (Viễn thông, điện, nước…)	0,17	
5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	40,66	
6	Đất tôn giáo, tín ngưỡng	9,7	
7	An ninh quốc phòng	3,49	
B	**Đất khác**	**2308,17**	
1	Đất nông nghiệp	2230,89	
2	Đất đồi chưa sử dụng	0,00	
3	Đất bằng chưa sử dụng	1,54	
4	Đất sông suối, kênh rạch, mặt nước	74,73	
5	Đất khác	1,01	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 3: CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2025	Ghi chú
I	**Tăng trưởng các ngành kinh tế**			
	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ theo mục tiêu đề ra	%	4,50	
	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ đạt được	%	4,50	
II	**Thu nhập bình quân đầu người trên năm**			
	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn xã Triệu Việt Vương	Tr. Đồng/năm	87,00	
	Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	Tr. Đồng/năm	78,00	
	Thu nhập bình quân đầu người trên năm so với thu nhập bình quân của tỉnh, thành phố	lần	1,12	
II	**Lao động**			
	Tổng số lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế	Người	16.014	
	Tổng số lao động làm việc trong các ngành công nghiệp xây dựng và dịch vụ thương mại	Người	12.061	
	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp	%	75,3	
III	**Tỷ lệ tăng dân số hàng năm**	%	1,13	
IV	**Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều**			
	Tổng số hộ trên địa bàn xã	hộ	9.616	
	Tổng số hộ nghèo (trừ số hộ nghèo không có khả năng lao động)	hộ	20	
	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều trên địa bàn	%	0,21	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 4: THỐNG KÊ CÁC TUYẾN ĐƯỜNG GIAO THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đường	Điểm đầu	Điểm cuối	Bề rộng phần xe chạy (m)	Lộ giới đường (m)	Chiều dài (km)	Diện tích đất giao thông (m2)	Chiều dài đường ống thoát nước chính (nước mưa, nước thải)	Chiều dài đường dây, đường cáp được ngầm hóa (km)	Chiều dài các tuyến đường được chiếu sáng (km)	Tuyến đường có ứng dụng chiếu sáng sử dụng năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng, chiếu sáng thông minh
	Tổng cộng					**117,18**	**1.172.451**	**42,68**	**0**	**42,68**	
I	**Cao tốc, Quốc lộ**					**2,50**	**141.900**	**0**	**0**	**0**	
1	Đường nối 2 cao tốc Hà Nội-Hải Phòng với Cầu Giẽ-Ninh Bình			40,00	54,00	2,500	135.000	0	0	0	
2	QL.38 cũ			11,00	23,00	0,300	6.900	0	0	0	
II	**Đường tỉnh**				**184,00**	**18,17**	**574.410**	**18,17**	**0,00**	**18,17**	
1	TL.376			11,00	38,0	3,82	145.160	3,82	0	3,82	
2	TL.386			11,00	23,0	7,55	173.650	7,55	0	7,55	
3	TL386 (Đoạn hướng thôn Bắc Cà - Trắc Điền)			7,50	23,0	2,30	52.900	2,30	0	2,30	
4	TL.386 (Đoạn hướng cầu từ Ô)			11,00	23,0	0,50	11.500	0,50	0	0,50	
5	TL.386 (Đoạn hướng ngã ba Đa Lộc)			9,50	23,0	0,80	18.400	0,80	0	0,80	
6	TL Đường trục ngang (đoạn từ cổng làng Mão Xuyên đến cầu vượt)				54,0	3,20	172.800	3,20	0	3,20	
III	**Đường đô thị (các tuyến phố, tuyến đường khu dân cư, đường khu vực...)**					**96,51**	**168.141**	**24,51**	**0,00**	**24,51**	
-1	ĐX60: Km0+000 – Km3+630 (ĐĐ; QL38A giao nhau xã Ân Thi – ĐC; Kim Động)	Km0+000	Km3+630	7,50	7,50	3,63	27.225	3,63	0	3,63	x
0	ĐX61: Km7+877 – Km13+277 (ĐĐ ; thôn Anh Nhuệ, giao nhau xã Ân Thi – ĐC; Cầu Từ Ô thôn Đa Lộc)	Km7+877	Km11+500	7,50	7,50	3,62	27.173	3,62	0	3,62	x
		Km11+500	Km13+277	5,50	5,50	1,78	9.774	1,78	0	1,78	
3	ĐX63: Km5+700 – Km8+000 (ĐĐ; thôn Bắc Cà, giao nhau xã Hồng Quang – ĐC; TL386 thôn Đa Lộc)	Km5+700	Km8+000	7,50	7,50	2,30	17.250	2,30	0	2,30	
4	ĐX65: Km0+000 – Km7+456 (ĐĐ; ĐX61 chợ Rồi thôn Anh Nhuệ – ĐC; ĐX60 thôn Nam Trì)	Km0+000	Km2+750	5,50	5,50	2,75	15.125	2,75	0	2,75	
		Km2+750	Km4+450	5,50	5,50	1,70	9.350	1,70	0	1,70	
		Km4+450	Km5+000	7,50	7,50	0,55	4.125	0,55	0	0,55	
		Km5+000	Km6+456	7,50	7,50	1,46	10.920	1,46	0	1,46	
		Km6+456	Km7+456	7,50	7,50	1,00	7.500	1,00	0	1,00	

5	ĐX66: Km0+000 – Km0+500 (ĐĐ; ĐX63 ngã Ba Bắc Cả, thôn Chắc Điền – ĐC; cầu Bắc Cả, giao nhau xã Hồng Quang)	Km0+000	Km1+000	7,50	7,50	1,00	7.500	1,00	0	1,00	
6	ĐX67 Km3+700 – Km6+820 (ĐĐ; thôn Nhân Vũ, giao nhau xã Ân Thi – ĐC; xóm Ba Mễ Xã, Giao nhau xã Hồng Quang)	Km3+700	Km6+820	7,50	7,50	3,12	23.400	3,12	0	3,12	
7	ĐX81: Km0+000 – Km1+600 (ĐĐ; TL386 Đình Trắc Điền – ĐC Phù Cừ)	Km0+000	Km1+600	5,50	5,50	1,60	8.800	1,60	0	1,60	
IV	**Đường trục thôn, xóm**			**3-5**		**72**	**288.000**				

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

T.HƯNG YÊN TRÃI NGUYỄN XÃ

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 5: DANH MỤC BẾN BÃI ĐỖ XE TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đường	Địa điểm	Diện tích (m2)	Ghi chú
	Tổng cộng			
I	**Bến xe, Nhà ga, Bến cảng**			
1	Không có			
II	**Bãi đỗ xe**			
1	Không có			

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.P HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 6: HIỆN TRẠNG CUNG CẤP NƯỚC SẠCH SINH HOẠT CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực cấp nước	Quy mô dân số (Người)	Dân số được sử dụng nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (Người)	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung (%)	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày đêm)	Ghi chú
1	Xã Nguyễn Trãi	30.646	26.643	86,94	87,50	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 7: HIỆN TRẠNG TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

I	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI HIỆN TRẠNG			
TT	Trạm xử lý nước thải	Công suất trạm thiết kế (m3/ngày đêm)	Công suất trạm thực tế (m3/ngày đêm)	Ghi chú
	Tổng cộng			
1	Không có			
II	TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI THEO QUY HOẠCH			
TT	Trạm xử lý nước thải	Tổng công suất thiết kế theo quy hoạch (m3/ngày đêm)	Ghi chú	Ghi chú
	Tổng cộng			
1	Không có			

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 8: HIỆN TRẠNG THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên đơn vị hành chính	Số hộ	Số hộ được cung cấp dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Số hộ sử dụng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đạt quy chuẩn kỹ thuật	Ghi chú
1	Xã Nguyễn Trãi	9.616	0	0	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI THÀNH PHỐ HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 9: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CHẤT THẢI RẮN THU GOM, XỬ LÝ TRÊN ĐỊA BÀN

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tổng lượng CTR sinh hoạt phát sinh (Tấn/năm)	Tổng lượng CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (Tấn/năm)	Tỷ lệ CTR sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	Tổng số hộ	Tổng số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn	Tỷ lệ số hộ gia đình đã triển khai phân loại CTR tại nguồn (%)	Ghi chú
1	5.438,50	4.637,70	85,28	9.616	5280	54,91	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.H TUYÊN QUANG

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU10: DANH MỤC NGHĨA TRANG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên nghĩa trang	Cấp nghĩa trang	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích xây dựng thực tế (ha)	Ghi chú
	Tổng		**38,03**	**22,63**	
	Nghĩa trang		**38,03**	**22,63**	
1	Thôn Nhân Vũ	Xã	1,42	1,22	
2	Thôn Nhân Lý (cũ)	Xã	0,63	0,63	
3	Thôn Mễ Xá	Xã	3,32	1,13	
4	Thôn Mão Xuyên	Xã	1,13	0,60	
5	Thôn Ấp Nhân Lý (cũ)	Xã	0,72	0,50	
6	Thôn Đông Bạn (cũ)	Xã	1,05	1,05	
7	Thôn Bình Xá (cũ)	Xã	0,32	0,32	
8	Thôn Yên Xá (cũ)	Xã	0,14	0,14	
9	Thôn Lã Xá (cũ)	Xã	0,22	0,22	
10	Thôn La Chàng (cũ)	Xã	0,71	0,50	
11	Thôn Cẩm La (cũ)	Xã	0,63	0,63	
12	Thôn Ninh Thôn (cũ)	Xã	0,68	0,68	
13	Thôn Nam Trì (cũ)	Xã	9,77	3,53	
14	Thôn Đặng Đình (cũ)	Xã	0,38	0,38	
15	Thôn Đặng Xuyên (cũ)	Xã	0,40	0,40	
16	Thôn Cô Lễ (cũ)	Xã	0,96	0,96	
17	Thôn Đới Khê (cũ)	Xã	0,55	0,55	
18	Thôn An Trạch (cũ)	Xã	0,53	0,53	
19	Thôn Thọ Hội (cũ)	Xã	0,34	0,34	
20	Thôn Hoàng Xuyên (cũ)	Xã	1,79	1,05	
21	Thôn Văn Nhuệ (cũ)	Xã	1,24	0,95	
22	Thôn Anh Nhuệ (cũ)	Xã	1,28	0,60	
23	Thôn Văn Trạch (cũ)	Xã	1,48	0,79	
24	Ấp Tân Dân (cũ)	Xã	0,05	0,05	
25	Thôn Đa Lộc (cũ)	Xã	1,78	1,02	
26	Thôn Cựu Thị (cũ)	Xã	1,23	0,90	
27	Thôn Trạo Thôn (cũ)	Xã	0,85	0,65	
28	Thôn Bắc Cả (cũ)	Xã	2,31	1,15	
29	Thôn Bình Nguyên (cũ)	Xã	0,37	0,37	
30	Thôn Trắc Điền (cũ)	Xã	1,76	0,80	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 11: TỶ LỆ SỬ DỤNG HÌNH THỨC HỎA TÁNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Số ca tử vong	Người/năm	135	
2	Số ca sử dụng hình thức hỏa táng	Người/năm	125	
3	Tỷ lệ hình thức sử dụng hỏa táng	%	92,59	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.P HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 12: MỨC TIÊU THỤ ĐIỆN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng công suất tiêu thụ điện 1 năm	kwh	38.995.800	
2	Tổng dân số	người	30.383	
3	Mức tiêu thụ điện sinh hoạt bình quân đầu người	kwh/người/năm	1.283	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.H.ƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 13: TỔNG HỢP SỐ LIỆU VIỄN THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	hộ	8578	
2	Tổng số hộ dân trên địa bàn	hộ	9.616	
3	Tỷ lệ số hộ gia đình có cáp quang truy cập Internet qua mạng băng rộng cố định	%	89,21	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.H.Ư.N.G YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 14: THỐNG KÊ NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Tổng số hộ dân	hộ	9.480	
2	Tổng số hộ dân cư có nhà ở kiên cố	hộ	9.920	
3	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố	%	78,5	
4	Tổng dân số	Người	30.383	
5	Tổng diện tích sàn	m2	1.014.486	
6	Diện tích nhà ở bình quân đầu người	m2/người	33,39	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T. HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU15: HỆ THỐNG GIÁO DỤC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên trường	Số lượng các trường	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Mức độ đạt chuẩn quốc gia	Số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên	Số trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở công lập đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	Ghi chú
I	**Trường THCS Nguyễn Trãi**	**5**	**34504**	**12066**		**5**		
1	Điểm trường chính Nguyễn Trãi	1	6280	1.640	1	1		
2	Phân hiệu Đặng Lễ	1	7.162	1.204	1	1		
3	Phân hiệu Cẩm Ninh	1	5384	1.995	1	1		
4	Phân hiệu Văn Nhuệ	1	6403	1.280	1	1		
5	Phân hiệu Đa Lộc	1	9275	5.947	1	1		
II	**Trường Tiểu học Nguyễn Trãi**	**5**	**23142**	**23142**		**2**	**3**	
1	Điểm trường chính Nguyễn Trãi	1	5778	5.778	2		1	
2	Phân hiệu Đa Lộc	1	5125	5.125	2		1	
3	Phân Hiệu Văn Nhuệ	1	7100	7.100	1	1		
4	Phân Hiệu Cẩm Ninh	1	5327,4	5327,4	1	1		
5	Phân Hiệu Đặng Lễ	1	5139	5.139	2		1	
III	**Trường Mầm non Nguyễn Trãi**	**5**	**16144**	**4920**		**2**	**3**	
1	Điểm trường chính MN Nguyễn Trãi	1	5.797,7	5.797,7	1	1		
2	Phân hiệu MN Đặng Lễ	1	4052	2.200	2		1	
3	Phân hiệu MN Cẩm Ninh	1	3412	680	2		1	
4	Phân hiệu MN Văn Nhuệ	1	5000	1.050	1	1		
5	Phân hiệu MN Đa Lộc	1	3680	990	2		1	
	Tổng cộng		**73.790**	**40.128**				

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 16: TỔNG HỢP HỆ THỐNG Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI NĂM 2025

TT	Cơ sở Y tế	Quy mô		
		Số giường	Số lượng cán bộ CNVC	Diện tích (m2)
1	Trung tâm y tế Ân Thi (320 giường, tính phục vụ quy đổi cho xã Nguyễn Trãi)	80	120	4.263
2	Phòng khám đa khoa trên địa bàn	20	38	
	Tổng cộng	**100**	**38**	

CÁC CHỈ TIÊU TỔNG HỢP

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Hiện trạng
1	Tổng dân số	người	30.646
2	Tổng số giường bệnh của các cơ sở y tế (Trung tâm y tế chuyên sâu; bệnh viện đa khoa - chuyên khoa các cấp không tính trạm y tế)	giường	100
3	Bình quân số giường bệnh (giường/10000 dân)	(giường/10000 dân)	32,63

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 17: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH VĂN HÓA, THỂ DỤC, THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Ghi chú
I	**Công trình di tích lịch sử**	**39.786**	
1	Đình Văn Nhuệ	1.231	
2	Đình, chùa Hạ Đặng Đinh	3.391	
3	Đình Mễ Xá	866	
4	Địa điểm cây đa Ninh Thôn	3.128	
5	Đình Trạo Thôn	1.111	
6	Đình, chùa Mão Xuyên	2.898	
7	Đình, chùa Nhân Vũ	8.727	
8	Chùa Nhân Lý	1.601	
9	Đình Trắc Điền	3.600	
10	Đình Lã Xá	534	
11	Chùa Nam Trì	1.326	
12	Đền, Chùa Xá	7.373	
13	Đền Nhân Vũ	4.000	
II	**Nhà Văn hoá**	**7.770**	
1	Nhà văn hoá thôn Mão Xuyên	120	
2	Nhà văn hoá thôn Mễ Xá	160	
3	Nhà văn hoá thôn Nhân Lý	100	
4	Nhà văn hoá thôn ấp Nhân Lý	200	
5	Nhà văn hoá thôn Nhân Vũ	300	
6	Nhà văn hoá thôn Đông Bạn	250	
7	Nhà văn hoá thôn Cẩm La	200	
8	Nhà văn hoá thôn Bình Xá	350	
9	Nhà văn hoá thôn Lã Xá	100	
10	Nhà văn hoá thôn Ninh Thôn	400	
11	Nhà văn hoá thôn La Chàng	460	
12	Nhà văn hoá thôn Đặng Đinh	370	
13	Nhà văn hoá thôn Đặng Xuyên	260	
14	Nhà văn hoá thôn Nam Trì	100	
15	Nhà văn hoá thôn Đới Khê	220	
16	Nhà văn hoá thôn An Trạch	300	
17	Nhà văn hoá thôn Cổ Lễ	320	
18	Nhà văn hoá thôn Thọ Hội	410	
19	Nhà văn hoá thôn Trạo Thôn	100	
20	Nhà văn hoá thôn Bắc Cả	340	
21	Nhà văn hoá thôn Trắc Điền	100	
22	Nhà văn hoá thôn Bình Nguyên	60	
23	Nhà văn hoá thôn Cựu Thị	150	
24	Nhà văn hoá thôn Đa Lộc	150	
25	Nhà văn hoá thôn Hoàng Xuyên	90	
26	Nhà văn hoá thôn Văn Nhuệ	90	

27	Nhà văn hoá thôn Anh Nhuệ	120	
28	Nhà văn hoá thôn Văn Trạch	230	
29	Nhà văn hoá xã (xã Văn Nhuệ cũ)	280	
30	Nhà văn hoá xã (xã Đa Lộc cũ)	650	
31	Nhà văn hoá xã (xã Đặng Lễ cũ)	420	
32	Nhà văn hoá xã (xã Cẩm Ninh cũ)	370	
VI	**Công trình TDTT (sân vận động, sân bóng đá, sân chơi, sân tập luyện…)**	**23.900**	
1	Sân thể thao thôn Hoàng Xuyên	4.500	
2	Sân bóng đá thôn Lã Xá	6.500	
3	Sân bóng đá thôn Bình Xá	4.700	
4	Khu thể thao thôn Trắc Điền	8.200	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 18: HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI NĂM 2025

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên	Diện tích đất (m2)	Diện tích xây dựng (m2)	Ghi chú
1	Chợ Đìa	2.140	1.000	Dự kiến Quý IV/2026 xây dựng mới trên nền chợ cũ
2	Chợ Cầu Ngọc	2.384	2.384	
3	Chợ dân sinh Văn Nhuệ	3.000	3.000	Đã được đầu tư xây mới xong, đang chuẩn bị để đưa chợ vào sử dụng, khai thác

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.P HÀ NỘI

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 19: THỐNG KÊ DIỆN TÍCH CÂY XANH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Khu vực	Quy mô diện tích (m2)	Ghi chú
	Đất cây xanh toàn đô thị	**201.318**	
I	Cây xanh sử dụng công cộng *(công viên, vườn hoa)*	184.563	
II	Đất cây xanh sử dụng hạn chế (bao gồm đất cây xanh trồng trong khuôn viên các công trình; công viên chuyên đề do tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng)	7.467	
III	Đất cây xanh chuyên dụng là đất cây xanh trong vườn ươm, đất cây xanh phục vụ nghiên cứu, đất cây xanh cách ly (cây xanh cách ly Khu công nghiệp, cây xanh cách lý các cơ sở xử lý chất thải rắn, cây xanh cách ly các tuyến đường giao thông).	9.288	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI T.HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 20: DANH SÁCH TUYẾN PHỐ VĂN MINH TRÊN ĐỊA BÀN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tuyến phố	Số lượng	Chiều dài (m)	Ghi chú
1	Số lượng tuyến phố được đánh giá công nhận là tuyến phố văn minh đô thị	0		
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%)	0		

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 21: DANH MỤC CÔNG TRÌNH VĂN HOÁ, DI TÍCH LỊCH SỬ HIỆN CÓ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên di tích lịch sử, văn hóa	Địa điểm	Danh hiệu			Ghi chú
			Cấp quốc gia đặc biệt	Cấp tỉnh	Cấp quốc gia	
1	Đình Văn Nhuệ	Thôn Anh Nhuệ		x		
2	Đình, chùa Hạ Đặng Đình	Thôn Đặng Xuyên		x		
3	Đình Mễ Xá	Thôn Mễ Xá		x		
4	Địa điểm cây đa Ninh Thôn	Thôn Ninh Thôn		x		
5	Đình Trạo Thôn	Thôn Trạo Thôn		x		
6	Đình, chùa Mão Xuyên	Thôn Mão Xuyên		x		
7	Đình, chùa Nhân Vũ	Thôn Nhân Vũ		x		
8	Chùa Nhân Lý	Thôn Nhân Vũ		x		
9	Đình Trắc Điền	Thôn Đa Phúc		x		
10	Đình Lã Xá	Thôn Đông Xá		x		
11	Chùa Nam Trì	Thôn Nam Trì		x		
12	Đền, Chùa Xá	Thôn Ninh Thôn			x	
13	Đền Nhân Vũ	Thôn Nhân Vũ			x	
Tổng cộng						

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI TỈNH HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH

NGUYỄN TẤT THẮNG

UỶ BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN TRÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nguyễn Trãi, ngày 5 tháng 9 năm 2026

BIỂU 22: HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XỬ LÝ QUA DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN TOÀN TRÌNH TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN TRÃI

(Số liệu tính đến ngày 31/12/2025)

TT	Tên Đơn vị hành chính	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công	Tổng hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	Mức độ hài lòng về sử dụng dịch vụ hành chính công của người dân đô thị (%)	Ghi chú
	UBND xã Nguyễn Trãi	7244	4730	65,3%	100,0%	

TM. UBND XÃ NGUYỄN TRÃI

U.B.N.D XÃ NGUYỄN TRÃI TP HƯNG YÊN

CHỦ TỊCH
NGUYỄN TẤT THẮNG

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ VÀ MỐI LIÊN HỆ VÙNG



Sơ đồ quy hoạch hệ thống đô thị tỉnh Hưng Yên



Vị trí xã Nguyễn Trãi trong vùng tỉnh Hưng Yên

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ PHẠM VI RANH GIỚI XÃ NGUYỄN TRÃI



Bản đồ địa giới hành chính tỉnh Hưng Yên



Phạm vi ranh giới xã Nguyễn Trãi

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ HIỆN TRẠNG XÂY DỰNG ĐÔ THỊ VÀ VỊ TRÍ CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI



CHÚ THÍCH:

- ĐẤT Ở ĐÔ THỊ
- ĐẤT Ở NÔNG THÔN
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
- ĐẤT Y TẾ
- ĐẤT CÔNG NGHIỆP VÀ SXKD
- ĐẤT NÔNG NGHIỆP (TRỒNG LÚA)
- ĐẤT TRỒNG CÂY LÂU NĂM
- ĐẤT AN NINH QUỐC PHÒNG
- ĐẤT NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT CÁC KHU XỬ LÝ
- KHU CÔNG NGHIỆP
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO
- BỆNH VIỆN, TRUNG TÂM Y TẾ
- NHÀ VĂN HÓA THÔN, XÃ
- TRƯỜNG HỌC TH, TIỂU HỌC MẦM NON
- ĐƯỜNG CAO TỐC
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH LỘ
- ĐƯỜNG ĐÊ
- CẦU

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

SƠ ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN



CHÚ THÍCH:

- VÙNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
- VÙNG PHÁT TRIỂN DÂN CƯ NÔNG THÔN
- VÙNG NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
- KHU VỰC QUY HOẠCH ĐIỂM DÂN CƯ MỚI
- KHU VỰC AN NINH QUỐC PHÒNG
- KHU VỰC ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- KHU CÔNG NGHIỆP
- KHU DỰ TRỮ ĐẤT PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
- KHU HỖN HỢP SẢN XUẤT, KINH DOANH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, Ở
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
- ĐẤT TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT CÁC KHU XỬ LÝ RÁC THẢI
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- KHU VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI
- TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH
- TRUNG TÂM Y TẾ, BỆNH VIỆN CẤP HUYỆN
- TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- TRUNG TÂM GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, DI TÍCH
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH,
- ĐƯỜNG QUY HOẠCH MỚI
- ĐƯỜNG SẮT (THEO QUY HOẠCH ĐƯỜNG NỐI 2 CT)
- ĐƯỜNG ỐNG XĂNG DẦU
- CẦU
- BẾN PHÀ

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT



CHÚ THÍCH:

- VÙNG PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
- VÙNG PHÁT TRIỂN DÂN CƯ NÔNG THÔN
- VÙNG NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO
- KHU VỰC QUY HOẠCH ĐIỂM DÂN CƯ MỚI
- KHU VỰC AN NINH QUỐC PHÒNG
- KHU VỰC ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- CỤM CÔNG NGHIỆP
- KHU CÔNG NGHIỆP
- KHU DỰ TRỮ ĐẤT PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP
- KHU HỖN HỢP SẢN XUẤT, KINH DOANH THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ, Ở
- ĐẤT CƠ QUAN
- ĐẤT CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG
- ĐẤT GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO
- ĐẤT TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- ĐẤT TÔN GIÁO, TÍN NGƯỠNG
- ĐẤT CÁC KHU XỬ LÝ RÁC THẢI
- ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
- ĐẤT NGHĨA TRANG
- ĐẤT MẶT NƯỚC
- KHU VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP CÔNG NGHỆ CAO

KÝ HIỆU:

- RANH GIỚI
- TRUNG TÂM CÔNG NGHIỆP
- TRUNG TÂM HÀNH CHÍNH
- TRUNG TÂM Y TẾ, BỆNH VIỆN CẤP HUYỆN
- TRUNG TÂM THỂ DỤC THỂ THAO
- TRUNG TÂM VĂN HÓA
- TRUNG TÂM GIÁO DỤC ĐÀO TẠO NGHIÊN CỨU
- TRUNG TÂM THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
- CÔNG TRÌNH TÔN GIÁO, DI TÍCH
- ĐƯỜNG QUỐC LỘ
- ĐƯỜNG TỈNH,
- ĐƯỜNG QUY HOẠCH MỚI
- ĐƯỜNG SẮT (THEO QUY HOẠCH ĐƯỜNG NỐI 2 CT)
- ĐƯỜNG ỐNG XĂNG DẦU
- CẦU
- BẾN PHÀ

ĐỀ ÁN CÔNG NHẬN XÃ NGUYỄN TRÃI, TỈNH HƯNG YÊN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI III

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT



NGUYEN TRAI - 6/6